

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐỖ BẢO LIÊM

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM
AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐỒ BẢO LIÊM

**BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM
AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Mã số: Thí điểm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. TRƯƠNG HỒ HẢI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS.TS. TƯỜNG DUY KIÊN

2. TS. LÊ THỊ THU MAI

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đỗ Bảo Liêm', written over a horizontal blue line.

Đỗ Bảo Liêm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	11
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia.....	11
1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia.....	22
1.3. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu.....	33
1.4. Giả thuyết khoa học của đề tài và câu hỏi nghiên cứu	36
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA	39
2.1. Lý luận về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia.....	39
2.2. Lý luận về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia.....	50
2.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia.....	72
2.4. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo quy định pháp luật quốc tế và pháp luật một số quốc gia.....	79
Chương 3: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	101
3.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia	101
3.2. Thực tiễn thực hiện bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay	112
3.3. Đánh giá về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay.....	127
Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI	150
4.1. Định hướng liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam trong thời gian tới....	150
4.2. Một số giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam trong thời gian tới.....	160
KẾT LUẬN	189
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	193
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	194

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANĐT	: An ninh điều tra
ANQG	: An ninh quốc gia
BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
LHQ	: Liên Hợp Quốc
TAND	: Tòa án nhân dân
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Diễn biến tội phạm xâm phạm ANQG về số vụ và số bị can trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024	113
Biểu đồ 3.2. Cơ cấu tội phạm xâm phạm ANQG theo số vụ trong giai đoạn 2015 - 2024.....	115
Biểu đồ 3.3. Cơ cấu tội phạm xâm phạm ANQG theo số bị can trong giai đoạn 2015 - 2024.....	115

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền con người luôn là vấn đề được đặc biệt quan tâm ở Việt Nam. Hiện nay, nhà nước ta là thành viên của nhiều văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng về quyền con người như: Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Công ước chống tra tấn và đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người năm 1985, Công ước về Quyền trẻ em năm 1989,... Điều này cho thấy Việt Nam đã tích cực hội nhập, thể hiện trách nhiệm và cam kết trong việc bảo vệ quyền con người.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã khẳng định rõ quan điểm: *“Tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp và pháp luật; thực hiện dân chủ gắn với kỷ cương, kỷ luật; đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, đạo đức xã hội.”* Quan điểm này cũng đã được thể chế hóa rõ ràng tại Điều 3 Hiến pháp năm 2013, khẳng định: *“Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”*. Đặc biệt, Điều 31 Hiến pháp năm 2013 còn ghi nhận cụ thể các quyền cơ bản của người bị buộc tội, như: quyền được suy đoán vô tội; quyền được xét xử công bằng, công khai, đúng thời hạn luật định; quyền không bị kết án hai lần về một tội phạm; quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa; quyền được bồi thường và phục hồi danh dự nếu bị oan sai. Đây là những nguyên tắc nền tảng nhằm đảm bảo sự công bằng trong tố tụng và bảo vệ quyền của các cá nhân trong quá trình xử lý vụ án.

Trong bối cảnh hiện nay, tội phạm xâm phạm ANQG là những hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, là mối đe dọa đối với an ninh chính trị, xã hội đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, tội phạm xâm phạm ANQG là hành vi do người có năng lực trách nhiệm

hình sự thực hiện một cách cố ý, xâm phạm các yếu tố cốt lõi của quốc gia như chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, đối ngoại, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Thực tiễn cho thấy, trong những năm gần đây, loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng với thủ đoạn ngày càng tinh vi, khó lường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, xã hội. Chính vì vậy, việc bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG không chỉ đơn thuần là một yêu cầu pháp lý, mà còn là yêu cầu chính trị quan trọng, nhằm bảo vệ nền tảng chế độ XHCN, bảo vệ ANQG và khẳng định tính dân chủ, nhân văn của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Đặc biệt, trong giai đoạn điều tra VAHS - giai đoạn quan trọng, mang tính chất quyết định đến việc xác định sự thật khách quan - việc bảo đảm quyền con người của bị can càng cần được chú trọng. Đây là chỉ số phản ánh tính dân chủ và nhân đạo của hệ thống pháp luật. Bị can là một trong những nhóm dễ bị tổn thương trong hệ thống tố tụng, do đó, việc ưu tiên bảo vệ quyền con người của họ là yêu cầu tất yếu, đồng thời là nguyên tắc được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Mặt khác, quyền con người từ lâu cũng đã bị một số thế lực thù địch lợi dụng làm cái cớ can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia độc lập - nhất là các nước XHCN. Vì vậy, đảm bảo quyền của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG là vấn đề có ảnh hưởng sâu rộng đến chính trị, đối ngoại, và vị thế quốc gia.

Trong thực tiễn áp dụng, dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song việc bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG vẫn còn tồn tại những hạn chế. Một số quyền chưa được bảo đảm đầy đủ, thời hạn tạm giam còn kéo dài, hoạt động điều tra đôi khi vẫn còn thiếu sót. Nguyên nhân của những tồn tại này có thể đến từ hệ thống pháp luật chưa đầy đủ; trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp còn chưa đồng đều; chất lượng người bào chữa chưa cao; cơ chế giám sát chưa hiệu quả. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và hoàn thiện các quy định pháp luật, chính sách và cơ chế thực thi

để bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG là hết sức cấp thiết. Đây là bước đi cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền con người, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng chiêu bài “nhân quyền” để gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình điều tra và bảo vệ ANQG.

Chính vì vậy, Nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay***” làm đề tài nghiên cứu cho luận án Tiến sĩ pháp luật về quyền con người là phù hợp và có tính cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, luận án phân tích, đánh giá thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG; từ đó đề xuất các giải pháp nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Thứ nhất, nghiên cứu tổng quan những công trình khoa học có liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam và trên thế giới, nhằm đánh giá những nội dung đã được nghiên cứu, đồng thời rút ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án.

Thứ hai, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG như khái niệm, đặc điểm, những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG; nội dung và phương thức

bảo đảm những quyền này của bị can trong trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2025; đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

Thứ ba, đưa ra dự báo và một số định hướng và giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Luận án tập trung phân tích và khảo sát thực trạng về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trên phạm vi cả nước.

Về thời gian: Luận án nghiên cứu từ năm 2015 đến hết năm 2025 (Năm 2015 là thời gian ban hành BLTTHS và BLHS, thể chế hóa những quy định của Hiến pháp năm 2013 vào những quy định pháp luật có liên quan).

Về nội dung: Luận án dựa vào những quy định trong các Điều ước quốc tế về quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội nói riêng; tập trung vào những quy định về quyền con người của bị can được quy định trong pháp luật TTHS Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở vận dụng những quan điểm của lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật; các

điều ước quốc tế về quyền con người nói chung, về người bị buộc tội nói riêng; các văn kiện, Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách tư pháp và bảo đảm quyền con người trong các hoạt động tư pháp.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trên cơ sở lí luận là các học thuyết, các quan điểm của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện pháp luật, đảm bảo, tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người; phương pháp duy vật biện chứng; phương pháp duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ nội dung của đề tài.

Các phương pháp trên được vận dụng đồng bộ, có sự kết hợp và độc lập tương đối nhằm làm rõ nội dung cơ bản của đề tài, đảm bảo tính khoa học và logic giữa các vấn đề trong các chương. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, chủ yếu sau đây:

Phương pháp nghiên cứu tài liệu được thực hiện thông qua việc tìm hiểu và tham khảo các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, như các sách tham khảo, sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, đề tài nghiên cứu khoa học, các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành; các loại báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề có liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG. Phương pháp này được thực hiện ở các chương của luận án, đặc biệt tập trung vào chương Tổng quan nhằm làm rõ những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu của luận án.

Phương pháp tổng hợp và phân tích được sử dụng nhằm đưa ra những vấn đề góp phần hoàn thiện lý luận trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG; tập hợp và phân tích các quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS theo pháp luật quốc tế và bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG trong pháp luật một số quốc gia và Việt Nam. Thông qua đó, Nghiên cứu sinh rút ra một số kinh nghiệm quốc tế trong hoàn

thiện pháp luật Việt Nam về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG. Ngoài ra phương pháp này được sử dụng để đánh giá và hình thành các luận cứ khoa học trình bày tại Chương 2 của luận án.

Phương pháp thống kê, so sánh: Được sử dụng để so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với quy định của pháp luật quốc tế và pháp luật một số nước trên thế giới về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, qua đó chỉ ra được những thuận lợi và hạn chế góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, thông qua số liệu thống kê về các hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG trong thời gian từ năm 2015 đến hết năm 2024 tại Chương 3 của luận án, Nghiên cứu sinh đưa ra những đánh giá về hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, làm tiền đề đưa ra những đề xuất nâng cao hiệu quả hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG tại chương 4.

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người (Human Rights-Based Approach - HRBA) nhằm bảo đảm việc phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra luôn được xem xét dưới góc độ tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. Phương pháp này giúp luận án nhận diện rõ mối quan hệ giữa bảo đảm ANQG và bảo vệ quyền con người, từ đó phân tích một cách cân bằng, khách quan các quy định và thực tiễn trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Qua đó, luận án hướng tới mục tiêu đề xuất các giải pháp vừa nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, vừa bảo đảm thực thi đầy đủ các quyền con người trong TTTHS, phù hợp với yêu cầu của Nhà nước pháp quyền XHCN và các chuẩn mực quốc tế về quyền con người.

Phương pháp so sánh pháp luật nhằm đối chiếu, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt trong quy định và thực tiễn bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG giữa Việt Nam và một số quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển. Việc so sánh giúp luận án nhận diện xu hướng chung và kinh nghiệm quốc tế trong bảo đảm quyền con người trong TTHS, từ đó rút ra những giá trị tham khảo phù hợp với điều kiện chính trị, pháp lý và thực tiễn của Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu biện chứng được sử dụng nhằm xem xét việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trong mối quan hệ tác động qua lại giữa các yếu tố pháp lý, chính trị và xã hội. Trên cơ sở quan điểm duy vật biện chứng, luận án phân tích vấn đề nghiên cứu trong tính chỉnh thể, sự vận động và phát triển không ngừng của pháp luật TTHS, đồng thời làm rõ các mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo vệ ANQG với yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị can. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo đảm hài hòa giữa bảo vệ ANQG và bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra hiện nay.

Phương pháp nghiên cứu điển hình được sử dụng nhằm phân tích, đánh giá một số vụ án trong thực tiễn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG để minh họa cho các luận điểm lý luận và đánh giá chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền con người của bị can. Thông qua việc nghiên cứu các trường hợp điển hình, luận án làm rõ cách thức vận hành của các quy định pháp luật trong thực tiễn, những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các vi phạm hoặc bất cập trong bảo đảm quyền con người. Kết quả của phương pháp này góp phần củng cố cơ sở thực tiễn cho các nhận định và giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG của luận án.

Phương pháp hệ thống - cấu trúc được sử dụng nhằm nghiên cứu việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm

phạm ANQG như một chỉnh thể thống nhất, gồm các yếu tố pháp lý, tổ chức và hoạt động tố tụng. Theo đó, luận án xem xét quyền con người của bị can trong mối quan hệ cấu trúc với thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và các chủ thể tiến hành tố tụng khác, cũng như với các yêu cầu đặc thù của công tác bảo vệ ANQG. Việc phân tích các yếu tố cấu thành và mối liên hệ giữa chúng cho phép làm rõ những điểm phù hợp, bất cập trong cơ chế bảo đảm quyền con người của bị can, từ đó xác định hướng hoàn thiện pháp luật và tổ chức thực hiện trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

5. Những đóng góp mới của đề tài

Đây là công trình khoa học nghiên cứu của Việt Nam về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG một cách toàn diện và có hệ thống. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ có một số đóng góp mới về mặt khoa học như sau:

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên, đầy đủ, toàn diện về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam; xây dựng khái niệm khoa học về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, nội dung quyền con người của bị can trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ hai, luận án góp phần làm thay đổi nhận thức của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có thẩm quyền nhà nước, các chủ thể khác trong xã hội về ý nghĩa và vai trò của bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, từ đó tạo điều kiện cho hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG được thuận lợi và đạt hiệu quả cao hơn.

Thứ ba, luận án xây dựng hệ thống các phương thức bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG và những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, luận án nghiên cứu, hệ thống hóa các quyền con người của bị can nói chung, của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng; đưa ra những điểm khác biệt, thành tựu, hạn chế thông qua nghiên cứu pháp luật của nhóm các quốc gia theo các mô hình TTTHS, từ đó đưa ra những kinh nghiệm đối với Việt Nam trong hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can nói chung và trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng.

Thứ năm, luận án nghiên cứu và đánh giá thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG; đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, những vấn đề đặt ra đối với bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

Thứ sáu, luận án xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án đóng góp cho sự phát triển lý luận chung về bảo đảm quyền con người, đặc biệt là hình thành nên lý luận về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG với các nội dung như khái niệm, cơ sở lý luận và thực tiễn, ý nghĩa, các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Trên phương diện pháp luật, những phân tích, đánh giá của luận án về thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là cơ sở để hoàn thiện pháp luật TTTHS Việt Nam. Những giải pháp mà luận án đưa ra có ý nghĩa thiết thực trong việc giải quyết những vấn đề

còn tồn tại trong thực tiễn thi hành pháp luật TTHS Việt Nam về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ quyền con người, yêu cầu trong công tác cải cách tư pháp. Luận án là nguồn tư liệu có ý nghĩa để cá nhân, cơ quan hữu quan tham khảo, nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan và là nguồn tham khảo trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu về luật TTHS, về quyền con người và bảo đảm quyền con người.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương, 13 tiết:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Chương 3: Thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam hiện nay

Chương 4: Định hướng và giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam trong thời gian tới

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI LIÊN QUAN ĐẾN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

Trong hệ thống khoa học pháp lý trên thế giới hiện nay, vấn đề quyền con người và bảo đảm quyền con người được quan tâm nghiên cứu ở nhiều cấp độ và phạm vi khác nhau. Nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài luận án, Nghiên cứu sinh lựa chọn và tổng quan những công trình tiêu biểu về lý luận về quyền và bảo đảm quyền con người của bị can, về bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS; thực trạng quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra, thực tiễn và các giải pháp tăng cường bảo đảm quyền con người của bị can trong quá trình điều tra. Theo đó, các công trình nghiên cứu có thể được phân thành các nhóm sau:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài về quyền con người

Về khái niệm quyền con người, trên thế giới còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Trong công trình nghiên cứu “*Universal Human Rights in Theory and Practice*” (Quyền con người trong lý luận và thực tiễn), Nxb Cornell University press, năm 2013, tác giả Jack Donnelly cho rằng quyền con người là quyền mà cá nhân đơn giản có vì họ là con người. Trong khi đó, hai tác giả Raija Hanski và Markku Suksi trong nghiên cứu “*An introduction to the international protection of human rights*” (Giới thiệu về những bảo vệ quốc tế của quyền con người), Institute for Human rights, Abo Akademi University, năm 2000 lại đưa ra quan niệm về quyền con người theo nghĩa chung - là các quyền thuộc về cá nhân với tư cách là người, độc lập với pháp luật; và con người hiện đại - theo hướng xác định các đặc điểm của quyền con người, chỉ ra các yếu tố thực tế tạo

ra các quyền này. Đáng chú ý, Pinghua Sun trong “*Human Rights Protection System in China*” (Hệ thống bảo vệ quyền con người ở Trung Quốc), Nxb Springer, 2014 đưa ra định nghĩa quyền con người là những quyền mà mọi người được hưởng theo các thuộc tính tự nhiên và xã hội của họ, xuất phát từ nhân phẩm và giá trị vốn có của con người, các đặc tính cơ bản của quyền con người là tính tự do, bình đẳng. Quyền con người là quyền tự nhiên nhưng phải được pháp luật bảo đảm. Tác giả Pinghua Sun cũng cho rằng quyền con người bị ảnh hưởng bởi chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử, hệ thống pháp luật và các yếu tố khác. Mục tiêu quan trọng nhất của quyền con người là bảo đảm sự bình đẳng của mọi người đối với các quyền này. Từ những công trình nêu trên nghiên cứu sinh có thể tham khảo các tiêu chí, các cách tiếp cận, phạm vi và nội dung quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS.

Liên quan đến mô hình tố tụng và mối liên hệ với quyền con người, Timothy Waters trong “*A Comparison of the Inquisitorial and Adversarial Systems*” (So sánh mô hình thẩm vấn và tranh tụng) đã nêu rõ sự khác biệt: pháp luật TTHS ở các quốc gia áp dụng mô hình tranh tụng thường đặt trọng tâm vào việc bảo vệ quyền cá nhân trước quyền lực công, trong khi các hệ thống theo mô hình thẩm vấn lại ưu tiên việc kiểm soát tội phạm và lợi ích chung. Dù vậy, thực tế hiện nay mỗi hệ thống pháp luật đều phát triển các quy định và cơ chế bảo vệ quyền con người - quyền công dân riêng biệt, phù hợp với truyền thống pháp lý, nền tảng văn hóa và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Trong bài viết “*The Protection of Fundamental Human Rights in Criminal Process - General Reports*” (Bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong quá trình tố tụng hình sự - Báo cáo chung) đăng trên Utrecht Law Review, Tập 5, Số 2, Chrisje Brants và Stijn Franken nhấn mạnh rằng, dù các hệ thống tố tụng có sự khác biệt đáng kể, nhất là trong các quốc gia dân chủ, không nên đánh giá mô hình này vượt trội hơn mô hình kia, bởi trên thực tế mô hình TTHS chỉ là những cách tiếp cận khác nhau, được đặt trong cùng một mục tiêu - bảo vệ quyền con người.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài về quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Các công trình nghiên cứu nước ngoài về quyền con người của người bị buộc tội thường tập trung vào những quy định trong pháp luật quốc tế (các Điều ước quốc tế và các điều ước trong khu vực) về quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội nói riêng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, ở cấp độ quốc tế đã có nhiều công trình nghiên cứu dưới góc độ hệ thống hóa, so sánh các quy định pháp luật về quyền và thực tiễn bảo đảm quyền giữa các quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu sinh đã tiếp cận các công trình tiêu biểu như:

Sách chuyên khảo "*Criminal Procedure - A Worldwide Study*" (2nd edition) (Tố tụng hình sự - nghiên cứu toàn cầu) do Craig M. Bradley chủ biên, Nxb Carolina Academic Press, năm 2007, là công trình tổng hợp các nghiên cứu của nhiều học giả đến từ các quốc gia trên thế giới. Cuốn sách bao gồm 14 chương đã giới thiệu tổng được một bản so sánh toàn diện về luật TTHS các quốc gia trên thế giới. Nội dung trọng tâm của cuốn sách tập trung vào các quy định và hoạt động thực thi pháp luật TTHS liên quan đến quyền con người được thực hiện từ khi bắt giữ, điều tra cho đến khi xét xử người bị buộc tội, trên cơ sở so sánh hoạt động này giữa thực tiễn các quốc gia như Pháp với Đức, Hoa Kỳ với Argentina, Tây Ban Nha với Ý và Argentina, Anh với Canada,...

Một số bài viết như: "*Safeguarding the rights of Suspects and Accused persons in International criminal proceedings*" năm 2009 (Bảo vệ quyền của người bị tình nghi và người bị buộc tội trong TTHS quốc tế) của các tác giả Fedorova Masha, Sten Verhoeven, Jan Wouters. Bài báo nghiên cứu đánh giá hiệu quả và vai trò của các tòa án hình sự quốc tế trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền của người bị tình nghi và bị cáo ở cấp độ pháp luật quốc tế và trong mối quan hệ với pháp luật quốc gia. Nội dung trong đó phân tích về quyền con người không chỉ bảo vệ cho bị can, bị cáo mà còn phải bảo vệ các quyền cho

người bị tình nghi, chống phân biệt đối xử... từ đó các tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục có hiệu quả vi phạm các quyền của bị can, bị cáo, người bị tình nghi; “*The principle of equality of arms*” (Nguyên tắc bình đẳng theo địa vị tố tụng) của Jarinde P.W. Temminck Tuinstra trong cuốn sách “*Defence counsel in international criminal law*”, Nxb TMC Asser Press năm 2009, tác giả đưa ra nhiều ví dụ điển hình từ các quốc gia trên thế giới làm cơ sở để khẳng định nguyên tắc bình đẳng có phạm vi rộng và được áp dụng trong mọi giai đoạn của TTHS, ngay cả trong quá trình điều tra. Từ những nghiên cứu này, Nghiên cứu sinh tham khảo và kế thừa những lập luận, minh chứng để hỗ trợ, bổ sung cho những phân tích đưa ra trong luận án.

Ở cấp độ các điều ước quốc tế khu vực, nhiều công trình nghiên cứu đã có sự phân tích, so sánh hệ thống quy định pháp luật liên quan đến quyền và bảo đảm quyền con người trong TTHS, qua đó cung cấp bức tranh tổng quan về hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới, có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Sách chuyên khảo “*Human Rights and Criminal Procedure: The Case Law of the European Court of human rights*, 2nd edition (Quyền con người và TTHS: Án lệ của Tòa án nhân quyền Châu Âu) của tác giả Jeremy McBride do Hội đồng Châu Âu xuất bản, tái bản lần thứ 2, năm 2018. Đây là công trình tổng hợp các án lệ của Tòa án Nhân quyền Châu Âu, nghiên cứu hướng đến việc áp dụng thống nhất, bảo quyền con người trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các hành vi phạm tội, cũng như trong quá trình phúc thẩm và nhiều thủ tục tố tụng khác. Trong đó, tác giả đã đề cập đến vấn đề quyền con người nói chung trong TTHS, đặc biệt là vấn đề thực thi quyền con người phải đảm bảo các quyền tự do trong các hoạt động bắt, giam, giữ, xét xử; quyền im lặng; quyền được xét xử một cách công bằng... Công trình là cơ sở để Nghiên cứu sinh có thể so sánh, vận dụng trong hoạt động điều tra VAHS theo quy định pháp luật Việt Nam.

Sách tham khảo “*Handbook of European Criminal Procedure*” (Cẩm nang tố tụng hình sự châu Âu), của tác giả Roberto E. Kostoris chủ biên, Nhà xuất bản Springer International Publishing, năm 2018, là một công trình tổng hợp có tính hệ thống về TTHS của các quốc gia châu Âu. Sách tiếp cận TTHS dưới góc nhìn kết hợp giữa chuẩn mực của Công ước châu Âu về quyền con người và pháp luật Liên minh châu Âu, qua đó làm rõ các nguyên tắc cơ bản bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong suốt tiến trình tố tụng. Nội dung công trình bao quát các giai đoạn từ bắt, tạm giữ, điều tra đến xét xử, đồng thời phân tích vai trò kiểm soát của tòa án đối với hoạt động điều tra và áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Với cách tiếp cận so sánh và liên ngành, cuốn sách giúp phác họa rõ mối quan hệ giữa cấu trúc thể chế tố tụng và mức độ bảo đảm quyền con người. Những nội dung này được Nghiên cứu sinh sử dụng làm cơ sở tham chiếu quan trọng khi đối chiếu mô hình bảo đảm quyền của người bị buộc tội trong TTHS châu Âu với pháp luật và thực tiễn Việt Nam.

Sách chuyên khảo “*Effective Defence Rights in Criminal Proceedings: A European and Comparative Study on Judicial Remedies*” (Quyền bào chữa hiệu quả trong TTHS: Nghiên cứu châu Âu và so sánh về các biện pháp tư pháp khắc phục), của tác giả Silvia Allegrezza và Valentina Covolo, Nhà xuất bản Wolters Kluwer Italia phát hành năm 2018, tập trung nghiên cứu khía cạnh “hiệu quả” của quyền bào chữa trong TTHS. Công trình không chỉ phân tích việc ghi nhận các quyền bào chữa trong pháp luật, mà còn đi sâu làm rõ các cơ chế tư pháp nhằm bảo đảm quyền đó được thực thi trên thực tế, như quyền khiếu nại, kháng nghị, loại trừ chứng cứ và khắc phục vi phạm tố tụng. Qua nghiên cứu so sánh giữa các quốc gia châu Âu, sách chỉ ra rằng quyền bào chữa chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi kèm với các biện pháp khắc phục hữu hiệu trước tòa án. Những luận điểm này đã được Nghiên cứu sinh tiếp thu để làm rõ yêu cầu bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động điều tra hình sự ở Việt Nam, đặc biệt là việc hoàn thiện cơ chế xử lý hậu quả pháp lý của các vi phạm quyền bào chữa.

Ở cấp độ các quốc gia, quyền con người nói chung và quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS là một trong các lĩnh vực nghiên cứu cụ thể về quyền con người được quan tâm, chú ý. Mỗi quốc gia có nền tư pháp, hệ thống TTHS riêng, qua việc nghiên cứu, so sánh các nội dung tương ứng giữa Việt Nam với các quốc gia khác giúp Nghiên cứu sinh có thêm thông tin, các luận cứ khoa học để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra trong luận án.

Ở Châu Á, các nghiên cứu về thực trạng pháp luật của các nước Châu Á chủ yếu tập trung vào Trung Quốc và Nhật Bản. Với cuốn sách “*Human Rights Protection System in China*” (Hệ thống bảo vệ quyền con người ở Trung Quốc), Pinghua Sun đã xác định đối tượng được bảo vệ quyền con người trong TTHS là bị can, bị cáo, người bị hại. Trên cơ sở đó, tác giả giới thiệu những văn bản đầu tiên của Trung Quốc về bảo vệ quyền con người và những chuẩn mực của pháp luật Trung Quốc về quyền con người trong sự tương thích với pháp luật quốc tế. Đi sâu vào lĩnh vực TTHS, tác giả Jianfu Chen trong cuốn sách “*Criminal Law and Criminal Procedure Law in the People's Republic of China*” (Luật hình sự và luật TTHS tại Cộng hòa nhân dân Trung Hoa) đã khái quát hóa sự phát triển của pháp luật TTHS trong mối quan hệ chặt chẽ với việc bảo vệ quyền con người ở Trung Quốc. Quyền con người trong TTHS được tiếp cận theo hướng đi dọc các vấn đề trong TTHS (điều tra ban đầu, điều tra, truy tố, miễn truy tố, xét xử...) và trình bày theo phương pháp tuần tự về thời gian.

Các nhà khoa học Liên bang Nga đặc biệt chú ý nghiên cứu đến các vấn đề về quyền con người nói chung, quyền của bị can nói riêng. Những công trình này có thể đề cập đến dưới nhiều cấp độ như giáo trình, sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, các bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học... Có thể kể đến như Luận án tiến sĩ “*Гарантии прав обвиняемого на предварительном следствии*” (Bảo đảm quyền của bị can trong quá trình điều tra sơ bộ) của Stroykova Anastasia Sergeevna bảo vệ tại Đại học Tổng hợp Rostov, năm 2005; Luận án “*Обеспечение прав и законных интересов*

подозреваемого, обвиняемого и потерпевшего при заключении досудебного соглашения о сотрудничестве” (Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tình nghi, bị can và bị hại khi ký kết thỏa thuận hợp tác trước khi xét xử) của tác giả Yana Loshkobanova, năm 2015, Học viện Cảnh sát Volgograd, Bộ Nội vụ; Luận án “*Конституционно-правовой механизм охраны и защиты абсолютных прав и свобод человека и гражданина в Российской Федерации*” Vakhrameva L.N. (Cơ chế hiến pháp và pháp lý để bảo vệ và bảo vệ các quyền và tự do tuyệt đối của con người và công dân tại Liên bang Nga), Đại học Tổng hợp kiểm sát Liên bang Nga, năm 2020... Những công trình trên đã làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến bảo đảm các quyền con người nói chung và quyền con người của bị can nói riêng trong các giai đoạn TTHS. Các tác giả đã phân tích những cơ sở pháp lý trong hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can như Hiến pháp, pháp luật TTHS liên bang Nga, đồng thời thông qua đó cũng xây dựng hệ thống lý luận, đặc điểm về quyền của bị can trong các giai đoạn TTHS nói chung, trong giai đoạn điều tra sơ bộ nói riêng.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến các quyền cụ thể của bị can trong Tố tụng hình sự

Khác với những công trình kể trên khi các tác giả mới đề cập chung đến quyền con người nói chung và quyền của “người bị buộc tội” nói riêng, những công trình này được đề cập trực tiếp đến “bị can”, trong đó làm rõ những quyền con người cụ thể của chủ thể này trong TTHS.

Thứ nhất, những nghiên cứu về quyền con người của bị can thông qua quyền được xét xử công bằng. Quyền được xét xử công bằng là quyền mang tính bao quát trong TTHS, bởi nó là kết quả của cả quá trình TTHS, do đó, xét xử công bằng là kết quả của quá trình tố tụng công bằng đối với bị can. Một số công trình như Sách chuyên khảo “*The Right to a Fair Trial in International Law*” (Quyền được xét xử công bằng trong luật quốc tế), do Amal Clooney và Philippa Webb

đồng tác giả, Nhà xuất bản Oxford University Press, năm 2020, là một trong những công trình học thuật hiện đại và có giá trị nền tảng về quyền được xét xử công bằng trong luật nhân quyền quốc tế. Công trình tập trung phân tích sâu các chuẩn mực pháp lý quốc tế, đặc biệt là Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), trong mối liên hệ chặt chẽ với TTHS. Trên cơ sở hệ thống hóa án lệ và thực tiễn áp dụng của các cơ quan tài phán quốc tế, các tác giả làm rõ nội hàm của quyền được xét xử công bằng như một chỉnh thể bao gồm: quyền tiếp cận tòa án độc lập, vô tư; nguyên tắc tranh tụng và bình đẳng vũ khí; quyền bào chữa và các bảo đảm thủ tục trong quá trình chứng minh tội phạm.; Sách chuyên khảo *“Criminal Fair Trial Rights: Article 6 of the European Convention on Human Rights”* (Các quyền xét xử công bằng trong tố tụng hình sự theo Điều 6 Công ước châu Âu về quyền con người), của tác giả Ryan Goss, Nhà xuất bản Hart Publishing, năm 2016, tập trung phân tích toàn diện nội dung và phạm vi áp dụng của Điều 6 ECHR trong lĩnh vực hình sự. Thông qua việc khai thác hệ thống án lệ phong phú của Tòa án Nhân quyền châu Âu, tác giả làm rõ khái niệm “criminal charge”, thời điểm phát sinh địa vị pháp lý của người bị buộc tội, cũng như các bảo đảm tố tụng gắn liền với địa vị đó, bao gồm quyền được thông báo cáo buộc, quyền có luật sư, quyền đối chất nhân chứng, quyền không tự buộc tội và yêu cầu loại trừ chứng cứ thu thập trái pháp luật. Công trình cũng chỉ ra mối liên hệ hữu cơ giữa các vi phạm thủ tục ở giai đoạn điều tra với khả năng làm suy giảm tính công bằng của toàn bộ quá trình xét xử.

Những công trình kể trên đã giới thiệu, phân tích hệ thống các quyền cơ bản của con người trong TTHS, đặc biệt là quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội. Trong đó, các tác giả tập trung phân tích các quy định tại Điều 6 ECHR và Điều 14 ICCPR, UDHR, Quy chế Rome như: quyền được xét xử trước một Tòa án độc lập và vô tư, quyền chung được xét xử công bằng, quyền được xét xử công khai; quyền được tự bào chữa và nhờ người khác bào chữa; quyền được suy đoán vô tội... Đặc biệt, Thẩm phán Patrick Robinson, năm

2009, trong bài viết “*The right to a fair trial in international law, with Specific reference to the Work of the ICTY*” (Quyền được xét xử công bằng trong pháp luật quốc tế - tham chiếu cụ thể đến Tòa án hình sự quốc tế Nam Tư cũ (ICTY)) đăng trên Tạp chí Berkeley J.L Int’l L. Publicist tập 3, đã giới thiệu về nguồn gốc ban đầu của quyền được xét xử công bằng, những văn bản pháp lý quốc tế thể hiện quyền được xét xử công bằng và việc Tòa án hình sự quốc tế Nam Tư cũ (ICTY) đã áp dụng quyền được xét xử công bằng như thế nào.

Thứ hai, về quyền bào chữa của bị can. Nghiên cứu một số công trình của các tác giả, có thể thấy sự phát triển của quyền bào chữa qua các thời kỳ lịch sử được John B. Taylor khái quát trong nghiên cứu “*The Right to Counsel and Privilege Against Self-incrimination: Rights and liberties under the law*” (Quyền bào chữa và đặc quyền chống lại sự tự buộc tội: Quyền và tự do theo luật), Nxb ABC-CLIO, năm 2004. Sự ra đời của đặc quyền chống lại việc tự buộc tội cùng với tuyên bố Miranda đã tạo ra những tác động đáng kể đối với quyền bào chữa. Những thay đổi này không chỉ làm biến đổi sáu khía cạnh cốt lõi của quyền bào chữa, mà còn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý quan trọng. Điển hình là các tranh luận chính trị kéo dài xung quanh tuyên bố Miranda, yêu cầu về thủ tục tố tụng và cơ chế bảo vệ trước sự lạm dụng quyền lực từ phía cảnh sát, bảo đảm sự tham gia hiệu quả của luật sư cũng như khả năng tiếp cận quyền bào chữa thực chất đối với người nghèo; hay như Luận án tiến sĩ “*Обеспечение права на защиту в стадии возбуждения уголовного дела в Российской Федерации и иных государствах - членах СНГ*” (Bảo đảm quyền bào chữa ở giai đoạn khởi tố vụ án hình sự ở Liên bang Nga và các quốc gia khác thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập SNG) của tác giả Nikolay Aleksandrovich Loginov bảo vệ năm 2020 tại Đại học Quan hệ quốc tế Moscow, Liên bang Nga, đã tập trung phân tích, làm rõ lý luận và thực tiễn bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự. Những công trình này giúp Nghiên cứu sinh có thể kế thừa khung lý luận về quyền bảo đảm quyền của người bị buộc tội trong TTHS cho luận án của mình.

Cuốn sách “*Right of defence and the principle of equality of arms in the criminal procedure in Bulgaria*” (Quyền bào chữa và nguyên tắc bình đẳng vị trí trong TTHS Bulgaria) của các tác giả Dimitar Markov, Miriana Ilcheva, Maria Yordanova, Nxb Център за изследване на демокрацията, năm 2012. Cuốn sách đã phân tích quy định về quyền bào chữa ở Bulgaria và tập trung làm rõ nguyên tắc bình đẳng của các bên trong giai đoạn tiền xét xử. Đây cũng là một trong số những quyền của người bị buộc tội mà nghiên cứu sinh có thể tham khảo để phân tích dưới góc độ so sánh với quy định pháp luật TTHS Việt Nam.

Luận án tiến sĩ “*Guarantee of the accused person's right to defense counsel. A comparative study of Vietnamese, German and American criminal procedure law*” (Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội: So sánh giữa luật TTHS Việt Nam, Đức và Mỹ) của tác giả Lương Thị Mỹ Quỳnh tại Trường Đại học Lund, Thụy Điển năm 2011, là tài liệu tham khảo có giá trị. Mặc dù đối tượng nghiên cứu chính của đề tài luận án là bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội nhưng các điều kiện bảo đảm đó được xác định dựa trên các chuẩn mực pháp lý quốc tế. Đồng thời, quyền bào chữa của người bị buộc tội được tác giả nghiên cứu, khảo sát không chỉ ở giai đoạn xét xử, mà còn bao gồm giai đoạn điều tra, truy tố. Ngoài ra, trong luận án bảo đảm quyền bào chữa theo hướng so sánh pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền bào chữa giữa các nước có hệ thống pháp luật khác biệt rất điển hình như Đức và Mỹ, so sánh với pháp luật và thực tiễn tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu nêu trên giúp nghiên cứu sinh có thêm thông tin, cơ sở cho việc phân tích, đánh giá các quyền cụ thể của người bị buộc tội theo phạm vi luận án của mình.

Thứ ba, về quyền im lặng. Quyền im lặng cũng là chủ đề được nghiên cứu tương đối đầy đủ, như Sách chuyên khảo “*The Right to Silence in Transnational Criminal Proceedings: Comparative Law Perspectives*” (Quyền im lặng trong tố tụng hình sự xuyên quốc gia: Góc nhìn luật so sánh), của tác giả Fenella M.W. Billing biên soạn, Nhà xuất bản Springer, năm 2016. Công trình phân tích sâu

mối quan hệ giữa yêu cầu hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm với nghĩa vụ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, đặc biệt trong giai đoạn hỏi cung và thu thập lời khai. Tác giả làm rõ những nguy cơ xâm phạm quyền khi cơ quan điều tra suy luận bất lợi từ sự im lặng hoặc khai thác lời thú nhận không tự nguyện; bài viết “*A pragmatic attitude: The right to silence in the Netherlands*” (Thái độ thực dụng: quyền im lặng tại Hà Lan) của tác giả Peggy ter Vrugt đăng trên Tạp chí SAGE, Volume 12, Issue 3. Tác giả đã khái quát quá trình hình thành, phát triển quy định pháp luật Hà Lan về quyền im lặng và thực tiễn áp dụng quyền này. Ngoài ra, quyền im lặng cũng được đề cập đến một cách gián tiếp thông qua việc thực hiện các quyền liên quan đến hoạt động bào chữa của bị can khi tham gia các VAHS; Luận án tiến sĩ “*The Protection of the Right to Silence in The Gambia*” (Bảo vệ quyền im lặng tại Gambia), bảo vệ tại University of Bristol năm 2023, là một công trình nghiên cứu chuyên sâu về việc bảo đảm quyền im lặng trong TTHS dưới góc độ kết hợp giữa chuẩn mực nhân quyền quốc tế và thực tiễn pháp luật quốc gia. Luận án phân tích sự khác biệt giữa quy định pháp luật và việc thực thi trên thực tế, chỉ ra những hạn chế về nhận thức, cơ chế giám sát và chế tài đối với vi phạm quyền. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp cải cách nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền im lặng trong quá trình điều tra và xét xử.

Các công trình kể trên đã đề cập đến các nhóm quyền của người bị buộc tội nói chung, của bị can trong các vụ án hình sự nói riêng. Trong những nhóm quyền con người của bị can, các tác giả chủ yếu tập trung vào các nhóm quyền TTHS như quyền im lặng, quyền có người bào chữa và quyền được cung cấp thông tin buộc tội.... Đồng thời, kết quả của những nghiên cứu trên cũng làm rõ quy định chung cũng như những vấn đề về quyền và bảo đảm quyền con người bằng pháp luật TTHS của các quốc gia và trong các văn kiện pháp lý quốc tế. Qua đó, Nghiên cứu sinh có thể kế thừa những nội dung trong bảo đảm quyền của người bị buộc tội ở pháp luật quốc gia và quốc tế, làm rõ những đặc trưng về

quyền của bị can trong các vụ án hình sự theo mô hình TTHS của một số các quốc gia trên thế giới.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

1.2.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến bảo đảm quyền con người, quyền con người của bị can trong tố tụng hình sự

1.2.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, về quyền con người nói chung. Quyền con người là vấn đề được các nhà nghiên cứu trong nước quan tâm từ khá sớm, với số lượng công trình ngày càng lớn và chuyên sâu đã phần nào đáp ứng được những yêu cầu trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người, cũng như trong những hoạt động về xây dựng, áp dụng và hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam hiện nay. Nhìn chung các nghiên cứu của các tác giả đã đề cập một cách đầy đủ về hệ thống lý luận về quyền con người, đặc điểm về quyền con người cũng như trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước trong việc bảo đảm quyền con người.

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu có thể kể đến là “*Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*”, Nxb Chính trị quốc gia năm 2014 do các tác giả Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng đồng chủ biên; sách chuyên khảo “*Quyền con người*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, năm 2010; bài viết “*Những vấn đề chung về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự*” của GS.TSKH Lê Văn Cẩm trong sách chuyên khảo “*Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*” do TS Võ Thị Kim Oanh chủ biên, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010; Giáo trình “*Giáo trình các nguyên tắc cơ bản của luật TTHSi, dành cho chương trình đào tạo sau Đại học của PGS, TS Nguyễn Ngọc Chí*”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2018, sách chuyên khảo

“*Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, năm 2011.

Các nghiên cứu trên chỉ ra chủ thể có nghĩa vụ bảo đảm quyền con người là nhà nước, nghĩa vụ này bao gồm việc tôn trọng, bảo vệ và thực thi quyền con người. Các nghiên cứu xây dựng khái niệm, quá trình hình thành, các nhân tố ảnh hưởng đến việc hình thành và hoạt động của cơ chế bảo đảm quyền con người. Nghiên cứu sinh có thể kế thừa kết quả nghiên cứu này để hình thành khái niệm và xác định nội dung cơ chế bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS. Nhìn chung, các vấn đề lý luận được đề cập trong các công trình trên có mối liên hệ chặt chẽ với những vấn đề luận án nghiên cứu, là nền tảng, cơ sở nghiên cứu sinh xây dựng lý thuyết về quyền con người và bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực TTHS.

Thứ hai, về quyền con người trong TTHS. Nội dung này đã được đề cập trong một số công trình, như sách chuyên khảo “*Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*” của PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí, Nxb Hồng Đức năm 2015; đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao “*Quyền con người trong TTHS và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi pháp luật TTHS TTHS*” của TS Lê Hữu Thế, nghiệm thu năm 2011. Các khái niệm đều xác định bản chất, đối tượng của quyền con người, chủ thể có trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong TTHS. Các tác giả thống nhất bản chất quyền con người trong TTHS là những quyền dân sự, chính trị, Nhà nước có nghĩa vụ ghi nhận và bảo đảm quyền con người.

Ở phạm vi hẹp hơn là trong TTHS, PGS.TS Nguyễn Thái Phúc trong báo cáo khoa học “*Bảo đảm quyền con người trong TTHS trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN*” tại Hội thảo quốc tế về quyền con người trong TTHS do Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Ủy ban nhân quyền Australia tổ chức tháng 3/2010; PGS, TS Trần Văn Độ trong bài viết “*Bảo đảm quyền con người của bị cáo trong TTHS*”, đăng tải trên Tạp chí Luật sư, tháng

9/2021, đã đưa ra định nghĩa về bảo đảm quyền con người trong TTHS. Các quan điểm trên chỉ ra nội dung, mục đích, chủ thể được bảo đảm quyền con người nhưng chưa xác định chủ thể có trách nhiệm bảo đảm và chưa thống nhất với nhau về cách thức, mục đích bảo đảm quyền con người.

Thứ ba, về cơ chế bảo đảm quyền con người trong TTHS. Cơ chế bảo đảm quyền con người được các tác giả nghiên cứu ở phạm vi rộng hẹp khác nhau. PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí trong “*Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*” xác định cơ chế bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự bao gồm cơ chế toàn cầu và cơ chế nội tại. Cơ chế nội tại bao gồm các phương diện xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật và kiểm soát việc thực thi pháp luật.

Trong lĩnh vực TTHS, PGS.TS Nguyễn Thái Phúc trong báo cáo khoa học “*Bảo đảm quyền con người trong TTHS trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN*” cho rằng các thành tố của cơ chế bảo đảm quyền con người trong TTHS là: các nguyên tắc cơ bản của TTHS, hình thức tổ tụng, các nghĩa vụ tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm các quyền tổ tụng và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng được thực hiện một cách tốt nhất, hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật trong TTHS, các quyền tổ tụng của những người tham gia tố tụng.

PGS.TS Trần Văn Độ trong “*Bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*” đăng trên tạp chí Khoa học pháp lý số 6/2010, đã xác định xây dựng hệ thống đồng bộ các biện pháp bảo đảm quyền con người trong TTHS bao gồm xây dựng pháp luật TTHS, bảo đảm thực hiện pháp luật TTHS về quyền con người, xử lý vi phạm pháp luật về quyền con người, bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của người tham gia tố tụng, chế độ trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nghiên cứu về cơ chế bảo đảm quyền con người trong TTHS cũng như các yếu tố cấu thành của nó là nền tảng, cơ sở để xây dựng cơ chế bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS.

Thứ tư, về các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người trong TTHS: Những công trình tiêu biểu đề cập đến vấn đề này bao gồm: bài viết “*Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật TTHS Việt Nam - Những vấn đề lý luận cơ bản*” của GS.TSKH. Lê Văn Cẩm; bài viết “*Quyền con người, quyền công dân dưới góc độ pháp luật TTHS Việt Nam*” của TS Đỗ Thị Phương đăng trên tạp chí Luật học số 4/2011; bài viết “*Mô hình, hình thức TTHS và việc bảo vệ quyền con người*” của TS Lê Tiến Châu đăng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 8/2008; cuốn sách chuyên khảo “*Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*” do TS Võ Thị Kim Oanh chủ biên, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, năm 2010. Nổi bật trong đề tài nghiên cứu cấp Bộ “*Quyền con người trong TTHS và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi pháp luật TTHS*”, tác giả xác định khá đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng bảo đảm quyền con người trong TTHS như hệ thống pháp luật, cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ chế giám sát, sự tham gia của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân. Tác giả Đỗ Thị Phương chỉ ra hai yếu tố là nhận thức của người tham gia tố tụng về quyền con người và ý thức trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người của người tham gia tố tụng. Trong khi đó, tác giả Lê Tiến Châu lại quan tâm đến sự ảnh hưởng mô hình tố tụng đến việc bảo đảm quyền con người. Các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong TTHS chính là cơ sở để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS.

1.2.1.2. Các công trình nghiên cứu về quyền con người và bảo đảm quyền con người của bị can trong tố tụng hình sự

Nghiên cứu các vấn đề lý luận về quyền con người và bảo đảm quyền con người ở một phạm vi hẹp hơn nữa là chỉ trong lĩnh vực TTHS và giới hạn lại đối tượng nghiên cứu là bị can, các nghiên cứu đã đề cập đến nhiều nội dung liên quan đến đề tài luận án, cụ thể:

Thứ nhất, về khái niệm bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS

Hiện nay, chỉ có một số ít công trình nghiên cứu chung về bảo đảm quyền của người bị buộc tội/ hoặc quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nói chung mà chưa đưa ra khái niệm riêng biệt, cụ thể về bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS. Tác giả Trần Quang Tiệp trong sách chuyên khảo “*Về đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS*”, Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2009 xây dựng khái niệm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS là việc quy định và thi hành những biện pháp, phương tiện do pháp luật TTHS quy định nhằm thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, cũng như thực hiện nhiệm vụ của tư pháp hình sự trong TTHS.

TS Nguyễn Hữu Hậu trong luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động chứng minh buộc tội của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử VAHS*”, bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội, năm 2019 cho rằng bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động chứng minh buộc tội của Viện kiểm sát là việc cơ quan này có nghĩa vụ, trách nhiệm bảo đảm thực hiện đúng đắn, đầy đủ những quy định của pháp luật TTHS về hệ thống các nguyên tắc tố tụng, về quyền, nghĩa vụ của người bị buộc tội, về trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp tố tụng đối với người bị buộc tội; thực hiện những quyền năng luật định của Viện kiểm sát khi chứng minh buộc tội, phát hiện và xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quá trình giải quyết VAHS.

Thứ hai, về cơ sở bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS.

Cơ sở bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chưa được làm rõ trong các công trình nghiên cứu hiện nay, tuy nhiên một số khía cạnh cụ thể của nội dung trên đã được quan tâm nghiên cứu. Tác giả Lại Văn Trình trong luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*”, bảo vệ tại Trường Đại học Luật TP.

Hồ Chí Minh, năm 2011, xác định mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền và việc bảo đảm quyền con người là bảo đảm quyền con người không chỉ là nội dung, bản chất mà còn là mục tiêu cao nhất trong xây dựng nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền với đặc trưng cơ bản là bảo đảm quyền con người theo nghiên cứu sinh là cơ sở lý luận của việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS. Về đối tượng của bảo đảm quyền con người của bị can, luận án xác định bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS bao gồm bảo đảm quyền công dân chung và bảo đảm quyền tố tụng của họ.

TS Trần Quang Tiệp trong sách chuyên khảo *“Về đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS”* Nxb Chính trị Quốc gia, năm 2009, cho rằng bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là bảo đảm các quyền con người của các đối tượng này như quyền được bình đẳng, quyền được bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, danh dự tài sản, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bào chữa, quyền được suy đoán vô tội, quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự. Nghiên cứu sinh kế thừa kết quả nghiên cứu của TS Trần Quang Tiệp khi phân tích đối tượng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS.

Thứ ba, về một số quyền cụ thể của người bị buộc tội trong TTHS.

Pháp luật TTHS về các quyền con người cụ thể của bị can được nghiên cứu và phân tích trong nhiều tác phẩm, từ sách chuyên khảo, luận án đến các bài báo trên tạp chí chuyên ngành, cụ thể: Quyền không bị giam giữ tùy tiện được đề cập trong bài viết *“Bảo đảm quyền con người của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam trong TTHS Việt Nam”* của PGS.TS Hoàng Thị Minh Sơn, Tạp chí Luật học, số 3/2011. Trong bài viết của PGS. TS Trần Văn Độ *“Quyền im lặng trong mối quan hệ với nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa và nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử”*, Tạp chí Pháp luật và phát triển, số 10/2015, đã tiếp cận

quyền im lặng từ góc độ phân tích mối quan hệ giữa quyền này và nguyên tắc của TTHS. Bài viết “*Bàn về cơ chế bảo đảm thực hiện quyền im lặng trong TTHS*” của tác giả Phạm Thanh Huyền đăng trên Tạp chí Kiểm sát điện tử đã đưa ra các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền im lặng của người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong quá trình giải quyết VAHS.

Luận án tiến sĩ “*Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật TTHS Việt Nam*” của Nguyễn Trần Như Khuê bảo vệ tại Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022. Tác giả đã phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp bảo đảm quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội theo các quyền cụ thể, gồm: người bị buộc tội được xét xử bởi Thẩm phán, Hội thẩm độc lập, vô tư và có thẩm quyền; người bị buộc tội được xét xử kịp thời và xét xử công khai; người bị buộc tội được bình đẳng trước pháp luật và trước Tòa án; người bị buộc tội được suy đoán vô tội, không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội; người bị buộc tội được quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa; người bị buộc tội được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án; người bị buộc tội được quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình và được hỗ trợ phiên dịch miễn phí.

Luận văn thạc sĩ “*Quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội của người bị buộc tội trong TTHS Việt Nam*” của Đào Trung Đức bảo vệ tại Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội năm 2023, đã phân tích làm rõ về lý luận và thực tiễn thực thi quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình - một trong những quyền đặc trưng và quan trọng của người bị buộc tội trong TTHS Việt Nam.

Thứ tư, về biện pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS.

Tác giả Lại Văn Trình trong luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*”; bài viết “*Quyền bào chữa và việc đảm bảo quyền bào chữa của bị can, bị cáo trong TTHS*” của tác giả Nguyễn Văn Trọng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 12/2009, chỉ

ra biện pháp bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật cũng như thực hiện nghiêm chỉnh các quy định đó.

Yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội được tác giả Nguyễn Hữu Hậu xác định trong luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động chứng minh buộc tội của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*” là yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Yếu tố chủ quan được xác định là ý thức, nhận thức của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng. Các yếu tố khách quan là cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc, các yếu tố thuộc về thể chế, thiết chế. Nội dung trên là tài liệu tham khảo hữu ích khi nghiên cứu các yếu tố bảo đảm quyền con người của bị can.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Một số khía cạnh lý luận khác có liên quan nhất định đến đề tài luận án như khái niệm, đặc điểm giai đoạn điều tra VAHS, mối quan hệ giữa điều tra trong TTHS với việc bảo vệ quyền con người cũng được đề cập trong cuốn sách “*Nghiên cứu so sánh về điều tra trong Luật TTHS của Trung Quốc và Việt Nam*” của PGS. TS Ngũ Quang Hồng, Nxb Tư pháp năm 2011. Tác giả Ngũ Quang Hồng nhận định việc điều tra trong TTHS để làm rõ sự thật của vụ án có liên quan mật thiết với quyền con người và đưa ra những nguyên tắc cần tuân thủ trong khi xây dựng và hoàn thiện các quy định về điều tra trong TTHS để bình ổn và cân bằng nhu cầu điều tra với việc bảo vệ quyền con người. Các vấn đề được đề cập trong cuốn sách trên có ý nghĩa quan trọng với việc nghiên cứu đề tài luận án. Đi sâu vào những nội dung lý luận về các quyền con người cụ thể của bị can, một số quyền được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu như quyền bào chữa, quyền suy đoán vô tội.

Các nghiên cứu về quyền được suy đoán vô tội xây dựng khái niệm, đặc điểm, bản chất của quyền được suy đoán vô tội, xác định chủ thể của quyền

được suy đoán vô tội, chủ thể có nghĩa vụ đảm bảo suy đoán vô tội, chỉ ra cơ chế thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn điều tra, nổi bật là các nghiên cứu sau: sách chuyên khảo “*Nguyên tắc suy đoán vô tội trong luật TTHS Việt Nam*” của TS Nguyễn Thành Long, Nxb chính trị quốc gia, năm 2011; bài nghiên cứu: “*Về cơ chế thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo pháp luật TTHS năm 2015*” của Nguyễn Tất Thành, Tạp chí TAND, Số 5/2016.

Công trình “*Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*” của TS Trần Thị Thu Hiền, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2020, là công trình nghiên cứu bao quát, tương đối đầy đủ về lý luận trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung; đồng thời tác giả cũng đưa ra những cơ sở chính trị, pháp lý trong bảo đảm quyền, những yếu tố ảnh hưởng đến bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Tác giả đã phân loại nội dung bảo đảm quyền con người của bị can dựa trên những quy định trong các văn kiện pháp lý quốc tế, đưa ra quan điểm về quyền con người nói chung, cũng như những điểm phân biệt đối với quyền con người trong TTHS. Đặc biệt, tác giả Trần Thị Thu Hiền hướng đến những quy định của pháp luật trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS như: Quy định của pháp luật TTHS về nguyên tắc tố tụng bảo đảm quyền con người của bị can; Quy định của pháp luật TTHS về quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; Quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; Quy định của pháp luật TTHS về trình tự, thủ tục điều tra nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; Quy định của pháp luật TTHS về giám sát việc thực thi quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Tác giả Hoàng Văn Chuyên với nghiên cứu “*Bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG tại cơ quan An ninh điều*

tra, Bộ Công an”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2019. Công trình nghiên cứu chuyên sâu vào quyền bào chữa - một trong các nhóm quyền con người của bị can, đặc biệt tác giả đã xác định phạm vi trong các vụ án xâm phạm ANQG theo thẩm quyền của cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Hoàng Văn Chuyên đã làm rõ đặc điểm của các vụ án xâm phạm ANQG, đặc điểm bị can trong các vụ án này. Đồng thời tác giả cũng đưa ra những đánh giá về tình hình các vụ án xâm phạm ANQG, về thực trạng bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong điều tra các vụ án này của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an, từ đó đã đưa ra định hướng trong sửa đổi những quy định của pháp luật TTHS, pháp luật hình sự và những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Một số Luận văn thạc sĩ, như “*Kiểm sát điều tra các tội xâm phạm ANQG theo pháp luật TTHS Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Ngọc Tân bảo vệ tại Học viện khoa học xã hội năm 2017, “*Bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*” của Hoàng Thanh Tùng, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, năm 2022... Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra rằng hoạt động điều tra là giai đoạn khởi đầu của quá trình tố tụng, có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Điều này góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, Nhà nước cũng như các chủ thể khác trong xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận kết hợp với khảo sát, đánh giá thực tiễn thi hành các quy định của BLTTHS về bảo đảm quyền con người của bị can, bị cáo, nhiều tác giả đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo đảm các quyền này trong thực tiễn tố tụng.

Theo quy định hiện hành, hoạt động điều tra luôn đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của Viện kiểm sát nhân dân. Chất lượng công tác kiểm sát điều tra có ý nghĩa then chốt trong việc định hướng hoạt động của cơ quan điều tra, bảo đảm việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can và kết luận điều tra được tiến hành khách quan,

đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chỉ khi kết quả điều tra đạt tính trung thực, khách quan thì các giai đoạn truy tố, xét xử mới bảo đảm đúng quy định, qua đó quyền con người cũng như các quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội mới thực sự được bảo vệ. Với cách tiếp cận này, những công trình nghiên cứu trên là thông tin tham khảo có giá trị để Nghiên cứu sinh tiến hành thu thập, khảo sát thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra vụ án xâm phạm ANQG trên cơ sở hoạt động của Viện kiểm sát các cấp.

Về các giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói chung và điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng đã được đề cập trong nhiều công trình. Điển hình như: Luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam hiện nay*” của Nguyễn Huy Hoàn; luận án tiến sĩ “*Bảo vệ quyền con người trong TTHS*” của tác giả Nguyễn Quang Hiền, luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền của người chưa thành niên trong TTHS ở Việt Nam*” của tác giả Lê Minh Thắng. Trong khi tác giả Nguyễn Quang Hiền đưa ra các giải pháp tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, đẩy mạnh giáo dục đạo đức xã hội, giáo dục pháp luật thì tác giả Lê Minh Thắng lại hướng sự quan tâm đến giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ, tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất và kinh phí của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các giải pháp bảo đảm quyền con người trong TTHS trên là cơ sở để Nghiên cứu sinh xây dựng các giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS.

Trong phạm vi hẹp hơn, chỉ hướng đến đối tượng là người bị buộc tội, tác giả Lại Văn Trình trong Luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*” đề xuất các giải pháp như tăng cường hướng dẫn áp dụng BLTTHS, nâng cao trình độ của người tiến hành tố tụng, hoàn thiện chế độ trách nhiệm đối với người tiến hành tố tụng. Tác giả Trần Thị Thu Hiền trong luận án tiến sĩ “*Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*” đã đề xuất các giải pháp như hoàn thiện các quy định của BLTTHS về các nguyên tắc cơ bản trong TTHS,

về quyền của bị can, về nhiệm vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, về trình tự, thủ tục điều tra; giải pháp tăng cường năng lực cán bộ tư pháp; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm quyền con người; đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động điều tra; xử lý nghiêm hành vi vi phạm quyền con người của bị can.

Hệ thống các giải pháp bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói chung và trong điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng nêu trên được Nghiên cứu sinh tham khảo, củng cố luận cứ cho các giải pháp đưa ra trong luận án của mình.

1.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN SẼ TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thứ nhất, những kết quả đạt được và kế thừa

Qua nghiên cứu có thể thấy các công trình khoa học trong và ngoài nước đã xây dựng các tri thức khoa học, cung cấp những cơ sở nền tảng về mặt lý luận và thực tiễn ở mức độ nhất định cho việc triển khai nghiên cứu luận án. Những kết quả mà luận án có thể kế thừa là:

Một là, về các vấn đề lý luận. Các công trình làm sáng tỏ khái niệm quyền con người, quyền công dân, mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân, quyền con người trong TTHS. Các nghiên cứu cũng khẳng định để bảo đảm quyền của người trong TTHS, các quốc gia phải ghi nhận cụ thể các quyền này trong hệ thống pháp luật TTHS và có các cách thức, biện pháp để triển khai thực hiện trong thực tiễn. Một số công trình nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố cơ bản để bảo đảm quyền con người trong TTHS như hệ thống các quy phạm pháp luật đầy đủ; các cơ quan tư pháp hoàn chỉnh hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng với yêu cầu của hoạt động; cơ chế giám sát chặt chẽ, thông suốt, sự tham gia đồng đẳng của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân.

Cùng với đó, một số công trình nghiên cứu về pháp luật hình sự cũng đã làm rõ về các loại tội phạm xâm phạm ANQG, trong đó chỉ ra lịch sử hình

thành, cấu thành và đặc trưng của các loại tội phạm này, cũng như đặc trưng của các đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm ANQG.

Hai là, về thực trạng pháp luật. Các công trình nghiên cứu đã tổng kết quá trình hình thành và phát triển quy định của pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS trong đó tập trung phân tích các quy định của pháp luật TTHS về quyền con người của bị can. Đồng thời một số công trình cũng đề cập đến chuẩn mực quốc tế về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong pháp luật TTHS và pháp luật một số quốc gia về quyền của bị can trong TTHS nói chung.

Ba là, về thực tiễn thi hành pháp luật TTHS về bảo đảm quyền của bị can. Trong công trình nghiên cứu của các tác giả, thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS được phân tích theo các giai đoạn hoặc các hoạt động tố tụng. Từ đó các tác giả đã phân tích, làm rõ những bất cập hạn chế và nguyên nhân của bất cập, hạn chế, để từ đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp trong hoàn thiện pháp luật TTHS về quyền của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS, cũng như đối với tội phạm xâm phạm ANQG.

Thứ hai, về những vấn đề còn chưa thống nhất

Một là, về mặt lý luận trong các công trình nghiên cứu còn chưa thống nhất như: một số khái niệm liên quan đến đề tài luận án còn quan điểm gây tranh cãi như khái niệm quyền con người của bị can trong TTHS, khái niệm bảo đảm quyền con người trong TTHS. Điều này xuất phát từ phạm vi tiếp cận rộng hẹp khác nhau, do đó các tác giả đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về cơ chế bảo đảm quyền con người nói chung và cơ chế bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng.

Hai là, một số nội dung chưa được làm rõ trong các công trình nghiên cứu; chưa có công trình đưa ra khái niệm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG mà chỉ đi vào nghiên cứu nói chung; chưa có công trình nào nghiên cứu một cách tổng thể tất cả những quy định pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra

vụ án xâm phạm ANQG. Việc nghiên cứu pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS mới chỉ mang tính giới thiệu, chưa có những phân tích sâu hoặc so sánh với các quy định tương ứng của BLTTHS Việt Nam, đặc biệt chưa có công trình nào đánh giá mức độ bảo đảm quyền con người của bị can trong pháp luật TTHS Việt Nam so với các chuẩn mực quốc tế.

1.3.2. Những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu, Luận án có thể kế thừa những luận án xác định những nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, luận án nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu hơn những vấn đề lý luận về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, cụ thể: khái niệm và đặc điểm của bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG; những yếu tố ảnh hưởng và ý nghĩa của hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG. Trong đó, cần xây dựng khái niệm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG một cách bao quát, chuẩn xác với những đặc trưng của loại tội phạm xâm phạm ANQG (tính chất của tội phạm và đặc điểm của các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội), giúp phân biệt một cách rõ ràng với hoạt động này với việc bảo vệ quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án khác.

Cùng với đó, luận án xây dựng hệ thống các loại quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG; nội hàm của hoạt động bảo đảm quyền này trong TTHS, làm căn cứ tiến hành khảo sát hoạt động bảo đảm quyền trong các Luận án. Luận án hướng đến xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG; làm rõ ý nghĩa bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS trên các phương diện là ý nghĩa chính trị, ý nghĩa xã hội, ý nghĩa pháp lý.

Thứ hai, về thực trạng pháp luật. Luận án nghiên cứu, làm rõ những chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền của người bị buộc tội nói chung, bị can nói riêng. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu pháp luật của các quốc gia đại diện cho các mô hình TTHS trên thế giới. Từ đó đặt ra những bài học kinh nghiệm trong việc hoàn thiện pháp luật TTHS Việt Nam về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS. Đồng thời, luận án nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu hơn thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra ở Việt Nam, gồm thực trạng ban hành, áp dụng pháp luật. Từ đó đưa ra những đánh giá, đặc biệt tập trung vào những hạn chế, phân tích nguyên nhân, qua đó làm tiền đề để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ ba, luận án phân tích, đánh giá về mức độ bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS trong các quy định của pháp luật TTHS Việt Nam hiện hành; Đánh giá thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG. Từ đó, luận án cũng chỉ ra những kết quả tích cực, những hạn chế, vướng mắc, xác định nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc đó.

Trên cơ sở thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS, yêu cầu của cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng các kiến nghị hoàn thiện pháp luật và các giải pháp nhằm tăng cường bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

1.4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết khoa học

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, luận án kiểm chứng giả thuyết sau: *Quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG đã*

được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và bảo đảm thông qua những quy định pháp luật và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước. Do đặc điểm loại tội phạm và nhân thân đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm ANQG mà vấn đề bảo đảm quyền con người của các bị can này trong giai đoạn điều tra có tính đặc thù, được đặc biệt chú trọng và bảo đảm thực hiện. Tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn còn xuất hiện tình trạng quyền con người của bị can trong điều tra một số vụ án xâm phạm ANQG còn chưa thật sự được đảm bảo đầy đủ, kịp thời, nên cần có các định hướng cụ thể, đồng thời tiến hành đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án cần giải quyết một số câu hỏi nghiên cứu quan trọng như sau:

1) Những nghiên cứu về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam nào cần được kế thừa, phát triển và tiếp tục nghiên cứu mới như thế nào?

2) Những đặc trưng trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là gì? Ý nghĩa và vai trò của hoạt động này thể hiện như thế nào?

3) Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG được xác định như thế nào theo pháp luật TTHS? Đặc trưng nội hàm quy định này trong pháp luật một số quốc gia trong mô hình TTHS điển hình.

4) Thông qua đánh giá thực trạng, tại sao trong một số trường hợp hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG chưa thật sự kịp thời và đầy đủ?

5) Nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG cần áp dụng các nhóm giải pháp nào?

Kết luận chương 1

Trong hệ thống khoa học pháp lý trên thế giới hiện nay, vấn đề quyền con người và bảo đảm quyền con người được quan tâm nghiên cứu ở nhiều cấp độ và phạm vi khác nhau. Trong đó nhiều công trình nghiên cứu ở nước ngoài về quyền con người của người bị buộc tội và một số quyền cụ thể của bị can trong TTHS như ở cấp độ quốc tế với nhiều công trình nghiên cứu dưới góc độ hệ thống hóa, so sánh các quy định pháp luật về quyền và thực tiễn bảo đảm quyền giữa các quốc gia trên thế giới; ở cấp độ khu vực, nhiều công trình nghiên cứu đã có sự phân tích, so sánh hệ thống quy định pháp luật liên quan đến quyền và bảo đảm quyền con người trong TTHS, qua đó cung cấp bức tranh tổng quan về hệ thống pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới và các công trình ở cấp độ quốc gia.

Còn ở trong nước, các công trình nghiên cứu về quyền con người và bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS đã tương đối đa dạng. Một số khía cạnh lý luận khác có liên quan nhất định đến đề tài luận án như khái niệm, đặc điểm giai đoạn điều tra VAHS, mối quan hệ giữa điều tra trong TTHS với việc bảo vệ quyền con người cũng được đề cập trong các nghiên cứu của tác giả Ngũ Quang Hồng, Nguyễn Thành Long, Nguyễn Tất Thành, Trần Thị Thu Hiền...

Nghiên cứu sinh đã đưa ra những đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu, đồng thời cũng đưa ra hệ thống các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết khoa học để làm luận cứ cho các nội dung tiếp theo của luận án.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

2.1. LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

2.1.1. Khái niệm giai đoạn điều tra tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia

2.1.1.1. Khái niệm tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia

An ninh quốc gia là khái niệm dùng để chỉ “*sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ xã hội, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và các lợi ích quan trọng khác của một quốc gia*”. Do vị thế, tiềm lực của các quốc gia khác nhau nên quan điểm của nhà lập pháp các nước trên thế giới về ANQG cũng rất khác nhau. Ở Việt Nam, khái niệm ANQG được hiểu là “*sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ XHCN và Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc*” (khoản 1 Điều 3 Luật ANQG năm 2004). Theo quy định của BLHS hiện hành, nội hàm khái niệm ANQG được gián tiếp đề cập trong cụm từ: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh (khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)).

Xâm phạm ANQG là những hoạt động gây nguy hại đến sự ổn định, vững mạnh về chính trị, kinh tế, xã hội và chủ quyền của quốc gia. Quá trình phát triển cho đến nay, các loại tội phạm xâm phạm ANQG tiếp tục được quy định BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), bao gồm 14 tội xâm phạm ANQG: Tội phản bội Tổ quốc (Điều 108); Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109); Tội gián điệp (Điều 110); Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 111); Tội bạo loạn (Điều 112); Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân

(Điều 113); Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 114); Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 115); Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 116); Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 117); Tội phá rối an ninh (Điều 118); Tội chống phá cơ sở giam giữ (Điều 119); Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 120); Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 121).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tội phạm là *“hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật XHCN mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”*.

Từ các đặc trưng pháp lý này, căn cứ vào quy định của BLHS hiện hành về tội phạm, có thể hiểu: *tội xâm phạm ANQG là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Chương XIII BLHS, do người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh mà theo quy định phải bị xử lý hình sự*.

2.1.1.2. Khái niệm giai đoạn điều tra tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia

Giai đoạn điều tra được nhìn nhận và quy định khác nhau ở các quốc gia phụ thuộc vào mô hình và hình thức tổ tụng, cách thức tổ chức bộ máy cơ quan

bảo vệ pháp luật- tư pháp ở từng nước. Ở một số quốc gia (Nhật Bản, Italia, Pháp, Hoa kỳ) giai đoạn điều tra là giai đoạn đầu tiên trong TTHS, được bắt đầu bằng hoạt động tố giác về tội phạm, thường do Cảnh sát hoặc Công tố viên tiến hành, hoặc có thể thực hiện bởi Đại Bồi thẩm đoàn liên bang dưới sự kiểm soát của Công tố viên liên bang (như tại TTHS Hoa Kỳ). Mục đích của giai đoạn điều tra là xác định hành vi phạm tội có xảy ra không, nếu tội phạm được thực hiện, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành làm rõ người thực hiện hành vi phạm tội (TTHS Hoa Kỳ); trường hợp không đủ căn cứ để bảo đảm cho việc truy tố tội phạm, thì cơ quan có thẩm quyền cần đưa ra báo cáo về việc không truy tố; Nếu có đủ thông tin để bảo đảm cho việc truy tố, người có thẩm quyền cần xây dựng Báo cáo truy tố, trong đó có những thông tin và chứng cứ thu thập được và phác họa giả định pháp lý về các tình tiết của hành vi phạm tội. Trong TTHS một số quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam, Liên bang Nga, giai đoạn điều tra trong TTHS được tiến hành từ khi có quyết định khởi tố vụ án, trước giai đoạn buộc tội chính thức (truy tố). Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra là thu thập chứng cứ của vụ án và kiểm tra, đánh giá chứng cứ để đưa vào hồ sơ vụ án, nhằm làm rõ tội phạm và người phạm tội. Kết thúc giai đoạn này, Cảnh sát hoặc Công tố viên yêu cầu đình chỉ vụ án hoặc chính thức buộc tội bị can. Nói cách khác, phần lớn các quốc gia ở các mô hình TTHS khác nhau đều quy định giai đoạn điều tra là một giai đoạn độc lập trong TTHS.

Theo quy định pháp luật TTHS Việt Nam, điều tra VAHS là giai đoạn TTHS độc lập, trong đó các cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để thu thập chứng cứ xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết cần thiết khác làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Điều tra VAHS bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố VAHS và kết thúc khi Cơ quan điều tra đưa ra kết luận điều tra, đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra.

Điều tra VAHS là một giai đoạn trong trình tự tố tụng, đồng thời là quá trình áp dụng pháp luật rất phức tạp, được tiến hành nhằm làm rõ một cách

khách quan sự thật của vụ án. Chủ thể có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra VAHS trong TTTHS Việt Nam bao gồm Cơ quan điều tra và các Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Điều tra VAHS nói chung, điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng là quá trình tìm kiếm, thu thập chứng cứ để chứng minh của Cơ quan ANĐT các cấp. Kết quả của hoạt động này là cơ sở cho các hoạt động tố tụng tiếp theo như truy tố, xét xử và thi hành án; kết quả của hoạt động điều tra đối các vụ án xâm phạm ANQG còn nhằm bảo đảm quyền của các chủ thể tham gia tố tụng - đặc biệt là bị can trong các vụ án này. Hoạt động điều tra đối với tội xâm phạm ANQG là hoạt động được tiến hành đối với các loại tội phạm mang tính chất rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, do đó các quy định trong giai đoạn này cũng mang tính chất nghiêm khắc hơn như việc áp dụng thời hạn tạm giam, thời hạn điều tra cũng kéo dài hơn, điều này có thể gây ảnh hưởng cũng như tạo ra nguy cơ trong việc vi phạm các quy định về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra loại tội phạm này.

Do đó, có thể hiểu điều tra vụ án xâm phạm ANQG là giai đoạn TTTHS độc lập, trong đó cơ quan An ninh điều tra các cấp áp dụng các biện pháp do BLTTTHS quy định để thu thập chứng cứ xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết cần thiết khác làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án xâm phạm ANQG.

2.1.2. Khái niệm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

2.1.2.1. Khái niệm quyền con người

Quyền con người (Human rights) là thành quả trong quá trình đấu tranh bền vững trong lịch sử nhân loại. Đặc biệt từ khi tổ chức LHQ ra đời và chính thức thừa nhận quyền con người là giá trị được bảo vệ tại Hiến chương năm 1945, Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948 thì quyền con người đã phát triển thành một khuôn khổ về mặt đạo đức, chính trị và pháp lý và bảo đảm quyền con người trở thành định hướng phát triển của xã hội loài người.

Quyền con người là khái niệm có tính phổ biến trong nghiên cứu của nhiều học giả trên thế giới và được tiếp cận từ những khía cạnh khác nhau như: chính trị, đạo đức, pháp lý... Quan điểm của những tác giả theo học thuyết về quyền tự nhiên thì *“Quyền con người là những sự được phép mà tất cả các thành viên của cộng đồng nhân loại, không phân biệt giới tính, chủng tộc, tôn giáo và địa vị xã hội... đều có ngay từ khi sinh ra đơn giản chỉ vì họ là con người”* [94]. Theo đó, có thể hiểu quyền con người là những giá trị vốn có, tự nhiên; là những nhu cầu thiết yếu của con người, được hưởng khi sinh ra và sống trong một cộng đồng ổn định.

Bên cạnh cách tiếp cận trên về quyền con người thì còn cách tiếp cận theo hướng pháp lý khi những quyền này được đảm bảo bởi những quy định trong pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia, đảm bảo thực hiện bởi những cơ quan có thẩm quyền. Dưới góc độ pháp lý, cho đến nay khái niệm mang tính chuẩn mực về quyền con người là quan điểm được đưa ra bởi Văn phòng Cao ủy LHQ. Theo đó: *“Quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người”* [99, tr.4]. Quyền con người bao gồm những yếu tố: 1) vừa mang thuộc tính cá nhân, vừa thể hiện lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng, bởi quyền con người là giá trị gắn với mỗi con người vừa với tư cách là cá nhân, vừa với tư cách là thành viên xã hội; 2) là những giá trị được xã hội hóa bằng cách thể chế hóa thành các quyền năng cụ thể, có tính phổ cập, cần thiết và bình đẳng cho mọi người; 3) là những giá trị sản sinh trong đời sống cộng đồng, gắn liền với một nhà nước cụ thể, bởi chỉ thông qua pháp luật thì các giá trị của con người mới trở thành quyền được xác định và bảo đảm trở thành hiện thực. Ba yếu tố trên về quyền con người đã khẳng định cơ sở tự nhiên và giá trị nhân loại của quyền, đồng thời cũng thừa nhận thuộc tính xã hội - chính trị và lịch sử cụ thể của quyền con người thuộc một quốc gia, một dân tộc.

Theo C.Mác, con người là một thực thể thống nhất, một “sinh vật - xã hội”, do đó, quyền con người là sự thống nhất biện chứng giữa “quyền tự nhiên” (như một đặc quyền vốn có và chỉ con người mới có) và “quyền xã hội” - sự chế định bằng các quy chế pháp lý nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Từ đó, có thể hiểu *Quyền con người là những giá trị tự nhiên, vốn có, là những quyền thiết yếu mà mỗi cá nhân được hưởng một cách công bằng, không phân biệt đối xử; được ghi nhận, bảo vệ bởi pháp luật quốc gia và quốc tế; có mối quan hệ tác động qua lại, không thể tách rời.*

2.1.2.2. Khái niệm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Bị can là một trong những loại người tham gia TTTHS với tư cách là người bị buộc tội. Trên thực tế trong pháp luật TTTHS của các quốc gia, tùy theo mô hình tố tụng và giai đoạn tố tụng trước phiên tòa hay tại phiên tòa mà có thể hiểu thuật ngữ đó là bị can hay bị cáo. Có thể kể đến TTTHS Italia, một người được coi là bị can ngay khi bị coi là có liên quan đến các yếu tố phạm tội của VAHS; còn ở TTTHS Nhật Bản, trước khi có bản cáo trạng, chủ thể này được gọi là người tình nghi (higisha); TTTHS Hoa Kỳ lại có sự phân biệt giữa nghi can, bị can, bị cáo... Nhìn chung, pháp luật các quốc gia khi xem xét bị can, về bản chất là một trong những người bị buộc tội, có những căn cứ ban đầu xác định người đó thực hiện hành vi phạm tội. Sự công nhận tư cách tố tụng là bị can được thông qua một biên bản tố tụng (quyết định khởi tố bị can) của cơ quan có thẩm quyền hoặc kết quả điều tra cáo buộc một cách chính thức. Khi tham gia với tư cách là bị can, những cá nhân này có thể bị áp dụng một số biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế được quy định trong BLTTTHS.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam năm 2002 thì “*Bị can là người bị khởi tố về VAHS theo thủ tục luật định. Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã có hành vi phạm tội thì cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can. Không ai có thể bị coi là bị can nếu không bị cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố...*” [44].

Trong khi đó, Từ điển Bách khoa Công an nhân dân lại xác định: *“Bị can là người đã bị khởi tố về hình sự theo luật định. Khi có đủ căn cứ để xác định một người đã có hành vi phạm tội thì cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can”*.

Nội hàm khái niệm “bị can” được sử dụng trong pháp luật hình sự Việt Nam ngay từ những BLTTHS năm 1988 (Điều 34), BLTTHS năm 2003 (Điều 49) và BLTTHS năm 2015 (Điều 60). Theo đó, tại Điều 60 BLTTHS năm 2015 quy định, *“Bị can là người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự”*. Do đó, hiểu một cách chung nhất, bị can là người mà có những căn cứ ban đầu cho rằng họ đã thực hiện hành vi phạm tội và đã bị khởi tố về hình sự.

Quyền con người của bị can trong TTHS nói chung và giai đoạn điều tra VAHS nói riêng được tiếp cận dưới những góc độ khác nhau. Điều này xuất phát từ việc điều tra vụ án xâm phạm ANQG là giai đoạn TTHS độc lập, trong đó cơ quan điều tra các cấp áp dụng các biện pháp do BLTTHS quy định để thu thập chứng cứ xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết cần thiết khác làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án xâm phạm ANQG. Đây được coi là giai đoạn mà quyền con người của bị can có nguy cơ bị lạm dụng, xâm phạm. Vì vậy, nghiên cứu về quyền con người và bảo đảm quyền con người luôn luôn là một tiêu điểm thu hút sự quan tâm của các ngành khoa học luật, đặc biệt là khoa học luật TTHS.

Một số tác giả cho rằng quyền con người của bị can chính là những quyền cụ thể đã được pháp luật TTHS quy định.

Theo tác giả Nguyễn Hữu Hậu, khi xem xét các nhóm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động chứng minh buộc tội của Viện kiểm sát đã phân loại thành những quyền của người bị buộc tội này thành: quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền được suy đoán vô tội, quyền không tự buộc tội chính mình; quyền bào chữa của người bị buộc tội, tranh tụng, bình đẳng, xét xử kịp thời, công bằng, công khai; quyền không bị kết án hai lần vì một tội phạm; quyền được minh oan và bồi thường thiệt hại cho người bị buộc tội oan, sai, xử lý nghiêm minh người gây ra oan, sai [41].

Còn tác giả PGS.TS Nguyễn Ngọc Chí lại cho rằng “*quyền con người trong TTHS là tổng hợp các quyền thuộc nhóm quyền dân sự, chính trị nhằm mục đích khẳng định việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tôn trọng danh dự nhân phẩm của con người trong mọi hoàn cảnh cũng như bảo đảm việc xét xử công bằng bởi một tòa án độc lập khách quan đối với những người yếu thế (người bị cáo buộc phạm tội, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người chấp hành án và những người tham gia tố tụng khác) khỏi sự tùy tiện và sự lạm quyền của các cơ quan và nhân viên nhà nước có thẩm quyền trong các hoạt động TTHS*” [76].

Tiếp cận ở góc độ rộng hơn, theo quan điểm của TS Trần Thị Thu Hiền, quyền con người của bị can cần được phân biệt với quyền tố tụng của bị can bởi đây là hai khái niệm có phạm vi rộng hẹp khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tác giả cho rằng, quyền con người của bị can là quyền cơ bản, vốn có dành cho bị can là cá nhân, được Nhà nước ghi nhận và bảo đảm thực hiện, là những quyền chung, mang tính khái quát. Trong khi đó, quyền tố tụng của bị can là quyền năng của bị can trong TTHS, gắn với địa vị pháp lý của bị can, mang tính cụ thể [80].

Nghiên cứu sinh đồng tình với quan điểm của tác giả Trần Thị Thu Hiền. Tuy nhiên khi xác định địa vị pháp lý là bị can trong TTHS nói chung, đặc biệt cụ thể là giai đoạn điều tra VAHS, cần xác định rằng quyền con người của bị can mặc dù sẽ có những hạn chế nhất định nhưng quyền của họ trong giai đoạn này được thực hiện và bảo đảm trong các hoạt động điều tra cụ thể, theo luật định, được xây dựng và xác định từ địa vị pháp lý của họ khi tham gia tố tụng. Nói cách khác, quyền con người của bị can được thể hiện trên ba bình diện: quyền con người phổ quát, quyền công dân được Hiến pháp ghi nhận, và quyền tố tụng được cụ thể hóa trong BLTTHS.

- Về quyền con người phổ quát, bị can vẫn là con người với đầy đủ các quyền cơ bản vốn có của mọi cá nhân, dù họ đang trong tình trạng bị buộc tội. Những quyền này bao gồm quyền được sống, quyền được bảo đảm an toàn thân thể, quyền được tôn trọng nhân phẩm, quyền được chăm sóc sức khỏe và không bị tra tấn, bạo lực hay đối xử vô nhân đạo.

- Về quyền công dân theo Hiến pháp, bị can là công dân Việt Nam nên được bảo đảm các quyền cơ bản mà Hiến pháp năm 2013 quy định. Các quyền này bao gồm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 20), quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín (Điều 20), quyền được bảo đảm xét xử công bằng, công khai, kịp thời bởi Tòa án độc lập (Điều 31). Dù bị can đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, họ vẫn được coi là công dân và chỉ bị hạn chế một số quyền nhất định theo quy định của pháp luật.

- Về quyền TTHS, bị can có các quyền cụ thể, bao gồm quyền được biết mình bị khởi tố về tội gì, quyền trình bày lời khai, quyền đưa ra chứng cứ, quyền có người bào chữa, quyền khiếu nại quyết định và hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, và quyền được bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm khi tham gia tố tụng.

Trên thực tế, Nghiên cứu sinh cho rằng, ba nhóm quyền này vừa có sự tách biệt nhưng lại xen kẽ, thống nhất trong một chỉnh thể để thông qua đó, dù thực hiện ở giai đoạn nào của TTHS thì quyền con người, quyền công dân của bị can nói chung vẫn được đảm bảo. Do đó, khi nghiên cứu về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS cần gắn liền với các hoạt động tố tụng cụ thể và tập trung vào các nhóm quyền về dân sự, chính trị. Lúc này, những quy định về địa vị pháp lý của bị can trong TTHS sẽ là những điều kiện, phương thức để thực thi và bảo đảm quyền con người của bị can trong các hoạt động điều tra được quy định trong BLTTHS. Cùng với đó, theo các văn bản pháp lý quốc tế như Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948, Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 thì các quyền con người của bị can bao gồm: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền được bảo vệ để khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện, quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục, quyền được tiến hành tố tụng công bằng, quyền bào chữa, quyền được suy đoán vô tội, quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự. Các quốc gia trên cơ sở điều kiện kinh tế chính trị, mô hình TTHS của mình có thể ghi nhận các quyền con người của bị can khác nhau, tuy nhiên sự

ghi nhận đó phải phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Mức độ ghi nhận và bảo đảm các quyền con người của bị can trong các quốc gia thể hiện sự dân chủ, công bằng trong TTHS.

Từ đó, Nghiên cứu sinh cho rằng, *quyền con người của bị can giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là những gì được pháp luật TTHS công nhận và đảm bảo thực hiện đối với bị can trong các hoạt động TTHS cụ thể, để họ được hưởng, được làm, được đòi hỏi mà không ai được ngăn cản, hạn chế trong giai đoạn tố tụng này*. Khi xem xét quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, có thể thấy đây là mối quan hệ hai chiều, một mặt là quy định về quyền của nhóm người bị buộc tội (bị can), mặt khác thực hiện quyền của bị can còn là nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác bảo đảm nhóm quyền này. Nói cách khác quyền con người của bị can là những gì được pháp luật công nhận đối với bị can, để bị can được hưởng, được làm và được đảm bảo thực hiện bởi nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền trong các hoạt động TTHS.

2.1.3. Đặc điểm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Đặc điểm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG chịu nhiều ảnh hưởng từ những đặc trưng của tội phạm xâm phạm ANQG. Điều này xuất phát từ việc các tội xâm phạm ANQG vừa có đặc điểm chung tương tự các tội phạm khác, đồng thời lại mang những đặc trưng pháp lý riêng biệt, cụ thể:

Thứ nhất, khách thể đặc biệt - ANQG và sự tồn tại của Nhà nước. Khách thể bị xâm hại trực tiếp là ANQG, bao gồm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ chính trị, và quyền lực của nhân dân. Đây là nhóm tội duy nhất trong BLHS mà khách thể mang tính nền tảng cho toàn bộ hệ thống pháp luật và trật tự xã hội, xâm phạm đến khách thể này đồng nghĩa với việc đe dọa sự tồn tại của Nhà nước và chế độ XHCN.

Thứ hai, mục đích chính trị là dấu hiệu bắt buộc của hành vi phạm tội. Khác với các nhóm tội khác, hầu hết các tội xâm phạm ANQG đều hướng tới mục đích chính trị như: chống chính quyền nhân dân, phá hoại sự ổn định của chế độ, hoặc phục vụ cho thế lực thù địch. Dấu hiệu về mục đích chính trị là yếu tố cấu thành bắt buộc của tội phạm, thể hiện rõ tính chất đối kháng giữa người phạm tội và Nhà nước.

Thứ ba, tính nguy hiểm cao cho xã hội và phạm vi ảnh hưởng rộng. Tội phạm xâm phạm ANQG không chỉ gây thiệt hại vật chất hoặc tinh thần trực tiếp, mà còn đe dọa nghiêm trọng tới sự ổn định chính trị, trật tự xã hội và lòng tin của nhân dân đối với Nhà nước. Nhiều hành vi có thể diễn ra âm thầm, có tổ chức, được chuẩn bị kỹ lưỡng, có sự hỗ trợ của tổ chức phản động trong hoặc ngoài nước. Mức độ nguy hiểm của nhóm tội này thường vượt xa tội phạm thông thường, bởi hậu quả không chỉ là thiệt hại cụ thể mà còn là nguy cơ đe dọa ANQG và sự bền vững của chế độ.

Thứ tư, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội có trình độ, tổ chức và mang yếu tố đối kháng, thể hiện tính chất chống đối quyết liệt với Nhà nước. Chủ thể của các tội xâm phạm ANQG thường không phải là những người phạm tội do bột phát hoặc vì lợi ích cá nhân đơn thuần, mà là những người có nhận thức xã hội, chính trị và nghề nghiệp ở mức độ nhất định, có khả năng phân tích, lợi dụng sơ hở trong quản lý nhà nước, pháp luật hoặc dư luận xã hội để thực hiện hành vi phạm tội.

Đặc trưng nổi bật của nhóm chủ thể này là ý thức đối kháng rõ rệt với Nhà nước và chế độ chính trị hiện hành. Sự đối kháng đó thể hiện ở mục đích chính trị công khai hoặc ngầm ngấm, thái độ phủ nhận tính chính danh của chính quyền và ý chí hành động nhằm thay đổi hoặc lật đổ hệ thống chính trị hiện có. Tính “*chống đối quyết liệt*” của chủ thể phạm tội còn thể hiện ở sự kiên định trong hành vi phạm tội, dù đã được tuyên truyền, giáo dục hoặc cảnh báo. Một số đối tượng có xu hướng cực đoan về tư tưởng, thù địch về chính trị, coi hành vi

chống Nhà nước như một “sứ mệnh”, từ đó chủ động đối đầu với cơ quan công quyền, cơ quan bảo vệ pháp luật. Ở mức độ cao hơn, có trường hợp sử dụng bạo lực, khủng bố, hoặc chiến tranh thông tin trên không gian mạng để tấn công trực tiếp vào nền tảng chính trị, kinh tế và tư tưởng của Nhà nước. Hành vi chống đối trong trường hợp này không chỉ mang tính cá nhân mà còn chuyển hóa thành phong trào có tổ chức, có định hướng chính trị, với chiến thuật truyền thông hiện đại, gây ảnh hưởng sâu rộng đến an ninh tư tưởng và trật tự xã hội.

Thứ năm, hành vi phạm tội thường diễn ra bí mật, có tổ chức và sử dụng công nghệ cao. Tội phạm xâm phạm ANQG ngày càng có xu hướng chuyển hóa sang không gian mạng, sử dụng công nghệ thông tin (ẩn danh, sử dụng nền tảng mạng xã hội, mã hóa thông tin hoặc công cụ truyền thông xuyên biên giới) để tuyên truyền, kích động, lôi kéo, tán phát thông tin chống phá Nhà nước, hoặc xâm nhập hệ thống dữ liệu bí mật quốc gia.

Thứ sáu, chính sách hình sự đặc biệt nghiêm khắc. Nhóm tội này thường có khung hình phạt rất cao, bao gồm tù chung thân hoặc tử hình, thể hiện tính nghiêm minh và răn đe đặc biệt của pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam vẫn ghi nhận nguyên tắc nhân đạo, cho phép khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú hoặc lập công chuộc tội, nhằm khuyến khích việc hợp tác và ngăn ngừa hậu quả tiếp diễn.

2.2. LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

2.2.1.1. Khái niệm bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Ở góc độ ngôn ngữ, bảo đảm có nghĩa là công cụ, điều kiện, những hoạt động cần thiết có tính bổ sung, bổ trợ, giữ gìn cho một vật, một hiện tượng hay

một sự việc để đạt được kết quả mong đợi. Bảo đảm quyền con người được hiểu là một hệ thống tiền đề, điều kiện, công cụ xã hội kinh tế, chính trị, đạo đức, tổ chức, pháp lý nhằm tạo cho cá nhân những điều kiện bình đẳng với nhau trong việc thực hiện các quyền tự do của mình. Những quyền này của cá nhân con người được đáp ứng và thực hiện bởi hoạt động của cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia, gắn với các chủ thể nhất định để thực hiện trong thực tế. Từ đó, có thể thấy bảo đảm quyền của bị can trong TTHS cũng không nằm ngoài phạm vi của bảo đảm quyền con người nói chung. Bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS là cần thiết, khách quan để các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội không tránh khỏi hình phạt công minh và người vô tội không bị oan.

Khi xác định nội hàm khái niệm bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, Nghiên cứu sinh cho rằng cần phải xác định đây là hoạt động của các chủ thể nhất định; được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật; được đảm bảo thực hiện thông qua các hoạt động giám sát của các cơ quan và của các cá nhân.

Từ đó, khi nghiên cứu các công trình của các nhà khoa học, tác giả đồng tình với quan điểm của TS Lại Văn Trình khi cho rằng bảo đảm quyền con người của bị can cần được đặt trong bối cảnh thực hiện các hoạt động TTHS cụ thể. Nói cách khác, khi tiến hành bất kỳ một hoạt động tố tụng nào, để bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người của bị can nói riêng, các cơ quan có thẩm quyền xây dựng và áp dụng pháp luật cần: 1) xác định đầy đủ, chính xác địa vị tố tụng của các chủ thể TTHS, trong đó có quyền, nghĩa vụ của cơ quan, người tiến hành tố tụng, của bị can; 2) xác định hợp lý sự cần thiết và mức độ sử dụng các biện pháp cưỡng chế, ngăn chặn đối với bị can; 3) quy định các nguyên tắc và thủ tục tố tụng hợp lý để hạn chế đến mức thấp nhất các vi phạm quyền con người nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả của TTHS; 4) quy định quyền khiếu nại, tố cáo của họ đối với các hành vi vi phạm từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng... [78].

Bảo đảm quyền con người của bị can trong TTHS nói chung, trong giai đoạn điều tra VAHS cũng là một trong các hoạt động bảo đảm quyền con người theo quy định của pháp luật. Đây là hoạt động được thực hiện không chỉ bởi các cơ quan thực thi pháp luật, của các cơ quan, cá nhân thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, mà còn là hoạt động của chính bản thân bị can trong các vụ án này. Nghiên cứu về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, tác giả cho rằng những vấn đề có tính quyết định về bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở chỗ, cần: 1) bảo đảm bằng những quy định của pháp luật (nguyên tắc TTHS, nội dung quyền của bị can; địa vị pháp lý của các chủ thể TTHS nói chung, của bị can nói riêng quy định hợp lý các biện pháp cưỡng chế tố tụng...); 2) bảo đảm thông qua hoạt động của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; 3) bảo đảm thông qua thực hiện việc giám sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Bị can là chủ thể đặc biệt, do đó những nhóm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG có những đặc trưng nhất định, như: nhóm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị can; nhóm quyền được thông tin của bị can; nhóm quyền bào chữa của bị can; nhóm quyền được suy đoán vô tội; nhóm quyền được khiếu nại, tố cáo, được bồi thường thiệt hại của bị can; nhóm quyền được thực hiện trong hoạt động hỏi cung bị can và nhóm quyền trong thực hiện các hoạt động tạm giữ, tạm giam.

Từ những phân tích kể trên, có thể đưa ra định nghĩa về *bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng các tiền đề, điều kiện về pháp luật TTHS, thực thi và giám sát việc thực thi các quy định đó trong giai đoạn điều tra, nhằm giúp cho quyền con người của người đã bị khởi tố về hình sự đối với các hành vi xâm phạm ANQG được thực hiện và được bảo vệ, để bị can được hưởng, được làm và được đảm bảo thực hiện bởi nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền trong các hoạt động TTHS.*

2.2.1.2. Đặc điểm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Thứ nhất, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG được thực hiện trên cơ sở tuân thủ những quy định của pháp luật về quyền con người nói chung

Việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG được đặt trên nền tảng tuân thủ các chuẩn mực chung của pháp luật về quyền con người. Như đã phân tích ở phần trên, quyền con người nói chung và quyền của bị can trong TTHS, bao gồm cả trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, là những quyền cơ bản đã được ghi nhận tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật quốc tế cũng như pháp luật quốc gia.

Các chuẩn mực về quyền con người được hình thành và phát triển như những giá trị pháp lý phổ quát của cộng đồng quốc tế, được thể chế hóa trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng, tiêu biểu như Tuyên ngôn Nhân quyền của LHQ năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966, Công ước về quyền trẻ em năm 1989, Công ước châu Âu về quyền con người và Quy chế Rome về Tòa án Hình sự quốc tế. Các văn kiện này vừa thiết lập khuôn khổ pháp lý chung, vừa đóng vai trò là chuẩn mực định hướng cho việc xây dựng và áp dụng pháp luật quốc gia trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người. Trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế đó, pháp luật của các quốc gia đã tiến hành nội luật hóa quyền con người theo những phương thức và mức độ khác nhau, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và truyền thống pháp lý của từng quốc gia. Trong hệ thống pháp luật quốc gia, các quyền con người, trong đó có quyền của bị can trong TTHS, được ghi nhận từ Hiến pháp đến các đạo luật và văn bản dưới luật, hình thành cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm việc thực hiện các quyền này trong thực tiễn.

Việc ghi nhận và bảo đảm thực thi quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG không chỉ phản ánh nghĩa vụ của Nhà nước trong

việc tuân thủ các cam kết quốc tế về quyền con người, mà còn thể hiện quan điểm lấy con người làm trung tâm trong hoạt động tư pháp hình sự. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giải quyết các vụ án xâm phạm ANQG - lĩnh vực đòi hỏi sự cân bằng hợp lý giữa yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và yêu cầu tôn trọng, bảo vệ quyền con người, qua đó góp phần xây dựng một nền tư pháp hình sự nhân đạo, công bằng và hiệu quả.

Thứ hai, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải tuân thủ theo những chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đối với các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG

Mỗi quốc gia đều có những chính sách cụ thể đối với các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội nói chung, tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng. Ở Việt Nam, về mục tiêu chung của bảo vệ ANQG, Chiến lược bảo vệ ANQG xác định mục tiêu chung là bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, làm giảm tội phạm và vi phạm pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn và từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, lành mạnh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN [70].

Bên cạnh Chiến lược bảo vệ ANQG, mục tiêu chung về bảo vệ ANQG còn được Đảng ta chỉ rõ trong Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới [1]. Theo đó, cần nhận thức và quán triệt sâu sắc về việc phải giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế, trong khi các thế lực thù địch lợi dụng mọi sơ hở để chống phá, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước càng trở nên cần thiết. Điều này cũng là yếu

tổ quyết định sự thành bại của cách mạng và sự ổn định của chế độ XHCN ở nước ta.

Sự khác biệt cơ bản của tội phạm xâm phạm ANQG so với các tội phạm khác là ở tính chất chính trị, ở bản chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm xét từ góc độ các quan hệ chính trị bị tội phạm xâm hại. Cùng với đó, phụ thuộc vào tình hình chính trị trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể, các chủ thể có thẩm quyền hoạch định và ban hành chính sách đưa ra quan điểm về bản chất, phạm vi, dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm ANQG cũng như chủ trương, đường lối cụ thể để phòng ngừa và đấu tranh với loại tội phạm này. Các chủ thể có thẩm quyền phải căn cứ vào tình hình cụ thể, mục tiêu, yêu cầu chính trị từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể để định hướng điều chỉnh pháp luật hình sự, TTHS và thi hành án hình sự, tạo cơ sở pháp lý giải quyết, đấu tranh hiệu quả vấn đề tội phạm xâm phạm ANQG trong xã hội.

Bên cạnh đó, chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG có tính phức tạp. Xuất phát từ tình hình thực tế, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mang tính khách quan cũng như lợi ích của giai cấp, lực lượng cầm quyền, quan điểm của từng quốc gia về loại biện pháp được áp dụng, đối tượng, phạm vi, thủ tục áp dụng lại có sự khác nhau. Do vậy, tất yếu chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG của Việt Nam sẽ có sự khác biệt so với các quốc gia khác. Tuy nhiên, vì mục tiêu chính trị, nhiều trường hợp, những điểm khác biệt này lại bị các thế lực thù địch thổi phồng, xuyên tạc, bóp méo để phục vụ ý đồ chống phá. Thực tiễn cho thấy, hoạt động áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án xâm phạm ANQG của Cơ quan ANĐT các cấp đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Cấp ủy, sự chỉ huy, chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an là nhân tố quyết định bảo đảm việc thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Bảo đảm quyền con người của bị can phải gắn liền với việc thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, bám sát và phục vụ có hiệu quả các

nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng. Đảm bảo quyền con người nói chung và bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng là một trong những mục tiêu về con người mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội [19]. Là một yếu tố, bộ phận của các chính sách trong chiến lược của Đảng và Nhà nước, cho nên việc tăng cường các đảm bảo quyền con người của bị can không thể tách rời với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị chung của đất nước, mà phải tiến hành đồng thời và chịu sự tác động, chi phối của các mục tiêu khác, trên cơ sở đó, góp phần thiết thực vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng chung trong từng giai đoạn xây dựng và phát triển của đất nước.

Thứ ba, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG phải đảm bảo về yêu cầu chính trị, nghiệp vụ của cơ quan An ninh điều tra

Thực tiễn áp dụng pháp luật trong điều tra vụ án xâm phạm ANQG cho thấy, tình huống tiếp nhận điều tra gồm: nguồn tin báo, tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân, các tổ chức; công tác nghiệp vụ của lực lượng ANĐT các cấp trong công an nhân dân...Cơ quan ANĐT khi tiến hành điều tra vụ án xâm phạm ANQG phải luôn tuân thủ triệt để các quan điểm của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG.

Các vụ án xâm phạm ANQG thường có tính đặc thù về đối tượng bị xâm hại, về nhân thân của chủ thể thực hiện hành vi cũng như chịu sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố về mặt chính trị, xã hội trong và ngoài nước. Do đó, trong quá trình thực hiện các hoạt động tố tụng, Cơ quan ANĐT các cấp cần thận trọng trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn cũng như các hoạt động nghiệp vụ nhằm giải quyết một cách hiệu quả, khách quan VAHS. Điều này không chỉ đáp ứng được yêu cầu trong phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự mà còn góp phần bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng.

Thứ tư, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG chịu sự tác động của yếu tố nước ngoài

Yếu tố từ bên ngoài luôn có những ảnh hưởng nhất định trong công tác phòng, chống tội phạm nói chung và đặc biệt có ảnh hưởng đối với hoạt động điều tra và khám phá đối với các loại tội phạm xâm phạm ANQG.

Hiện nay xu hướng toàn cầu hóa đã dẫn đến sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng lớn giữa các quốc gia; các vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước và khủng bố quốc tế ngày càng gia tăng, gây ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nước. Với vị trí địa chính trị, địa kinh tế quan trọng, nằm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương là tâm điểm tranh chấp giữa Mỹ, Trung Quốc và các nước lớn khác, Việt Nam là quốc gia nhận được sự quan tâm đặc biệt trong chính sách đối ngoại của các nước. Để phục vụ cho các mục tiêu chính trị và chính sách đối ngoại, các thế lực thù địch thường xuyên tiến hành các hoạt động chống phá Việt Nam trên nhiều lĩnh vực. Chúng đẩy mạnh thực hiện âm mưu và hoạt động “*diễn biến hòa bình*”, kích động các yếu tố có nguy cơ gây bất ổn trong nước, trong đó đáng chú ý là các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tranh chấp khiếu kiện... Từ đó, đặt ra nhiều thách thức cho công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm xâm phạm ANQG.

Thực tiễn cho thấy, quá trình tiếp xúc, làm việc với các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG thường thu hút sự chú ý của dư luận cả trong và ngoài nước; các thế lực thù địch, các tổ chức phản động hoặc đối tượng chống đối lợi dụng để tuyên truyền, xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước.

Đáng lưu ý là sự quan tâm từ các tổ chức, cơ quan nước ngoài đối với các bị can thông qua một số hình thức như: thăm, gặp, đề nghị được phía Việt Nam cung cấp thông tin ở những diễn đàn, hội nghị ngoại giao...; vấn đề này có thể ảnh hưởng đến quá trình điều tra, xử lý của các cơ quan có thẩm quyền. Chính vì vậy, để không tạo ra sơ hở cho các đối tượng xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá;

công tác điều tra các vụ án xâm phạm ANQG cần được tiến hành một cách thận trọng, nghiêm túc và chặt chẽ, trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội theo đúng các chuẩn mực pháp lý trong nước và quốc tế.

Thứ năm, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải đảm bảo nguyên tắc cân bằng giữa bảo vệ ANQG và bảo đảm quyền con người

Nguyên tắc cân bằng giữa bảo vệ ANQG và bảo đảm quyền con người là một trong những nền tảng cơ bản của nhà nước pháp quyền hiện đại. Nguyên tắc này hình thành từ hai giá trị cốt lõi: *một là*, ANQG là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự ổn định, trật tự xã hội và sự tồn tại của quốc gia; *hai là*, quyền con người là giá trị phổ quát, được thừa nhận và bảo vệ trong các văn kiện quốc tế quan trọng như Hiến chương LHQ, Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người năm 1948 hay ICCPR năm 1966. Hai giá trị này không đối lập mà bổ sung cho nhau: chỉ khi có ANQG, quyền con người mới được thực thi đầy đủ; ngược lại, nếu nhân danh ANQG để vi phạm quyền con người thì nền tảng ổn định và tính chính danh đó cũng bị suy giảm.

Theo quy định của Điều 4 ICCPR, trong tình huống khẩn cấp đe dọa sự tồn vong của quốc gia, các quốc gia thành viên có thể áp dụng một số biện pháp hạn chế quyền, nhưng phải tuân thủ những điều kiện nghiêm ngặt như: không phân biệt đối xử, có công bố công khai và chỉ giới hạn trong phạm vi thật sự cần thiết. Quy định này khẳng định rằng việc bảo vệ ANQG không thể được hiểu là sự phủ định quyền con người, mà phải dựa trên nguyên tắc “*cần thiết và tương xứng*”.

Trong thực tiễn, nguyên tắc này thể hiện ở việc không tuyệt đối hóa bất kỳ yếu tố nào. Một mặt, ANQG không thể được coi là giá trị tối thượng để hợp thức hóa mọi hành vi xâm phạm quyền. Việc hạn chế quyền chỉ được phép khi có căn cứ pháp lý rõ ràng, nhằm mục đích chính đáng và được thực hiện trong giới hạn

hợp lý. Mặt khác, quyền con người cũng không phải là giá trị tuyệt đối trong mọi hoàn cảnh. Khi ANQG bị đe dọa nghiêm trọng, Nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp hạn chế tạm thời trên cơ sở pháp lý và được kiểm soát chặt chẽ. Các biện pháp bảo vệ ANQG chỉ có tính chính đáng khi được đặt dưới sự giám sát của cơ quan tư pháp độc lập, của Quốc hội, Viện kiểm sát và các tổ chức xã hội. Cơ chế giám sát này giúp bảo đảm rằng mọi giới hạn đối với quyền con người đều hợp hiến, hợp pháp và có thể giải trình

Tại Việt Nam, nguyên tắc cân bằng giữa bảo vệ An ninh quốc gia và bảo đảm quyền con người được ghi nhận rõ trong Hiến pháp năm 2013. Điều 14 quy định rằng quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, ANQG, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức hoặc sức khỏe cộng đồng. Quy định này thể hiện quan điểm nhất quán của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân. Trong hoạt động TTHS, đặc biệt là ở giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, nguyên tắc này yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng tuân thủ nghiêm ngặt trình tự pháp luật, bảo đảm quyền được suy đoán vô tội, quyền bào chữa và quyền khiếu nại của người bị buộc tội, đồng thời bảo vệ bí mật quốc gia và an toàn xã hội.

2.2.2. Nội dung cụ thể về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

2.2.2.1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự và nhân phẩm của bị can phải được bảo vệ nghiêm ngặt. Quyền này phản ánh nguyên tắc cơ bản của pháp luật, khẳng định rằng không ai được phép bị xâm hại về thân thể hoặc nhân phẩm mà không có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, hoặc không có lý do hợp lý theo quy định của pháp luật. Mọi hình thức đối xử đối với người bị tước tự do trong các

cơ sở giam giữ phải bảo đảm tính nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm, bởi mục đích của việc áp dụng biện pháp này là nhằm phục vụ điều tra, làm sáng tỏ sự việc chứ không phải để trừng phạt người bị buộc tội. Nguyên tắc nhân đạo này phải được thực hiện bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào. Đặc biệt trong các vụ án liên quan đến ANQG, do tính chất đặc biệt của các vụ việc, quyền của bị can có thể dễ dàng bị vi phạm nếu không có cơ chế bảo vệ rõ ràng. Cùng với đó, tùy thuộc vào tính chất vụ án và giai đoạn tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng được quyền áp dụng một số hoặc toàn bộ biện pháp ngăn chặn, nhưng luôn trong phạm vi và giới hạn mà pháp luật cho phép. Pháp luật yêu cầu việc điều tra phải tiến hành trong khuôn khổ quyền lợi của bị can, không được sử dụng biện pháp trái pháp luật như tra tấn, đe dọa hay làm nhục danh dự bị can. Điều này nhằm bảo đảm sự công bằng trong quá trình điều tra và bảo vệ quyền lợi của công dân.

2.2.2.2. Quyền của bị can trong bảo vệ để khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện

Quyền bảo vệ khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện là quyền cơ bản của mọi công dân, bao gồm cả bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG. Đối với bị can, những người đang trong quá trình bị điều tra và có khả năng bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn hoặc cưỡng chế, việc bảo đảm và tôn trọng quyền con người là yêu cầu then chốt. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự và nhân phẩm của họ trong giai đoạn điều tra VAHS đòi hỏi mọi hoạt động tố tụng của cơ quan có thẩm quyền phải được tiến hành trên cơ sở tôn trọng tự do cá nhân và nhân phẩm. Đây là quyền mà pháp luật bảo vệ để ngăn chặn việc lợi dụng quyền lực công quyền để áp đặt các biện pháp ngừng tự do cá nhân mà không có căn cứ hợp lý. Quyền không bị bắt giữ tùy tiện đồng nghĩa với việc mọi cá nhân đều có quyền được bảo đảm an toàn thân thể, chỉ bị tước tự do trong những trường hợp thật sự cần thiết và theo đúng trình tự pháp luật. Người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn phải được thông báo rõ ràng về lý do bắt giữ, đồng thời thời hạn của các biện pháp này phải tuân thủ nghiêm ngặt; nếu không còn căn cứ để tiếp tục,

cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm trả tự do ngay lập tức cho họ. Điều này bảo đảm sự minh bạch và công bằng trong quá trình tố tụng, tránh việc lạm dụng quyền lực hoặc dùng các biện pháp ép buộc, dẫn đến việc vi phạm quyền tự do cá nhân của công dân. Cơ quan điều tra phải chứng minh được sự cần thiết của biện pháp bắt giữ, giam giữ trong từng trường hợp cụ thể, và phải có sự giám sát của tòa án để đảm bảo tính hợp pháp và đúng đắn.

2.2.2.3. Quyền được suy đoán vô tội

Quyền được suy đoán vô tội được xem là một quy tắc đã được thừa nhận rộng rãi như là nguyên tắc của pháp luật tự nhiên. Quyền được suy đoán vô tội là một nguyên tắc quan trọng trong bảo vệ quyền con người và công lý trong hệ thống pháp lý. Nguyên tắc này nhằm bảo vệ quyền lợi của công dân, ngăn ngừa việc áp đặt hình phạt hoặc biện pháp hạn chế quyền tự do cá nhân khi chưa có đủ chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội. Trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội giúp đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong quá trình tố tụng, đồng thời khẳng định cam kết của Việt Nam đối với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cần tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc này, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị can, đồng thời đảm bảo quá trình điều tra diễn ra công bằng, hiệu quả. Quyền được suy đoán vô tội nhằm bảo vệ sự công bằng trong quá trình điều tra, tố tụng, đồng thời khẳng định tính chính trực của hệ thống pháp lý khi mọi cá nhân đều được đảm bảo quyền lợi như nhau trước pháp luật, không bị phân biệt đối xử.

2.2.2.4. Quyền bào chữa của bị can

Quyền bào chữa là phương tiện pháp lý cần thiết để bị can bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quyền này được bảo đảm trong cả giai đoạn tố tụng trước và trong khi xét xử, bao gồm: quyền tiếp cận với luật sư; quyền có luật sư tham gia trong các buổi hỏi cung trước khi xét xử; bất cứ ai bị bắt hay giam giữ, hoặc phải đối mặt với nguy cơ bị giam giữ đều có quyền được hỗ trợ

bởi người bào chữa. Quyền bào chữa là quyền cơ bản, có vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ các quyền khác.

Quyền bào chữa của bị can gồm hai nội dung, đó là quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa. Hai nội dung của quyền bào chữa có tính độc lập tương đối nhưng cũng có quan hệ mật thiết với nhau, bị can có thể sử dụng một trong hai quyền này hoặc sử dụng đồng thời cả hai quyền trên. Quyền nhờ người khác bào chữa bao gồm hai khía cạnh: Bị can nhờ người bào chữa để bào chữa cho mình; hoặc trong một số trường hợp đặc biệt nếu bị can không nhờ người bào chữa, cơ quan tiến hành tố tụng cử người bào chữa cho bị can. Đối với quyền nhờ người khác bào chữa cho mình, pháp luật các quốc gia những quy định cụ thể để triển khai quyền này như quy định về diện người bào chữa, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, bào chữa chỉ định.

2.2.2.5. Quyền thông tin của bị can

Quyền thông tin của bị can trong các VAHS nói chung có thể chia thành quyền được thông tin và quyền đưa (đề trình) thông tin. Theo đó, có thể hiểu quyền thông tin này bao gồm các quyền: Quyền được biết lý do mình bị khởi tố, đây là quyền đầu tiên, ảnh hưởng đến việc thực hiện các quyền khác của bị can, bởi bị can là người bị nghi ngờ thực hiện hành vi phạm tội, họ phải được biết lý do mà họ bị nghi ngờ để nắm bắt được thông tin, chủ động trong việc thực hiện quyền bào chữa của mình; Quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ của bị can được thực hiện thông qua những quy định của các hoạt động điều tra cụ thể; Quyền được nhận các quyết định tố tụng giúp bị can nắm được tiến trình tố tụng, là điều kiện để họ thực hiện quyền bào chữa (quyết định khởi tố bị can, quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, bản kết luận điều tra, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án và các quyết định tố tụng khác theo quy định của BLTTHS); Quyền đọc ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu.

Cùng với đó, pháp luật TTHS cũng đã đưa ra những quy định về quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, đồ vật, tài liệu, liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá. Các chứng cứ tài liệu trong vụ án có liên quan đến bị can bao gồm chứng cứ, đồ vật, tài liệu buộc tội và gỡ tội. Bị can có thể biết được những thông tin về nguồn gốc của chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tính xác thực, sự liên quan của chúng đối với VAHS do đó những nhận định ý kiến, nhận định của bị can là cơ sở xác định sự thật của vụ án. Hơn nữa việc được trình bày ý kiến về các chứng cứ, đồ vật, tài liệu có liên quan là phương thức triển khai thực hiện quyền bào chữa của họ.

2.2.2.6. Quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự của bị can

Trong hoạt động TTHS không thể tránh khỏi có trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố xét xử oan sai. Những vụ việc oan sai không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân mà còn gây ra những bức xúc trong xã hội. Do đó, quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự của người bị buộc tội là quyền chính đáng của họ. Theo đó, bị can được yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp, bị can bị oan hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật. Bị can có quyền được bồi thường do oan khi có quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra trong trường hợp: 1) không có sự việc phạm tội; 2) hành vi không cấu thành tội phạm; 3) đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. Cùng với đó, bị can được bồi thường do hành vi trái pháp luật (thực hiện hành vi mà pháp luật cấm, thực hiện những hành động vượt quá giới hạn cho phép, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện những hành vi mang tính nghĩa vụ mà pháp luật bắt buộc). Pháp luật cũng quy định về nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước trong giải quyết việc bồi thường đối với những thiệt hại của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS. Điều này xuất phát từ việc cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là những thiết chế đại diện cho quyền lực nhà nước khi hoạt động tố tụng trái pháp luật gây thiệt hại cho cá

nhân, pháp nhân thì Nhà nước phải chịu trách nhiệm khắc phục những tổn thất gây ra.

2.2.3. Phương thức bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

2.2.3.1. Bảo đảm thông qua sự ghi nhận của quy định pháp luật quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Khi nghiên cứu quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, có thể nhận thấy rằng đây là loại tội phạm mang tính đặc thù, xâm hại trực tiếp đến các quan hệ xã hội có ý nghĩa nền tảng đối với sự tồn tại, ổn định và phát triển của Nhà nước. Do đó, bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG là chủ thể có địa vị pháp lý đặc thù, kéo theo việc xác định và bảo đảm các nhóm quyền con người của họ trong giai đoạn điều tra cũng mang những đặc điểm riêng so với các loại tội phạm khác.

Về nội dung, các nhóm quyền con người cơ bản của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG bao gồm: quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền được thông tin; quyền bào chữa; quyền được suy đoán vô tội; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại. Các quyền này không tồn tại một cách trừu tượng mà được hiện thực hóa thông qua các hoạt động tố tụng cụ thể trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đặc biệt là trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam đối với bị can.

Về cơ sở pháp lý, quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra được quy định trong cả pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia. Trên bình diện quốc tế, quyền của người bị buộc tội đã được ghi nhận sớm và tương đối đầy đủ trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực như: Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền của LHQ, Công ước châu Âu về quyền con người, Công ước của LHQ về quyền trẻ em, Quy chế Rome về thành lập Tòa án Hình sự quốc tế... Các văn kiện này không chỉ là chuẩn mực pháp lý quốc tế, mà còn là cơ sở để các quốc gia cụ thể hóa thành quy định trong hệ thống pháp luật tố tụng hình sự quốc gia.

Ở cấp độ quốc gia, việc bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra - bao gồm các vụ án xâm phạm ANQG được quy định trong Hiến pháp, các đạo luật và văn bản dưới luật. Những quy định này được xây dựng phù hợp với đặc điểm chính trị, thể chế và hệ thống pháp luật của mỗi nước. Do đó, địa vị pháp lý và các quyền cụ thể của bị can trong từng hệ thống pháp luật có thể có sự khác biệt nhất định, tùy thuộc vào mô hình TTHS được áp dụng. Tuy vậy, việc quy định và bảo đảm các nhóm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói chung và vụ án xâm phạm ANQG nói riêng đã tạo ra nền tảng pháp lý cần thiết không chỉ để bị can thực hiện quyền con người của mình, mà còn giúp các cơ quan tiến hành tố tụng bảo đảm đúng quy trình, đúng pháp luật. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để các cơ quan, tổ chức và người dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra đối với hoạt động điều tra - nhằm bảo đảm quyền con người được tôn trọng và thực thi nghiêm túc trong thực tiễn.

2.2.3.2. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia thông qua hoạt động của chủ thể có thẩm quyền

Theo đó, quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG không chỉ được bảo đảm thông qua những quy định của pháp luật về nội dung quyền mà sự bảo đảm này còn ở chính hoạt động của những chủ thể có thẩm quyền. Điều này xuất phát từ việc đây là những chủ thể thực hiện quyền con người của bị can trực tiếp (Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra...) hoặc gián tiếp như các cơ quan thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát. Do đó, việc quy định và áp dụng pháp luật liên quan đến các nhóm chủ thể này cũng là một trong những phương thức nhằm thực hiện quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung, các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Cơ quan điều tra - chủ thể trung tâm của giai đoạn điều tra VAHS. Cơ quan điều tra, đặc biệt là Cơ quan ANĐT, là chủ thể trung tâm của

giai đoạn điều tra và cũng là chủ thể trực tiếp thực hiện các hoạt động TTHS. Với vị trí này, CQĐT giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm hoặc xâm phạm quyền con người của bị can trong các VAHS nói chung, vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Trong bối cảnh điều tra các vụ án xâm phạm ANQG - nhóm tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, việc bảo đảm quyền con người càng cần được đặt ra như một yêu cầu pháp lý và chính trị quan trọng. Cụ thể: 1) Tuân thủ nghiêm nguyên tắc suy đoán vô tội và nguyên tắc chỉ xử lý người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, mọi biện pháp tố tụng, đặc biệt là biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam, phải có căn cứ rõ ràng, được phê chuẩn hợp pháp, tránh tình trạng “lạm quyền” vì lý do ANQG; 2) Không được có hành vi nhục hình, bức cung, mớm cung hoặc dùng các phương pháp không được luật định để thu thập tài liệu, chứng cứ; 3) Đảm bảo cho bị can được tiếp xúc với luật sư hoặc người bào chữa, trừ một số trường hợp có liên quan đến tội phạm xâm phạm ANQG; 4) Ghi âm, ghi hình bắt buộc khi hỏi cung bị can (theo Điều 183 BLTTHS và Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐTP), nhằm tăng tính minh bạch, phòng ngừa vi phạm quyền con người trong giai đoạn điều tra.... Như vậy, Cơ quan điều tra vừa là chủ thể quyền lực nhà nước, vừa là chủ thể chịu trách nhiệm lớn nhất trong việc bảo đảm quyền của bị can. Sự tuân thủ các quy định về quyền con người trong hoạt động điều tra không chỉ thể hiện tính nhân văn của pháp luật hình sự, mà còn khẳng định bản chất pháp quyền của Nhà nước trong xử lý các tội phạm xâm phạm ANQG.

Thứ hai, Viện kiểm sát không chỉ thực hiện chức năng công tố mà còn đóng vai trò là cơ quan bảo vệ pháp chế XHCN, góp phần duy trì sự cân bằng giữa lợi ích của Nhà nước và quyền của người bị buộc tội. Thông qua hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra, Viện kiểm sát bảo đảm cho quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG được tôn trọng và thực thi đúng quy định. Viện kiểm sát kiểm sát chặt chẽ các hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam nhằm bảo đảm có căn cứ pháp lý, đúng thời hạn và ngăn

ngừa tình trạng giam giữ tùy tiện; giám sát quá trình hỏi cung, thu thập chứng cứ để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền con người như bức cung, nhục hình hoặc ép cung; xem xét, phê chuẩn hoặc hủy bỏ các quyết định tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyền con người của bị can bị vi phạm; đồng thời kiểm sát việc bảo đảm quyền bào chữa, yêu cầu CQĐT tạo điều kiện cho người bào chữa tiếp xúc bị can, nghiên cứu hồ sơ và tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, người bào chữa - chủ thể xã hội hóa trong cơ chế bảo vệ quyền con người. Theo Điều 74 BLTTHS, người bào chữa có quyền tham gia từ khi khởi tố bị can, được tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc buộc tội và gỡ tội trong phạm vi luật định. Đối với các vụ án xâm phạm ANQG, việc tham gia của luật sư có thể được giới hạn ở mức độ nhất định để bảo đảm yêu cầu giữ bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018. Tuy nhiên, sự hạn chế này không được hiểu là tước bỏ quyền bào chữa, mà là biện pháp dung hòa giữa bảo vệ ANQG và bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền được bảo vệ về pháp lý của bị can.

Nói cách khác, việc quy định rõ ràng nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động TTHS trong việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS đã xác định quyền và nghĩa vụ của nhóm chủ thể này. Nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền điều tra trong bảo đảm quyền con người của bị can thể hiện trên các khía cạnh như cơ quan, người có thẩm quyền điều tra thực hiện các quy định của pháp luật để quyền con người của bị can trở thành hiện thực; trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền điều tra trong trường hợp không bảo đảm được quyền con người, cách thức chủ thể tham gia tố tụng có thể phản đối quyklết định hành vi tố tụng trong trường hợp không bảo đảm được, các hình thức, thủ tục và chế tài xử lý đối với người có thẩm quyền tiến hành điều tra khi họ vi phạm các nghĩa vụ của mình.

Cùng với đó, pháp luật TTHS phải có quy định chặt chẽ, minh bạch về trình tự, thủ tục tiến hành điều tra, truy tố, xét xử. Điều này thể hiện tính công

khai, minh bạch trong các hoạt động TTHS nói chung, trong việc xử lý các hành vi phạm tội và phản ánh thực trạng quyền con người của công dân khi tham gia vào hoạt động TTHS. Trong quá trình thực hiện thì sự vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục tố tụng được xem như là căn cứ để huỷ bỏ các quyết định bản án trong TTHS. Hoạt động áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra là việc các cơ quan này tổ chức cho bị can, người bào chữa thực hiện các quy định của pháp luật hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật đưa ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt các quan hệ pháp luật TTHS.

Tuy nhiên, trên thực tế hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra phụ thuộc nhiều yếu tố như tính chặt chẽ, khoa học, khả thi của các quy định pháp luật, chất lượng của đội ngũ cán bộ tư pháp, sự phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với nhau và với các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác trong xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động điều tra...

2.2.3.3. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát

Bên cạnh những hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các hoạt động điều tra các VAHS nói chung, các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng thì phương thức bảo đảm quyền con người của bị can còn được thực hiện thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động TTHS. Biện pháp này có thể được tiến hành thông qua các hình thức như giám sát thông qua cơ quan quyền lực nhà nước; giám sát của cơ quan chuyên trách; giám sát của các tổ chức xã hội; giám sát của công dân, giám sát trong nội bộ cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động TTHS.

Thứ nhất, giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước là giám sát tối cao, có thể được thực hiện thông qua hoạt động của chính Quốc hội hoặc Nghị viện như việc xem xét, báo cáo hoạt động, chất vấn, tổ chức ủy ban giám sát, đoàn giám

sát đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ trong các cơ quan tư pháp... hoặc thông qua hoạt động của thanh tra Quốc hội (Thụy Điển, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha...). Một trong những chức năng của cơ quan này là giám sát hoạt động của các cơ quan hành chính, tòa án trong việc tuân thủ hiến pháp và pháp luật đảm bảo tính khách quan, công bằng, bảo đảm quyền của công dân không bị xâm phạm bởi hoạt động của cơ quan nhà nước.

Thứ hai, giám sát của cơ quan chuyên trách là giám sát của một cơ quan riêng biệt, được giao chức năng giám sát hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động TTHS nói riêng. Giám sát của cơ quan chuyên trách trong lĩnh vực TTHS là cần thiết và quan trọng nhằm cân bằng được giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung của xã hội. Các quốc gia có thể giao chức năng này cho Viện kiểm sát (Việt Nam, Trung Quốc) hoặc Ủy ban Tư pháp (như ở các tiểu bang hoặc vùng lãnh thổ ở Australia). Viện kiểm sát giữ vai trò chủ yếu trong việc giám sát các hoạt động TTHS trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án thông qua nhiều phương thức khác nhau. Trong khi đó, những Cơ quan chuyên trách khác chỉ giám sát việc tuyên phạt và xem xét lại các vấn đề có liên quan. Ở giai đoạn điều tra, việc giám sát bảo đảm cho quá trình điều tra diễn ra khách quan, xác định đúng đắn sự thật của vụ án.

Thứ ba, giám sát của các tổ chức xã hội là sự giám sát từ phía xã hội đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp). Giám sát của các tổ chức xã hội là tất yếu phù hợp với yêu cầu của đời sống xã hội hiện đại và rất có hiệu lực, hiệu quả trong việc kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Xã hội càng phát triển thì yêu cầu giám sát và dân chủ hóa trong giám sát ngày càng cao. Tổ chức xã hội này có thể được tổ chức dưới các hình thức khác nhau như các tổ chức chính trị xã hội tương tự Mặt trận tổ quốc ở Việt Nam (Mặt trận Lào xây dựng đất nước ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Hội nghị Hiệp thương Chính trị Nhân dân Trung Quốc (Chính hiệp hoặc các tổ chức nhận thức của công chúng như Common Cause, Public Citizen và Centre for Public Integrity (Trung tâm trung thực trước công chúng) của Hoa Kỳ...

Thứ tư, giám sát của công dân là giám sát của cá nhân đối với hoạt động của cơ quan tư pháp. Khi nhận thấy hoạt động của cơ quan tư pháp hoặc hành vi của cán bộ trong các cơ quan này có dấu hiệu sai phạm, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân hoặc của người khác, công dân có quyền gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết. Việc giám sát của công dân cũng có thể thực hiện gián tiếp thông qua báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng. Đặc biệt, trong giai đoạn điều tra - vốn là giai đoạn còn hạn chế về tính công khai và tranh tụng - sự tham gia giám sát của người dân có ý nghĩa quan trọng, góp phần phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm quyền con người của bị can.

Thứ năm, hoạt động giám sát trong nội bộ các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được thực hiện thông qua việc cơ quan cấp trên kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp và sự đúng đắn của các quyết định do cơ quan cấp dưới ban hành. Cơ chế này được áp dụng cho từng giai đoạn tố tụng, dựa trên nhiệm vụ, quyền hạn và vị trí tố tụng của từng cơ quan và người tiến hành tố tụng. Ở giai đoạn điều tra, nội dung giám sát tập trung vào việc xem xét các quyết định, hành vi tố tụng như áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định đình chỉ hay tạm đình chỉ điều tra; cùng với các hoạt động nghiệp vụ khác. Việc giám sát cần được tiến hành thường xuyên, liên tục để bảo đảm rằng mọi quyết định đều có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, góp phần xử lý vụ án khách quan, công bằng và bảo đảm quyền con người trong TTHS. Do đó, cơ chế giám sát quyền con người trong giai đoạn điều tra phải được thiết kế toàn diện, đồng thời xác định rõ thẩm quyền của từng chủ thể, đối tượng giám sát và hình thức thực hiện để bảo đảm tính chặt chẽ, thống nhất.

2.2.3.4. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia thông qua cơ chế xử lý các vi phạm về quyền con người

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG là một yêu cầu quan trọng trong quá trình thực thi pháp luật,

nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị can trước những hành vi xâm phạm quyền của họ. Do tính chất nhạy cảm của lĩnh vực này, pháp luật đòi hỏi phải có các quy định chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền con người trong suốt quá trình điều tra. Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục pháp luật, đồng thời bảo đảm cho bị can được thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản như quyền được thông báo, quyền nhờ luật sư bào chữa, quyền không bị ép cung, bức cung hoặc áp dụng các biện pháp trái pháp luật khác. Để đạt được mục tiêu đó, cần chú trọng hoàn thiện và áp dụng nghiêm các quy định pháp luật về trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quyền con người trong điều tra, từ xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đến truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất, mức độ vi phạm. Việc xử lý nghiêm minh không chỉ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của bị can, mà còn có ý nghĩa răn đe, giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong việc tôn trọng và bảo đảm quyền con người trong hoạt động điều tra, TTTHS.

Pháp luật hình sự quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của Cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra và bị can trong suốt quá trình điều tra. Những hành vi vi phạm quyền con người như bức cung, ép cung và hành vi dùng nhục hình, vi phạm quyền được thông báo về quyền lợi và quyền có người bào chữa; lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật.... Các quy định của pháp luật hình sự không chỉ nhằm xử lý hành vi xâm phạm quyền con người mà còn bao gồm việc áp dụng các biện pháp chế tài đối với những cá nhân, tổ chức có trách nhiệm thi hành án và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị can. Theo Điều 298 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), hành vi dùng nhục hình hoặc bức cung có thể dẫn đến trách nhiệm hình sự đối với điều tra viên, cán bộ điều tra và bất kỳ người nào có hành vi vi phạm. Hình phạt có thể từ cải tạo không giam giữ đến mức án tù dài hạn, tùy thuộc vào mức độ và tính chất của hành vi vi phạm. Việc xử lý này nhằm đảm bảo tính nghiêm minh và ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền con người trong quá trình điều tra.

2.3. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

2.3.1. Chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia

Chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG là hệ thống các quan điểm, nguyên tắc trong việc xác định tội phạm xâm phạm ANQG và các hoạt động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm xâm phạm ANQG được ban hành bởi các chủ thể có thẩm quyền. Chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG là toàn bộ các chủ trương, đường lối, quan điểm của một Nhà nước trong việc xác định tội phạm xâm phạm ANQG và tổ chức hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý với tội phạm xâm phạm ANQG thông qua các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS và pháp luật thi hành án hình sự. Bản chất của chính sách hình sự trong bảo vệ ANQG là những chủ trương, định hướng chính trị - pháp lý trong việc điều chỉnh pháp luật hình sự, TTHS và thi hành án hình sự cũng như các quan điểm cụ thể giải quyết vấn đề tội phạm xâm phạm ANQG trong đời sống xã hội. Đây là vấn đề mang tính nền tảng, tác động trực tiếp đến quá trình thực thi chính sách hình sự đối với tội phạm xâm phạm ANQG, trong đó có liên quan đến bảo đảm quyền của người bị buộc tội xâm phạm ANQG.

Trong pháp luật Việt Nam thì Điều 12 Luật ANQG năm 2004 quy định chính sách xử lý các hành vi xâm phạm ANQG của Nhà nước ta như sau: 1) Mọi hành vi xâm phạm ANQG đều phải bị xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật. Người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối thì bị nghiêm trị; 2) Người bị ép buộc, lừa gạt, lôi kéo nhận làm việc cho tổ chức, cá nhân để hoạt động xâm phạm ANQG mà tự thú, thành khẩn khai báo thì được khoan hồng; nếu lập công thì được khen thưởng; 3) Người nước ngoài có hành vi xâm phạm ANQG của Việt Nam ở ngoài lãnh thổ Việt Nam có thể bị xử

lý theo pháp luật của Việt Nam trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định.

Trước nhiệm vụ phát triển và bảo vệ đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương cải cách tư pháp được ghi nhận trong các văn bản quan trọng như: Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/4/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng pháp luật đến năm 2020... Những văn bản trên thể hiện tương đối đầy đủ chính sách pháp luật trong các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp thể hiện trong BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bên cạnh đó, một trong những phương hướng của cải cách tư pháp được xác định là việc hoàn thiện chính sách, pháp luật trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm ANQG nói riêng là tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật TTHS, các nhà lập pháp cũng dựa trên quan điểm chỉ đạo tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Để bảo vệ và bảo đảm quyền con người trong khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm xâm phạm ANQG, pháp luật TTHS được hoàn thiện theo hướng bổ sung đầy đủ quyền của người tham gia tố tụng; đề cao trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người; quy định chặt chẽ và kiểm soát nghiêm ngặt việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người; bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội; đổi mới chế định thời hạn tố tụng nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người.

Hiện nay, việc quy định các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm xâm phạm ANQG trong luật TTHS và thi hành án hình sự cũng là nội dung quan trọng của chính sách hình sự trong bảo vệ ANQG. Điều này được thể

hiện thông qua một số yêu cầu như: 1) yêu cầu về bảo đảm tính hiệu quả của cuộc đấu tranh, thông qua đó phải trao thẩm quyền nhiều hơn cho các cơ quan tư pháp hình sự và cơ quan thi hành án hình sự trong phòng ngừa, đấu tranh, xử lý và cải tạo, giáo dục người phạm tội xâm phạm ANQG; 2) yêu cầu bảo đảm quyền con người, đòi hỏi phải mở rộng các quyền của đối tượng bị buộc tội trong lĩnh vực tư pháp hình sự và tạo ra các bảo đảm pháp lý cần thiết để hiện thực hóa các quyền này. Tuy nhiên, yêu cầu này lại dẫn đến việc tạo ra những khó khăn, vướng mắc nhất định trong việc tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền.

2.3.2. Yếu tố tổ chức hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật

Trong quá trình điều tra VAHS, hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật có ảnh hưởng lớn đến việc bảo vệ quyền của các chủ thể nói chung, của bị can nói riêng. Chức năng, thẩm quyền của các cơ quan này phụ thuộc vào mô hình TTHS của mỗi quốc gia, bởi mô hình TTHS là cách thức tổ chức hoạt động của các chủ thể (đặc biệt là các cơ quan có thẩm quyền nhà nước). Nói cách khác lựa chọn mô hình TTHS cũng ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị can.

Trên thế giới hiện nay có nhiều cách phân loại khác nhau nhưng nhìn chung mô hình TTHS của các quốc gia là mô hình hỗn hợp, có sự pha trộn giữa yếu tố thẩm vấn và tranh tụng. Đối với các quốc gia có mô hình TTHS thiên về thẩm vấn, đặc biệt trong giai đoạn điều tra (đại diện là Việt Nam, Liên bang Nga, Trung Quốc, Đức...) thì cho rằng sự thật có thể và phải tìm ra trong quá trình thẩm vấn điều tra, Nhà nước phải tham gia sớm và liên tục vào việc thẩm vấn, điều tra. Nét nổi bật trong mô hình điều tra thẩm vấn là việc nhà nước trao toàn quyền thẩm vấn cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra - Việt Nam, Trung Quốc; Cơ quan điều tra, cơ quan dự thẩm - Liên bang Nga...), trong khi đó, các quyền tố tụng của bị can bị hạn chế, không được phép độc lập tiến hành điều tra. Do đó, vai trò của giai đoạn điều tra rất

quan trọng, xung yếu trong cả quá trình tố tụng, góp phần làm rõ một cách khách quan sự thật của vụ án.

Trong khi đó, tố tụng tranh tụng (đại diện là Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản...) cho rằng sự thật sẽ được mở ra qua sự tranh luận tự do và cởi mở giữa những người có các tài liệu, thông tin chính xác. Đặc trưng của mô hình tranh tụng là tính đối kháng trong giai đoạn điều tra, tức là tăng cường vai trò và năng lực tố tụng của bị can, nhấn mạnh tính bình đẳng và tính đối kháng giữa bị can và cơ quan thực thi pháp luật (có thể là Cơ quan điều tra hoặc Viện Công tố). Vì thế, quyền điều tra không chỉ thuộc về cơ quan buộc tội mà hai bên truy tố và bào chữa đều có quyền điều tra lấy chứng cứ độc lập. Điều này thể hiện một cách rõ nét trong giai đoạn điều tra. So với tố tụng thẩm vấn, các ưu điểm của tố tụng tranh tụng là có những bảo đảm quan trọng trong việc bảo vệ quyền công dân, hạn chế việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng, tạo điều kiện để Tòa án giám sát đối với hoạt động của cơ quan buộc tội, đảm bảo tính công khai, minh bạch của quá trình tố tụng.

Do đó, có thể nói sự tổ chức hoạt động của các cơ quan thực thi pháp luật trong giai đoạn điều tra có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền của bị can, bởi đây là những cơ quan có tác động trực tiếp đến việc thực hiện hay không những nhóm quyền của các chủ thể này.

2.3.3. Yếu tố con người

Thứ nhất, những người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra

Con người là trung tâm của mọi hoạt động, có tính quyết định trong đảm bảo hiệu quả các hoạt động của giai đoạn điều tra, trong bảo đảm quyền con người nói chung, quyền con người của bị can nói riêng. Hiệu quả của hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn này phụ thuộc vào các yếu tố như số lượng, chất lượng và đạo đức nghề nghiệp của người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra. Đặc biệt, đây là giai đoạn phải tiến hành các hoạt động tố tụng khác nhau, với các trình tự, thủ tục được quy định

chặt chẽ trong pháp luật TTHS, các hoạt động cũng ảnh hưởng và hạn chế phần nào những quyền được quy định trong Hiến pháp của bị can (như việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, các hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, khám xét...). Do đó, không đảm bảo về số lượng người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra có thể dẫn đến sự quá tải trong công việc, khả năng xảy ra sai sót nhiều. Cùng với đó, chất lượng, trình độ chuyên môn người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra cũng quyết định đến hiệu quả công tác của họ, đặc biệt trong quá trình thực hiện các hoạt động liên quan đến bảo đảm quyền của bị can. Đặc biệt nhận thức của người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra về vấn đề bảo vệ quyền con người nói chung, quyền của bị can nói riêng là cơ sở để các hoạt động thực thi pháp luật của họ đáp ứng mục tiêu bảo đảm quyền con người.

Thứ hai, những người tham gia tố tụng khác

Người tham gia tố tụng có vai trò nhất định việc bảo đảm quyền con người của bị can như người bào chữa, người đại diện của bị can chưa thành niên, người phiên dịch. Đặc biệt, đối với tội phạm xâm phạm ANQG là loại tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, do đó vai trò của người bào chữa rất quan trọng, có chức năng là bảo vệ các quyền cơ bản của người bị buộc tội và thực hiện công bằng xã hội và mang ý nghĩa nhân đạo trong chính sách pháp luật của mỗi quốc gia. Trình độ chuyên môn, khả năng tranh tụng, hoạt động tích cực của người bào chữa ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bị can. Bên cạnh đó, hoạt động của những người tham gia tố tụng khác như người phiên dịch cũng có ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị can, đặc biệt đối với các loại tội phạm xâm phạm ANQG, nhiều bị can là người dân tộc thiểu số bị xúi giục, lôi kéo vào các hoạt động phạm tội.

Thứ ba, nhân thân của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG

Những yếu tố thuộc về nhân thân của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG cũng có những ảnh hưởng quan trọng trong việc bảo đảm quyền con

người của chính họ trong giai đoạn tố tụng nói chung, trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng. Trên thực tế, nhân thân các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG tương đối đa dạng, thuộc tất cả các thành phần xã hội, trong đó số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG chủ yếu là nông dân hoặc người lao động tự do; số các bị can là cán bộ, công chức chiếm tỷ lệ nhỏ. Thậm chí, có nhiều vụ án mà bị can là người có trình độ học vấn cao, là văn nghệ sĩ, luật sư. Các đối tượng này do nhận thức sai lệch về chế độ XHCN ở Việt Nam hoặc bị các thế lực thù địch móc nối, lôi kéo, dụ dỗ. Nói cách khác, sự đa dạng về mặt nhận thức của các đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm ANQG cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện quyền của họ trong giai đoạn điều tra. Bởi trên thực tế, hoạt động bảo đảm quyền của những chủ thể này không chỉ được thực hiện bởi các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, mà còn là sự chủ động của bản thân các bị can khi tham gia vào các hoạt động TTHS trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Nếu bản thân bị can nhận thức, nắm vững được nội dung về quyền và nghĩa vụ của mình có thể góp phần bảo đảm được quyền của họ trong giai đoạn này, tránh được những trường hợp quyền bị xâm phạm nhưng bản thân họ cũng không nhận thức được.

Mặt khác, trong quá trình xử lý các vụ án xâm phạm ANQG, người phạm tội thường được xem là đối tượng có tính dễ bị tổn thương cao do chịu tác động mạnh mẽ từ đặc thù của loại tội phạm, từ hệ thống tư pháp, cũng như từ các yếu tố xã hội và tâm lý. Đây là nhóm tội danh thường gắn với yếu tố chính trị, tư tưởng hoặc bí mật nhà nước, do đó quá trình điều tra thường diễn ra trong sự hạn chế về mặt tiếp xúc với bên ngoài. Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng tố tụng (điều tra, truy tố, xét xử) mà còn là bên bị xâm phạm trực tiếp. Để bảo vệ bí mật nhà nước, các thủ tục tố tụng có thể bị hạn chế công khai, quyền tiếp cận luật sư và tiếp cận hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của người bị buộc tội có thể bị kiểm soát nghiêm ngặt hơn so với các vụ án thông thường. Vì vậy, việc bảo vệ ANQG là tối quan trọng nhưng cũng cần duy trì các chuẩn mực tư pháp công bằng và

bảo vệ quyền con người cho mọi cá nhân chính là thước đo của một nhà nước pháp quyền.

2.3.4. Yếu tố quốc tế

Yếu tố quốc tế ảnh hưởng đến quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG thể hiện thông qua sự ảnh hưởng của những chuẩn mực pháp lý quốc tế về quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội nói riêng; cùng với đó là về đặc trưng của loại tội phạm xâm phạm ANQG là những loại tội phạm có yếu tố nước ngoài.

Thứ nhất, yếu tố chính trị, xã hội quốc tế

Tội phạm xâm phạm ANQG là loại tội phạm có tính chất đặc thù khi có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các mối quan hệ chính trị giữa các quốc gia. Những cuộc chiến tranh, căng thẳng chính trị, hoặc sự thay đổi trong quan hệ ngoại giao có thể thúc đẩy sự gia tăng các tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm mạng, tội phạm khủng bố hoặc các tổ chức tội phạm có liên kết quốc tế. Cùng với đó, các biến động chính trị, xã hội trong nội bộ có thể tạo cơ hội cho các nhóm tội phạm chống phá.

Mặt khác, sự thiếu hợp tác quốc tế trong việc phòng chống tội phạm xuyên quốc gia hoặc sự thiếu hụt các cơ chế pháp lý để xử lý các hành vi trên có thể đe dọa, gây nguy hại đến ANQG. Đây là yếu tố ảnh hưởng đến công tác phòng ngừa, ngăn chặn cũng như hoạt động điều tra, xử lý đối với tội phạm xâm phạm ANQG. Và đây cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ hai, yếu tố pháp luật quốc tế

Vấn đề quyền con người đã được cộng đồng quốc tế quan tâm, thực hiện trong nhiều các văn kiện pháp lý quốc tế. Ngay từ những ngày đầu thành lập, tổ chức LHQ đã đặc biệt chú trọng đến vấn đề quyền con người và bảo đảm quyền con người và đã đưa vào những văn kiện pháp lý của mình, như: Hiến chương LHQ năm 1945, Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948, Công ước về các quyền dân

sự - chính trị năm 1966, Công ước LHQ về quyền trẻ em, Quy chế Rome về thành lập Tòa án hình sự thường trực quốc tế... Đây được coi như những chuẩn mực quốc tế về quyền con người, là cơ sở để các quốc gia xây dựng pháp luật của mình về bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của bị can trong các giai đoạn tố tụng nói riêng. Việt Nam đã tham gia là thành viên của các tổ chức quốc tế trên thế giới và trong khu vực, cũng là thành viên của các Điều ước quốc tế về quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội trong TTHS nói riêng, do đó việc xây dựng những quy định pháp luật luôn cần chú trọng đến việc tôn trọng những cam kết quốc tế và nghĩa vụ quốc tế mà chúng ta đã tham gia.

Thứ ba, tội phạm xâm phạm ANQG thường có yếu tố nước ngoài

Hiện nay, đối với các loại tội phạm xâm phạm ANQG, giữa các đối tượng chống đối trong nước với các thế lực thù địch ở nước ngoài có sự liên kết với nhau. Thực tế cho thấy, với sự phát triển của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các đối tượng chống đối trong nước đã luôn tìm cách liên kết với các thế lực bên ngoài để tuyên truyền, xuyên tạc nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như sự quản lý của Nhà nước. Do đó, trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG cần tiến hành thận trọng, tránh để các thế lực thù địch tạo lý do, can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Đối với các vụ án này, việc áp dụng pháp luật không chỉ để điều tra, làm rõ vụ việc mà còn không làm ảnh hưởng đến mối quan hệ đối ngoại, cũng như vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.4. BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA

2.4.1. Pháp luật quốc tế về bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong tố tụng hình sự

Quyền của người bị buộc tội nói chung, của bị can nói riêng được quy định trong các văn kiện pháp lý quốc tế và khu vực về quyền con người, như: Tuyên ngôn nhân quyền thế giới của LHQ năm 1948 (UHDR), Công ước của

LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR), Công ước chống tra tấn, đối xử vô nhân đạo và hạ nhục con người năm 1985 (CAT), Công ước LHQ về Quyền trẻ em (CRC) năm 1989... Thông thường những tiêu chí, chuẩn mực trong các văn kiện quốc tế mang tính tối thiểu, còn lại tùy vào điều kiện kinh tế xã hội và chính sách hình sự của mỗi quốc gia mà có thể có các phương pháp nội luật hóa vào trong hệ thống pháp luật quốc gia mình cho phù hợp với các tiêu chí quốc tế và bảo đảm được quyền con người. Quyền của người bị buộc tội tùy theo từng nội dung của các Điều ước quốc tế mà có thể tập trung vào những nhóm khác nhau, tuy nhiên, Nghiên cứu sinh cho rằng, có thể khái quát như sau:

2.4.1.1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm được ghi nhận trong Điều 1 Công ước ICCPR: “*Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền*”. Đối với những người bị tước tự do theo quy định của pháp luật, họ cũng được bảo vệ các quyền này. Điều 10 ICCPR quy định: “*Những người bị tước tự do phải được đối xử nhân đạo với sự tôn trọng nhân phẩm vốn có của con người*”. Mọi hình thức đối xử đối với người bị tước tự do trong các cơ sở giam giữ phải bảo đảm tính nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm, bởi mục đích của việc áp dụng biện pháp này là nhằm phục vụ điều tra, làm sáng tỏ sự việc chứ không phải để trừng phạt người bị buộc tội. Nguyên tắc nhân đạo này phải được thực hiện bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào. Trong TTHS, nguyên tắc đó còn thể hiện ở việc giới hạn quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra. Theo đó, không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án hoặc quyết định, phê chuẩn của Viện kiểm sát (Viện Công tố), trừ trường hợp phạm tội quả tang. Tùy thuộc vào tính chất vụ án và giai đoạn tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng được quyền áp dụng một số hoặc toàn bộ biện pháp ngăn chặn, nhưng luôn trong phạm vi và giới hạn mà pháp luật cho phép.

Bên cạnh đó, Công ước Châu Âu về quyền con người quy định rõ quyền tự do và an toàn cá nhân, một số nguyên tắc của TTHS để bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội. Điều 5.1 Công ước quy định mỗi người có quyền tự do và an toàn cá nhân; không ai bị xâm phạm quyền tự do ngoài trường hợp và thủ tục do pháp luật quy định. Điều 6.1 Công ước cũng xác định người bị buộc tội có quyền được xét xử bởi Tòa án; các bên được đối xử công bằng trong xét xử và có quyền tham gia phiên tòa và xét xử công khai. Việc ghi nhận nguyên tắc này thể hiện trách nhiệm của Nhà nước thành viên trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người bằng cách thiết lập các cơ chế hữu hiệu để quyền bất khả xâm phạm về thân thể trở được thực hiện trong TTHS.

Cùng với đó, quyền này cũng bao gồm việc nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khỏe của con người. Nội dung này được ghi nhận trong Điều 5 UDHR và cụ thể hóa trong Điều 7 ICCPR: *“Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm, không ai có thể bị sử dụng để làm thí nghiệm y học hoặc khoa học mà không có sự đồng ý tự nguyện của người đó”*. Quyền chống tra tấn, đối xử hay trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục được coi là một quy phạm tập quán quốc tế về quyền con người, bởi vậy tất cả các quốc gia trên thế giới đều có nghĩa vụ phải tuân thủ, bất kể quốc gia đó có là thành viên của Công ước của LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, CAT hay bất cứ điều ước quốc tế nào khác có liên quan hay không.

2.4.1.2. Quyền của người bị buộc tội trong bảo vệ để khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện

Quyền được bảo vệ khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện đã được khẳng định rõ ràng trong Điều 9 của UDHR: *“Không ai bị bắt, giam giữ hay lưu đày một cách tùy tiện.”* Quy định này được cụ thể hóa trong Điều 9 ICCPR, xác định rằng việc tước tự do của cá nhân cụ thể chỉ được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật,

dưới sự giám sát của cơ quan tư pháp độc lập. Các khoản 2 đến 5 của Điều 9 ICCPR quy định chi tiết về các bảo đảm thủ tục, bao gồm: người bị bắt phải được thông báo ngay lý do bắt và các cáo buộc chống lại họ; phải sớm được đưa ra xét xử trước Tòa án hoặc cơ quan tài phán có thẩm quyền; được xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc được trả tự do nếu không có căn cứ kéo dài giam giữ; và có quyền yêu cầu bồi thường khi bị bắt hoặc giam giữ trái pháp luật.

Tùy thuộc vào quy định của pháp luật từng quốc gia, bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói chung và vụ án xâm phạm ANQG nói riêng khi bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam vẫn được bảo đảm một số quyền cơ bản, như: họ được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự và nhân phẩm; được thông báo đầy đủ về quyền, nghĩa vụ cũng như nội quy của cơ sở giam giữ; được bảo đảm các điều kiện sinh hoạt thiết yếu như ăn, ở, mặc, chăm sóc y tế, hoạt động tinh thần và sử dụng vật dụng cá nhân. Ngoài ra, bị can còn có quyền gửi, nhận thư từ, quà tặng, sách báo, tài liệu; được gặp thân nhân, luật sư hoặc người bào chữa, tiếp xúc lãnh sự; được bảo đảm thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc được trợ giúp pháp lý. Họ cũng có thể gặp người đại diện hợp pháp để tiến hành các giao dịch dân sự, yêu cầu trả tự do khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam, khiếu nại hoặc tố cáo hành vi vi phạm pháp luật, và được bồi thường thiệt hại nếu việc giam giữ trái pháp luật. Bên cạnh đó, bị can vẫn được thừa nhận các quyền công dân khác, trừ những quyền không thể thực hiện do đặc thù của việc tạm giữ, tạm giam.

2.4.1.3. Quyền được suy đoán vô tội

Quyền được suy đoán vô tội được xem là một quy tắc đã được thừa nhận rộng rãi như là nguyên tắc của pháp luật tự nhiên. Theo đó, ngay từ Tuyên ngôn nhân quyền của LHQ, tại Điều 10 đã quy định bất kỳ ai bị buộc tội đều có quyền được đưa ra xét xử trước một Tòa án độc lập và không thiên vị, có quyền bảo vệ mình, chống lại mọi sự buộc tội. Nội dung này cũng được quy định tại Khoản 1 Điều 11 UDHR và Khoản 2 Điều 14 Công ước của LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966. Nội dung của quyền được suy đoán vô tội có thể bao gồm

hai khía cạnh: về giả định vô tội và trách nhiệm chứng minh và tiêu chuẩn của chứng cứ. Theo Đoạn 30 của Bình luận chung số 32 giải thích “*việc khởi tố phải có bằng chứng phạm tội, đảm bảo không ai bị kết tội nếu không chứng minh được những nghi ngờ với người đó*”, nói cách khác nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên buộc tội, nếu không chứng minh được các nghi ngờ của mình thì phải suy đoán theo hướng có lợi cho người bị buộc tội.

Quyền được suy đoán vô tội thường gắn liền với quyền không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc phải thừa nhận hành vi phạm tội. Quyền này được ghi nhận tại điểm g khoản 3 Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, cũng như khoản 2 Điều 40 Công ước về Quyền trẻ em. Tương tự, Điều 6 Quy chế Rome về Tòa án Hình sự Quốc tế quy định rằng một người chỉ bị coi là có tội khi được chứng minh trước Tòa theo đúng trình tự pháp luật; trách nhiệm chứng minh thuộc về Cơ quan Công tố, và bản án kết tội chỉ được tuyên khi không còn tồn tại nghi ngờ hợp lý nào. Những người có thẩm quyền không được sử dụng những biện pháp trái pháp luật để ép buộc người bị buộc tội khai báo. Nguyên tắc suy đoán vô tội hiện nay đã được hầu hết các quốc gia, dù theo hệ thống pháp luật hay mô hình tố tụng nào, đưa vào pháp luật TTHS quốc gia của mình. Đây là một trong những nguyên tắc nền tảng, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong suốt quá trình TTHS.

2.4.1.4. Quyền bào chữa của bị can

Quyền bào chữa là phương tiện pháp lý cần thiết để bị can bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo Ủy ban Nhân quyền của LHQ, quyền có người bào chữa của người bị buộc tội được bảo đảm trong cả giai đoạn tố tụng trước và trong khi xét xử, bao gồm: quyền tiếp cận với luật sư; quyền có luật sư tham gia trong các buổi hỏi cung trước khi xét xử; bất cứ ai bị bắt hay giam giữ, hoặc phải đối mặt với nguy cơ bị giam giữ đều có quyền được hỗ trợ bởi người bào chữa.

Quyền bào chữa là quyền cơ bản, có vai trò đặc biệt trong việc bảo vệ các quyền khác. Khoản 3 Điều 14 Công ước của LHQ về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 khẳng định trong quá trình xét xử một tội về hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng một cách đầy đủ và hoàn toàn bình đẳng những bảo đảm tối thiểu liên quan đến quyền bào chữa như được thông báo không chậm trễ và chi tiết bằng một ngôn ngữ mà người đó hiểu về bản chất và lý do buộc tội mình; có đủ thời gian và điều kiện để chuẩn bị bào chữa và liên hệ với người bào chữa do mình lựa chọn, xét xử mà không bị trì hoãn một cách vô lý, người bị buộc tội được tự bào chữa hoặc thông qua sự trợ giúp pháp lý theo lựa chọn của mình, được trợ giúp pháp lý miễn phí trong trường hợp công lý đòi hỏi, có quyền phiên dịch. Bình luận chung số 32 giải thích rõ thêm các vấn đề thế nào là thời gian đầy đủ, điều kiện để chuẩn bị bào chữa, các trường hợp được nhận trợ giúp pháp lý.

2.4.1.5. Quyền thông tin của người bị buộc tội

Quyền thông tin là một trong những quyền cơ bản của người bị buộc tội, thể hiện nguyên tắc minh bạch và công bằng trong TTHS. Quyền này bảo đảm rằng người bị buộc tội được biết rõ về các cáo buộc, bằng chứng và tiến trình tố tụng liên quan đến vụ án của mình, từ đó có thể bảo vệ quyền lợi một cách đầy đủ và hiệu quả. Pháp luật quốc tế đã khẳng định quyền thông tin này trong nhiều văn kiện quan trọng. Điều 14(3)(a) của ICCPR quy định: “*Mọi người bị buộc tội phải được thông báo nhanh chóng và bằng ngôn ngữ mà họ hiểu về bản chất và lý do của các cáo buộc chống lại mình*”. Bên cạnh đó, Điều 11 của UDHR cũng nhấn mạnh: “*Mọi người bị buộc tội đều có quyền được thông báo ngay và rõ ràng về bản chất và lý do của cáo buộc nhằm bảo vệ quyền lợi của mình*”. Điều này thể hiện một nguyên tắc phổ quát, rằng thông tin minh bạch là yếu tố thiết yếu để bảo đảm quyền xét xử công bằng. Quyền thông tin của người bị buộc tội không chỉ dừng lại ở việc biết về cáo buộc, mà còn bao gồm quyền được tiếp cận hồ sơ vụ án, chứng cứ, tài liệu liên quan để chuẩn bị cho việc bào chữa.

Nói cách khác, quy định về bảo đảm quyền thông tin của người bị buộc tội trong pháp luật quốc tế không chỉ là một yếu tố kỹ thuật trong tố tụng, mà còn là cơ sở để các quốc gia xây dựng một hệ thống tư pháp minh bạch, khách quan và công bằng. Nó giúp ngăn chặn lạm quyền, giảm thiểu nguy cơ bắt giữ hoặc xét xử sai, đồng thời khẳng định sự tôn trọng nhân phẩm và quyền con người trong suốt quá trình tố tụng.

2.4.1.6. Quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự của người bị buộc tội

Trong hoạt động TTTHS không thể tránh khỏi có trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố xét xử oan sai. Những vụ việc oan sai không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân mà còn gây ra những bức xúc trong xã hội. Do đó, quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự của người bị buộc tội là quyền chính đáng, được khẳng định trong nhiều văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng về quyền con người. Điều 9 khoản 5 của Công ước ICCPR quy định: “*Bất kỳ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ trái pháp luật đều có quyền được bồi thường*”. Quy định này thể hiện nguyên tắc chung rằng mọi hành vi bắt giữ, giam cầm không có căn cứ pháp lý hoặc sai sót của cơ quan công quyền đều phải được Nhà nước khắc phục thông qua cơ chế bồi thường. Bên cạnh đó, Điều 14 khoản 6 của ICCPR tiếp tục khẳng định: “*Khi một người bị kết án cuối cùng mà bản án đó bị hủy hoặc người đó được minh oan do có sự sai lầm tư pháp, thì người đó có quyền được bồi thường theo pháp luật, trừ khi chứng minh rằng chính người đó đã gây ra sự việc dẫn đến bản án sai*”. Quy định này đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước trong việc khắc phục hậu quả của các sai lầm tư pháp, đảm bảo công lý cho người bị kết án oan. Ngoài ra, Nguyên tắc 35 và 36 của Bộ Nguyên tắc cơ bản của LHQ về vai trò của luật sư và nạn nhân của sự lạm quyền tư pháp (1989) cũng nêu rõ, mọi cá nhân bị oan hoặc bị vi phạm trong quá trình tố tụng đều có quyền được “*phục hồi danh dự, bồi thường về vật chất và tinh*

thần”. Những quy định này cho thấy, pháp luật quốc tế không chỉ thừa nhận quyền được bồi thường thiệt hại của người bị oan, mà còn coi trọng việc phục hồi danh dự như một yếu tố cần thiết để bảo vệ trọn vẹn nhân phẩm và công bằng cho người bị xâm phạm.

2.4.2. Pháp luật một số quốc gia về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Trên thực tế hiện nay, mô hình TTHS của các quốc gia trên thế giới không còn thuần theo tranh tụng hay thẩm vấn mà đã có xu hướng tiếp thu những yếu tố tích cực từ các mô hình tố tụng còn lại để xây dựng và hoàn thiện mô hình TTHS của mình, đáp ứng những yêu cầu trong tình hình mới. Nội dung hệ thống của các mô hình TTHS có những ảnh hưởng nhất định đối với việc thực hiện quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung, vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Trong phạm vi của Luận án, Nghiên cứu sinh tập trung đánh giá cơ chế pháp lý trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS của một số quốc gia tiêu biểu của hai mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn và mô hình tố tụng thiên về tranh tụng, từ đó rút ra những kinh nghiệm trong hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

2.4.2.1. Pháp luật một số quốc gia theo mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn đối với bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn là mô hình TTHS được áp dụng tại những quốc gia như Liên bang Nga, Trung Quốc và Cộng hòa Liên bang Đức, Việt Nam... Trong hệ thống pháp luật của các quốc gia theo mô hình này vẫn đề cao vai trò và sự chủ động của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước (Cơ quan điều tra, cơ quan dự thẩm, Viện kiểm sát, Tòa án) trong các hoạt động tố tụng. Theo đó, yếu tố tranh tụng được tiếp thu trong mô hình của các quốc gia này chủ yếu được áp dụng trong giai đoạn xét xử, còn trong giai đoạn điều tra VAHS, các đặc trưng của mô hình thẩm vấn vẫn được thực hiện. Đối với vấn đề

bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS, pháp luật các quốc gia theo mô hình tố tụng này có một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, đối với hệ thống những nguyên tắc trong bảo đảm quyền con người

Những nguyên tắc trong bảo đảm quyền con người của bị can trong điều tra VAHS, pháp luật của các quốc gia theo mô hình kể trên nhìn chung đều có đề cập đến hệ thống các nguyên tắc cơ bản, trong đó có những quy định liên quan đến quyền con người và bảo đảm quyền con người của bị can như: Nguyên tắc xét xử công khai và bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo [121, Điều 11], Nguyên tắc suy đoán không có tội [121, Điều 12]; Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa [121, Điều 16] và các quyền tố tụng khác của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác [121, Điều 14] ...

Ngoài ra, khi nghiên cứu hệ thống những nguyên tắc cơ bản này, có thể thấy pháp luật TTHS Liên bang Nga và Cộng hòa Liên bang Đức có đề cập đến nguyên tắc “*Tự do đánh giá chứng cứ*” [121, Điều 15]. Đây là nguyên tắc mang tính đặc trưng trong TTHS của hai quốc gia này, nhằm khẳng định sự khách quan, vô tư của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động xem xét chứng cứ, tránh việc hệ thống các cơ quan này thông qua việc nghiên cứu hồ sơ VAHS, hình thành niềm tin nội tâm về những chứng cứ có giá trị buộc tội đối với người bị buộc tội. Trong đó đưa ra quy định về việc những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có quyền tự do đánh giá chứng cứ trong vụ án theo niềm tin nội tâm và căn cứ vào pháp luật và lương tâm của mình; không có chứng cứ nào có hiệu lực được xác định trước đó [121, Điều 17].

Thứ hai, về nội dung quyền của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS

Quy định về quyền của bị can trong các VAHS của pháp luật TTHS TTHS Trung Quốc nằm rải rác ở các điều luật khác nhau. Đặc biệt, luật TTHS Trung Quốc quy định tương đối chi tiết về quyền được bào chữa của bị can, cụ thể: 1) Bị can có quyền ủy quyền cho một hoặc hai người khác bào chữa hoặc tự

bào chữa [108, Điều 32]. Quyền này được thực hiện kể từ khi bị can bị cơ quan điều tra hỏi cung lần đầu tiên hoặc kể từ ngày bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, còn trong thời gian điều tra, bị can chỉ có thể ủy quyền luật sư làm người bào chữa [108, Điều 33]. Cùng với đó, trong một số trường hợp luật định, bị can được chỉ định luật sư bào chữa [107, Điều 34]; được gặp mặt, trao đổi thông tin với luật sư bào chữa (Điều 37); 2) Quyền được thông tin, được giải thích về quyền và nghĩa vụ; 3) Quyền được chứng minh mình vô tội, được quy định gián tiếp trong hoạt động hỏi cung bị can khi điều tra viên trước tiên phải hỏi bị can có thực hiện hành vi phạm tội hay không, để bị can trình bày tình tiết phạm tội hoặc biện hộ mình vô tội; sau đó mới đặt câu hỏi; 3) Quyền đề nghị thay đổi biện pháp ngăn chặn (Điều 95); 4) Quyền được thông báo về ý kiến giám định; có quyền yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại (Điều 146); 5) Quyền được khiếu nại, tố cáo thông qua người bào chữa.

Còn trong luật TTHS Liên bang Nga và Cộng hòa Liên bang Đức, bị can có quyền [121, Điều 47]: 1) Quyền được thông tin; Xem toàn bộ hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra và được ghi chép bất kỳ tài liệu nào và với bất kỳ số lượng nào từ hồ sơ vụ án; Được sao chụp các tài liệu, hồ sơ vụ án, kể cả với sự trợ giúp của các phương tiện kỹ thuật; Được nhận bản sao quyết định khởi tố bị can, quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với họ, quyết định truy tố hoặc bản cáo trạng; 2) Quyền được bào chữa bao gồm tự bào chữa và nhờ người bào chữa cho mình, được gặp riêng với người bào chữa, kể cả trước lần hỏi cung đầu tiên và không bị hạn chế số lần và thời gian; 3) Quyền được tham gia vào các hoạt động tố tụng; 4) Quyền khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động và quyết định của Điều tra viên, Dự thẩm viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được tham gia vào việc giải quyết khiếu nại của tòa án; 5) Quyền được thể hiện ý kiến như phản đối việc buộc tội, đưa ra những lời khai liên quan đến việc buộc tội họ hoặc từ chối đưa ra lời khai...

Trên thực tế, có thể thấy quyền con người của bị can nói chung, trong giai đoạn điều tra nói riêng của pháp luật TTHS Liên bang Nga và Cộng hòa Liên

bang Đức quy định rõ ràng, bao quát hơn so với pháp luật TTHS của Trung Quốc. Quyền của bị can được quy định rải rác trong các điều luật khác nhau của BLTTHS Trung Quốc, tuy nhiên những quy định này cũng chưa thật sự đầy đủ và bao quát hết. Thậm chí, chức năng bào chữa không được thực hiện một cách độc lập vì luật tố tụng quy định người bào chữa có thể gặp mặt, trao đổi thông tin với bị can, bị cáo bị tạm giam nếu được sự cho phép của TAND, Viện kiểm sát nhân dân. Đối với tội phạm xâm phạm ANQG, tội phạm khủng bố, tham nhũng - là những tội đặc biệt nghiêm trọng, thì trong giai đoạn điều tra, người bào chữa có thể gặp mặt bị can (bị tạm giam) phải có sự cho phép của cơ quan điều tra, cơ quan điều tra phải thông báo trước với cơ sở giam giữ nơi bị can đang ở để tiến hành các hoạt động tiếp theo[107, Điều 3].

Thứ ba, về hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra

Ở Trung Quốc, chức năng buộc tội trong TTHS do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, tư tố viên, người bị hại, nguyên đơn dân sự và người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện; Chức năng bào chữa do người bào chữa, bị can, bị cáo và người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện; Chức năng xét xử chỉ do một chủ thể duy nhất thực hiện đó là Tòa án, cụ thể là các thành viên Hội đồng xét xử. Tòa án thực hiện chức năng xét xử nhưng có vai trò tích cực trong hoạt động điều tra, thẩm vấn, xác định, đánh giá chứng cứ, chứng minh nhằm buộc tội. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thông qua hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ nhằm xác định những tình tiết có ý nghĩa làm rõ một cách khách quan sự thật của vụ án. Trong TTHS Trung Quốc, kết quả điều tra làm cơ sở cho Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can ra tòa và buộc tội tại phiên tòa; là cơ sở để Tòa án xét xử và cũng là cơ sở để người bào chữa thực hiện chức năng bào chữa.

Trong khi đó, chủ thể tham gia tố tụng trong pháp luật TTHS Cộng hòa Liên bang Đức không phân chia thành các bên buộc tội, gỡ tội. Tuy nhiên những cơ quan có thẩm quyền điều tra gồm: Viện công tố, cảnh sát, cơ quan thuế quan,

thuế vụ. Cơ quan công tố có trách nhiệm khởi tố và tiến hành hoạt động điều tra đối với mọi tội phạm, nhưng vì Viện công tố không có lực lượng để thực hiện nhiệm vụ điều tra nên phải yêu cầu cảnh sát hoặc yêu cầu Tòa án hỗ trợ [107, Điều 160, 162].

Pháp luật TTHS Liên bang Nga phân định tương đối khoa học, rành mạch về chủ thể, về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, Tòa án với vai trò là Trọng tài, các cơ quan tiến hành các hoạt động trong giai đoạn điều tra bao gồm Cơ quan điều tra và Cơ quan dự thẩm [121, mục 6 chương 2]. Sự bình đẳng về địa vị tố tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa trước Tòa án thể hiện rõ nét trong các quy định của pháp luật TTHS về quyền của các chủ thể tham gia tố tụng thuộc các bên buộc tội và bào chữa và quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa, theo đó: các bên buộc tội và bào chữa đều có quyền thu thập chứng cứ [121, Điều 86] có quyền đưa ra yêu cầu về việc loại trừ chứng cứ trong thủ tục thẩm tra hồ sơ trước khi xét xử vụ án [98, Điều 235]; có quyền tham gia lấy lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người giám định, xuất trình các tài liệu trước Tòa án, tham gia vào việc thẩm tra các chứng cứ, đưa ra yêu cầu, tranh luận, phát biểu quan điểm của mình về thực chất của lời buộc tội tại phiên tòa [121, Điều 235].

Điểm đặc biệt trong hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can, đó là việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn có ảnh hưởng hoặc hạn chế quyền con người thì cần có quyết định của Tòa án (như biện pháp bắt, tạm giam, khám xét).

2.4.2.2. Pháp luật một số quốc gia theo mô hình tố tụng thiên về tranh tụng đối với bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Đối với pháp luật TTHS của các quốc gia theo mô hình thiên về tranh tụng như Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Nhật Bản... trong hoạt động tố tụng lại hướng đến việc ưu tiên kiểm soát tội phạm thông qua một quy trình thủ tục công bằng để đảm bảo kết án đúng người đúng tội mà vẫn bảo vệ được quyền con người. Trên thực tế, cũng giống như các quốc gia theo mô hình pha trộn thiên về

thẩm vấn, hiện nay các quốc gia theo mô hình tố tụng này cũng đã có sự tiếp thu những yếu tố của mô hình thẩm vấn nhằm hoàn thiện mô hình TTTHS trong pháp luật quốc gia mình. Nội dung nổi bật trong hệ thống pháp luật của các quốc gia theo mô hình này đối với vấn đề bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS bao gồm:

Thứ nhất, những nguyên tắc bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS

Liên quan đến những quy định trong pháp luật các quốc gia theo mô hình tố tụng này đều có đề cập đến một số nguyên tắc như nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh và nội dung về việc nếu xem xét có lợi cho bị can, bị cáo [123]; Nguyên tắc độc lập Tư pháp; Nguyên tắc đảm bảo quyền bị can, bị cáo được biết nội dung buộc tội mình; Nguyên tắc chấp thuận chứng cứ.

Đặc trưng trong nguyên tắc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở Hoa Kỳ, chính là nguyên tắc thương lượng buộc tội (mặc cả thú tội). Theo đó, Công tố viên có quyền thương lượng, thỏa thuận nội dung buộc tội/bào chữa với bị can. Để đổi lại việc bị can nhận tội Công tố viên sẽ phải đồng ý để bỏ qua các nội dung buộc tội khác hoặc đồng ý yêu cầu Thẩm phán xét xử giảm bớt thời hạn phạt tù cho họ.

Còn trong pháp luật TTTHS Nhật Bản, bên cạnh các nguyên tắc mang tính truyền thống thì Nguyên tắc công khai chứng cứ giữa bên buộc tội và bên gỡ tội có tính đặc trưng. Theo đó, trước khi xét xử, bên buộc tội (công tố viên) và bên bào chữa (bị cáo và người bào chữa của bị cáo) phải thực hiện thủ tục công khai thông báo cho nhau danh sách các loại chứng cứ có ý định sử dụng tại phiên tòa. Đồng thời, mỗi bên phải tạo cơ hội cho bên kia xem xét, sao chép các tài liệu, chứng cứ của bên mình [124, Điều từ 316-13 đến 316-24].

Trong khi đó, pháp luật TTTHS Vương quốc Anh lại xem xét về những nguyên tắc như: nguyên tắc quyền được đảm bảo về cá nhân, nhà cửa, giấy tờ và

tài sản khỏi mọi sự khám xét và bắt giam, quyền này sẽ không bị vi phạm. Không một lệnh, trát nào được cấp nếu không có lý do chính đáng căn cứ vào lời tuyên thệ hoặc xác nhận, đặc biệt cần miêu tả chính xác địa điểm khám xét, người và đồ vật bắt giữ [123].

Thứ hai, về nội dung quyền của bị can

Một trong những nội dung đảm bảo quyền xét xử công bằng đối với người bị buộc tội chính là quyền bào chữa - là quyền đóng vai trò cốt yếu trong hệ thống tranh tụng điển hình của Hoa Kỳ. Tại phiên tòa, Công tố viên và luật sư bào chữa bình đẳng về vị trí tố tụng, Thẩm phán đóng vai trò là một trọng tài trung lập, không có nghĩa vụ phải chứng minh, đi tìm sự thật mà trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Công tố viên. Luật sư và Công tố viên có quyền bình đẳng trong việc thu thập và đưa ra chứng cứ. Tòa án không thể ra lệnh cho Bồi thẩm đoàn xem xét một tội danh lớn hơn với tội danh mà Công tố viên và Đại Bồi thẩm đoàn đã buộc tội cho bị can.

Bị can là cá nhân đã bị bắt hoặc đã bị chất vấn tại trại giam, có toàn bộ các quyền và được bảo hộ theo Quy tắc TTHS Liên bang; quyền được từ chối khai báo; chỉ định luật sư; quyền được xét xử nhanh chóng; có quyền hạn chế “tìm hiểu” chứng cứ của Công tố viên chống lại mình trước phiên xét xử; có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề pháp lý trong giai đoạn giải quyết kiến nghị trước phiên xét xử và quyền được xét xử bởi một Bồi thẩm đoàn. Quyền gặp thân chủ nhiều lần bất cứ ở đâu và vào lúc nào; quyền gặp riêng bị cáo ở Trại tạm giam mà không chịu sự can thiệp, giám sát. Nội dung trao đổi giữa luật sư và bị cáo được giữ bí mật tuyệt đối; Quyền khiếu nại những việc làm chưa đúng đắn hay không rõ ràng của các cơ quan thực thi pháp luật; Quyền lựa chọn Bồi thẩm viên của Bồi thẩm đoàn gồm 12 người (Ở cấp tiểu bang, Bồi thẩm đoàn có thể ít hơn 12 thành viên).

Trong pháp luật TTHS Vương quốc Anh, hệ thống tư pháp hình sự có nhiều quy định bảo đảm các quyền cho bị can trước, trong và sau khi xét xử.

Những bảo đảm đó bao gồm: những quy định trong đạo luật PACE, những quy tắc chặt chẽ về việc chấp thuận chứng cứ, quyền của bị cáo được chất vấn với nhân chứng của bên buộc tội, quyền được đưa ra người làm chứng của mình, quyền im lặng và quyền được có trợ giúp pháp lý.

Bị can trong giai đoạn điều tra VAHS trong TTHS Vương quốc Anh có quyền được phép thẩm tra tài liệu và được nhận các loại bản sao tài liệu, cáo trạng; nhận bản sao của thông báo chuyển giao các tài liệu tố tụng cho Tòa án hoàng gia; nhận bản sao các tài liệu chứa đựng chứng cứ [73, Điều 3]; Quyền được tự bào chữa, được tự giải thích cận kề chứng cứ ngoại phạm [73, Điều 5]; Quyền được đưa ra tài liệu, đồ vật tại phiên tòa; Quyền được giải thích các quyền; Quyền được biết về tội bị truy tố và được chuẩn bị cho việc gỡ tội; Quyền được chất vấn với nhân chứng của bên buộc tội; Quyền được đưa ra người làm chứng của mình; Quyền im lặng [72, Điều 34, 35, 38, 39]; Quyền được tư vấn và đại diện pháp lý; Quyền lựa chọn ngẫu nhiên Bồi thẩm đoàn; Quyền trình bày các tài liệu được nắm giữ bởi Viện Công tố.

Hệ thống tư pháp hình sự có nhiều quy định bảo đảm các quyền cho bị can trước, trong và sau khi xét xử. Những bảo đảm đó bao gồm: những quy định trong đạo luật PACE, những quy tắc chặt chẽ về việc chấp thuận chứng cứ, quyền của bị cáo được chất vấn với nhân chứng của bên buộc tội, quyền được đưa ra người làm chứng của mình, quyền im lặng và quyền được có trợ giúp pháp lý. Theo đó, trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, bị can có các quyền như được phép thẩm tra tài liệu và được nhận các loại bản sao tài liệu, cáo trạng; nhận bản sao của thông báo chuyển giao các tài liệu tố tụng cho Tòa án hoàng gia; nhận bản sao các tài liệu chứa đựng chứng cứ [73, Điều 3]; Quyền được tự bào chữa, được tự giải thích cận kề chứng cứ ngoại phạm [73, Điều 3]; Quyền được giải thích các quyền; Quyền im lặng [72, Điều 34, 35, 38, 39]; Quyền được tư vấn và đại diện pháp lý.

Thứ ba, về hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động điều tra

Đối với các hoạt động cưỡng chế và ngăn chặn, đặc biệt là các hoạt động ảnh hưởng hoặc hạn chế quyền con người được quy định trong Hiến pháp thì pháp luật TTHS Hoa Kỳ quy định chỉ có Thẩm phán mới có quyền ra lệnh bắt và tạm giam (đặc biệt trong giai đoạn điều tra chỉ có Thẩm phán mới có thẩm quyền ra lệnh).

Để đảm bảo thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị can, bị cáo, các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm: Tòa án có thẩm quyền đình chỉ tố tụng nếu có vi phạm tố tụng và có nghĩa vụ bảo vệ bị cáo để cho họ được đưa ra xét xử công bằng; Để tránh Bồi thẩm đoàn việc bị định kiến với bị cáo, việc tiết lộ thông tin trước phiên xử được kiểm soát nghiêm ngặt, đặc biệt việc tiết lộ trước phiên xử có thể dẫn đến việc hủy bất kỳ việc kết tội nào và giải tán Bồi thẩm đoàn. Khi quá trình xét xử đang diễn tiến, việc tiết lộ thông tin được xem là một tội phạm với chế tài nghiêm khắc [74].

2.4.3. Kinh nghiệm quốc tế đối với bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự

Như đã phân tích ở trên quyền con người và bảo đảm quyền con người là mối quan tâm hàng đầu hiện nay của mỗi quốc gia, quy định trong các văn bản pháp lý quốc tế cũng như trong pháp luật TTHS quốc gia. Theo đó, nghiên cứu những quy định trong các điều ước quốc tế cũng như pháp luật của các quốc gia về bảo đảm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, có thể đặt ra một số vấn đề về kinh nghiệm trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung, trong các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, kinh nghiệm về việc xác lập và cụ thể hóa các nguyên tắc bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội (bị can) trong giai đoạn điều tra

Kinh nghiệm lập pháp của nhiều quốc gia cho thấy, bên cạnh các nguyên tắc chung của TTHS, việc ghi nhận rõ ràng, cụ thể các nguyên tắc trực tiếp bảo

đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Các nguyên tắc này không chỉ mang tính tuyên ngôn mà còn đóng vai trò định hướng hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để kiểm soát quyền lực nhà nước trong quá trình điều tra.

Nội dung nổi bật là việc ghi nhận và bảo đảm thực chất quyền im lặng của người bị buộc tội. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966, tại khoản 3 Điều 14, đã xác định rõ nội hàm của quyền này thông qua quy định người bị buộc tội *“không bị buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội”*. Quy định này được các quốc gia theo mô hình tố tụng tranh tụng như Anh và Hoa Kỳ cụ thể hóa trong pháp luật TTHS, coi quyền im lặng là một bảo đảm cốt lõi của nguyên tắc suy đoán vô tội. Điều này cho thấy, việc bảo đảm quyền im lặng không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận trên văn bản pháp luật, mà còn đòi hỏi thiết lập các cơ chế tố tụng nhằm ngăn chặn việc ép buộc khai báo và sử dụng lời khai trái ý chí của người bị buộc tội.

Bên cạnh đó, kinh nghiệm của một số quốc gia theo mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn, điển hình như Liên bang Nga và Cộng hòa Liên bang Đức, cho thấy vai trò quan trọng của nguyên tắc tự do đánh giá chứng cứ trong việc bảo đảm quyền con người của bị can. Theo nguyên tắc này, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng được tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm, pháp luật và lương tâm nghề nghiệp, đồng thời không có bất kỳ loại chứng cứ nào được coi là có giá trị pháp lý xác định trước. Việc ghi nhận nguyên tắc này góp phần hạn chế nguy cơ hình thành định kiến buộc tội sớm trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, qua đó bảo đảm tính khách quan, vô tư của cơ quan tiến hành tố tụng và bảo vệ tốt hơn quyền của người bị buộc tội trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.

Cùng với đó, việc quy định về nguyên tắc công khai chứng cứ giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, được ghi nhận trong pháp luật TTHS của Nhật Bản cũng là điểm nổi bật trong những quy định nhằm bảo đảm quyền con người của bị

can. Theo đó, trước khi xét xử, Công tố viên và bên bào chữa có nghĩa vụ thông báo cho nhau danh sách chứng cứ dự kiến sử dụng tại phiên tòa, đồng thời tạo điều kiện để bên kia tiếp cận, xem xét và sao chép các tài liệu, chứng cứ liên quan. Kinh nghiệm này cho thấy việc bảo đảm quyền tiếp cận chứng cứ của bên bào chữa ngay từ giai đoạn điều tra không chỉ nâng cao tính tranh tụng mà còn góp phần phòng ngừa oan, sai, tăng cường tính minh bạch và công bằng của TTHS.

Từ các kinh nghiệm nêu trên có thể rút ra bài học quan trọng cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật TTHS: việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra cần được tiếp cận trên cơ sở nguyên tắc, được cụ thể hóa bằng các cơ chế pháp lý rõ ràng và khả thi, đồng thời bảo đảm sự cân bằng hợp lý giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, kể cả tội phạm xâm phạm ANQG, với yêu cầu tôn trọng và bảo vệ quyền con người theo các chuẩn mực pháp lý quốc tế.

Thứ hai, về quyền của bị can trong TTHS.

Kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn tư pháp của nhiều quốc gia cho thấy, bên cạnh việc ghi nhận các nguyên tắc TTHS, việc xác lập đầy đủ, cụ thể các quyền tố tụng của người bị buộc tội và các cơ chế bảo đảm thực hiện các quyền đó có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả bảo vệ quyền con người trong giai đoạn điều tra. Pháp luật TTHS quốc tế và pháp luật của các quốc gia không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền một cách hình thức, mà còn thiết kế các trình tự, thủ tục và bảo đảm pháp lý nhằm tạo điều kiện cho người bị buộc tội thực hiện các quyền này một cách thực chất.

Một là, về quyền bào chữa của bị can.

Khi xem xét về sự bảo đảm thực chất quyền bào chữa của bị can, kinh nghiệm nổi bật rút ra từ pháp luật TTHS của một số quốc gia là việc ghi nhận quyền bào chữa của bị can với phạm vi rộng, đồng thời thiết lập các cơ chế bảo đảm để quyền này được thực hiện độc lập, không bị can thiệp trái pháp luật.

Pháp luật TTTHS Cộng hòa Liên bang Đức là ví dụ điển hình cho cách tiếp cận này. Theo quy định tại Điều 148 BLTTHS Cộng hòa Liên bang Đức, bị can, kể cả trong trường hợp đang bị tạm giam, có quyền trao đổi với luật sư bào chữa bằng lời nói hoặc văn bản mà không bị kiểm soát, trừ một số trường hợp đặc biệt được luật định. Việc pháp luật Đức cho phép người bị buộc tội giao tiếp đa dạng với luật sư, đồng thời bảo đảm tính bí mật của thư từ giữa luật sư và thân chủ (Điều 97 BLTTHS), thể hiện rõ quan điểm coi quyền bào chữa là trụ cột của tố tụng hình sự công bằng.

Tương tự, pháp luật TTTHS Nhật Bản cũng ghi nhận quyền tiếp xúc giữa người bào chữa và bị can, bị cáo theo hướng mở, không có sự giám sát của cơ quan giam giữ. Điều này phản ánh cách tiếp cận coi việc người bào chữa được gặp gỡ riêng tư với người bị buộc tội là điều kiện cần thiết để bảo đảm hiệu quả của hoạt động bào chữa. Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy rằng, trong một số trường hợp đặc biệt, việc đặt ra cơ chế kiểm soát nhất định nhằm bảo đảm an toàn cơ sở giam giữ hoặc phục vụ yêu cầu điều tra là có thể chấp nhận được, với điều kiện các trường hợp này phải được quy định rõ ràng, chặt chẽ và minh bạch trong luật, tránh tùy tiện trong áp dụng.

Cùng với đó, quyền được trợ giúp pháp lý chỉ định như một bảo đảm của “lợi ích của công lý”. Một kinh nghiệm lập pháp quan trọng khác được rút ra từ pháp luật quốc tế là việc xem trợ giúp pháp lý chỉ định như một bộ phận cấu thành của quyền bào chữa, đặc biệt đối với những trường hợp người bị buộc tội không có khả năng thực hiện quyền bào chữa một cách thực chất. Điều 14 khoản 3 điểm (c) Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 đã xác định rõ quyền của người bị buộc tội được tự bào chữa hoặc nhờ sự trợ giúp pháp lý theo lựa chọn của mình, đồng thời được hưởng trợ giúp pháp lý chỉ định khi “lợi ích của công lý” đòi hỏi và không phải chi trả chi phí nếu không có đủ điều kiện kinh tế. Bình luận chung số 32 của Ủy ban Nhân quyền LHQ tiếp tục làm rõ nội dung này khi nhấn mạnh rằng việc có hay không có trợ giúp pháp lý

không chỉ phụ thuộc vào hình thức quy định của pháp luật, mà còn phụ thuộc vào khả năng thực tế của người bị buộc tội trong việc tiếp cận và tham gia một cách thực chất vào quá trình tố tụng. Cách tiếp cận này cho thấy bản chất của quyền bào chữa nằm ở khả năng thực thi trên thực tế, chứ không đơn thuần là sự tồn tại của quyền trên văn bản pháp luật.

Từ những kinh nghiệm nêu trên cho thấy, Việt Nam có thể tham khảo trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền bào chữa của bị can, để giúp quyền này không chỉ được ghi nhận về mặt hình thức mà còn được bảo đảm về mặt thực chất. Nghiên cứu sinh cho rằng kiểm soát trong một số trường hợp hoặc một số tội danh là cần thiết để bảo đảm an toàn trong cơ sở giam giữ, thuận lợi cho quá trình giải quyết vụ án, phải được quy định rõ trong BLTTHS để bảo đảm thực hiện đầy đủ.

Hai là, về quyền được nhận thông báo, giải thích về lý do và sự buộc tội đối với người bị bắt, giữ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 thì “*Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo, vào lúc bị bắt, vì những lý do người đó bị bắt và phải được thông báo không chậm trễ về bất kỳ sự buộc tội nào đối với người đó*”. Như vậy, quyền được thông báo vì lý do bị bắt, giữ là quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong các Văn bản pháp lý quốc tế về quyền con người.

Thứ ba, về áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can trong TTHS.

Một là, về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam. Tham khảo pháp luật TTHS của một số quốc gia có những quy định khác nhau về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam cho thấy: Một số quốc gia như Nhật Bản chỉ quy định tạm giam chỉ áp dụng khi có căn cứ thực tế để thấy bị can trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử như bị can không có chỗ ở cố định, có đầy đủ lý do chính đáng nghi bị can giấu diếm chứng cứ, bị can bỏ trốn hoặc có đầy đủ lý do nghi bị can sẽ bỏ trốn là căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam; Một số quốc gia xác định căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam trên cơ sở kết hợp giữa mức hình

phạt tù BLHS quy định đối với tội phạm và các căn cứ thực tế để xác định bị can trốn, tiêu hủy chứng cứ như Liên bang Nga, Trung Quốc. Nói cách khác, phân loại tội phạm không phải là căn cứ duy nhất để áp dụng biện pháp tạm giam, mà còn cần những căn cứ như: không thể áp dụng biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn, đã từng cố ý phạm tội hoặc có lai lịch không rõ ràng và trong quyết định cần nêu rõ những tình tiết cụ thể mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để ra quyết định này.

Cùng với đó, do tính chất nghiêm khắc của các biện pháp ngăn chặn mà các quốc gia quy định đối với các biện pháp hạn chế quyền tự do thân thể, đặc biệt là tạm giam thường thuộc thẩm quyền của Tòa án và cơ quan công tố. Ở nhiều quốc gia, như Nga, Pháp, Đức, Nhật Bản, Tòa án là cơ quan duy nhất được trao quyền quyết định việc tạm giam trên cơ sở hồ sơ, tài liệu có liên quan của cảnh sát và đề nghị của Công tố viên. Quy định này nhằm mục đích đặt Cơ quan điều tra dưới sự kiểm soát của cơ quan xét xử, tránh trường hợp áp dụng tràn lan, gây ảnh hưởng đến vấn đề bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của người bị buộc tội nói riêng.

Từ góc độ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, nghiên cứu so sánh pháp luật TTHS quốc tế cho thấy rằng pháp luật TTHS nước ta đã từng bước hội nhập với pháp luật quốc tế về lĩnh vực này. Các quy định của BLTTHS nước ta đã thể hiện tương đối đầy đủ các văn bản pháp luật quốc tế liên quan đến bảo đảm quyền con người trong TTHS, nhất là trong quy định các nguyên tắc tố tụng, quy định các quyền tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và các trình tự, thủ tục khác. Tuy nhiên, BLTTHS vẫn còn một số điểm bất cập, hạn chế nhất định, thể hiện chưa đầy đủ tinh thần chung của pháp luật TTHS quốc tế (nguyên tắc suy đoán không có tội, trách nhiệm chứng minh, nguyên tắc tranh tụng và một số quyền tố tụng của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo...).

Kết luận chương 2

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng các tiền đề, điều kiện về pháp luật TTHS, thực thi và giám sát việc thực thi các quy định đó trong giai đoạn điều tra, nhằm giúp cho quyền con người của người đã bị khởi tố về hình sự đối với các hành vi xâm phạm ANQG được thực hiện và được bảo vệ, để bị can được hưởng, được làm và được đảm bảo thực hiện bởi nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền trong các hoạt động TTHS. Quyền của người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG bao gồm: quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm; quyền được bảo vệ để khỏi bị bắt, giam giữ tùy tiện; quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục; quyền bình đẳng trước tòa án và cơ quan tư pháp, được xét xử bởi tòa án có thẩm quyền, độc lập, không thiên vị; quyền được suy đoán vô tội; quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là mình có tội; quyền được bào chữa.

Phương thức bảo đảm quyền con người trong của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG là bảo đảm thông qua sự ghi nhận quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG trong quy định pháp luật; bảo đảm thông qua hoạt động của chủ thể có thẩm quyền; bảo đảm thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và bảo đảm thông qua cơ chế xử lý vi phạm trong thực hiện quyền con người của bị can ở giai đoạn điều tra đối với các loại tội phạm này. Cùng với đó, Nghiên cứu sinh đã nghiên cứu theo nhóm các quốc gia theo mô hình tố tụng thiên về tranh tụng (Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản...) và nhóm các quốc gia theo mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn (Liên bang Nga, Trung Quốc, Cộng hòa Liên bang Đức...), qua đó làm rõ đặc trưng trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS, từ đó đưa ra những giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả bảo đảm những quyền này..

Chương 3

THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA

Những nội dung có liên quan đến quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG được quy định tương đối đầy đủ trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)... Theo đó những quy định này đã đảm bảo bao quát các nội dung liên quan đến quyền con người của bị can trong TTHS nói chung, trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng, như:

3.1.1. Thực trạng quy định pháp luật về những nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự có liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can

Về những nguyên tắc cơ bản trong TTHS có liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can, pháp luật nước ta đã quy định hệ thống các nguyên tắc cơ bản như: Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8); Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9); Nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 10 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 10 Hiến pháp năm 2013); Nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Điều 11); Nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân (Điều

12); Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13); Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16); Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong TTHS (Điều 31); Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHS (Điều 32, Điều 30 Hiến pháp năm 2013); Nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 17); Nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong TTHS... Đây là những căn cứ pháp lý, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động TTHS nói chung và hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS xâm phạm ANQG nói riêng.

3.1.2. Thực trạng quy định pháp luật về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Hệ thống quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG, có thể phân loại thành các nhóm như sau:

Thứ nhất, nhóm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm - đã được pháp luật Việt Nam quy định tương đối đầy đủ và có tính tương thích cao với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013 (Điều 20) và BLTTHS (Điều 10, Điều 11) đều khẳng định nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm, cũng như nghiêm cấm mọi hình thức bắt, giam giữ tùy tiện hoặc trái pháp luật. Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015, Điều 9 cũng đã ghi nhận cụ thể về quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, thân thể, tài sản của người bị tạm giữ, tạm giam.

Thứ hai, nhóm quyền về thông tin của bị can được ghi nhận tại Điều 60 BLTTHS và các hoạt động điều tra cụ thể như hoạt động hỏi cung, đối chất, nhận dạng... Theo đó, pháp luật quy định các nội dung cụ thể như: Quyền được biết lý do mình bị khởi tố (điểm a khoản 2); Quyền được thông báo, giải thích về quyền và nghĩa vụ (điểm b khoản 2); Quyền được nhận quyết định khởi tố bị can; quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định phê

chuẩn quyết định khởi tố bị can, quyết định phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; bản kết luận điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; bản cáo trạng, quyết định truy tố và các quyết định tố tụng khác (điểm c khoản 2). Bên cạnh đó, trong BLTTHS đã ghi nhận bổ sung quyền đọc ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu (điểm i khoản 2 Điều 60).

Trên thực tế, quyền thông tin của bị can trong pháp luật TTHS Việt Nam không chỉ được tiếp cận từ góc độ tiếp nhận thông tin thông qua việc “*được giải thích*”, “*được thông báo*”, “*được ghi chép*”... mà còn là quyền thông tin về những tình tiết, tài liệu mà họ có nhằm đệ trình lên cơ quan tiến hành tố tụng những tài liệu, chứng cứ nhằm “gỡ” tội hoặc chứng minh mình không có tội. Cùng với đó là những quy định về quyền trình bày ý kiến về chứng cứ, đồ vật, tài liệu, liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá (điểm d, đ, e khoản 2). Bị can có thể biết được những thông tin về nguồn gốc của chứng cứ, tài liệu, đồ vật, tính xác thực, sự liên quan của chúng đối với VAHS do đó những nhận định ý kiến, nhận định của bị can là cơ sở xác định sự thật của vụ án. Hơn nữa việc được trình bày ý kiến về các chứng cứ, đồ vật, tài liệu có liên quan là phương thức triển khai thực hiện quyền bào chữa của họ. Có thể nói quyền này tạo điều kiện thuận lợi để có thể hiện thực hoá quyền bào chữa và bảo đảm tính khách quan cho các hoạt động tố tụng tiếp theo.

Thứ ba, nhóm quyền được suy đoán vô tội được quy định lần đầu tại Điều 13 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là nguyên tắc cơ bản nhằm bảo vệ quyền tự do, bình đẳng và an toàn pháp lý của người bị buộc tội, đồng thời xác lập trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người. Song song với đó, Điều 15 BLTTHS quy định người bị buộc tội

không có trách nhiệm chứng minh và có quyền từ chối khai báo. Việc ghi nhận quyền này là bước tiến quan trọng trong tư duy lập pháp, thể hiện sự tôn trọng người bị buộc tội như chủ thể của quyền con người, đồng thời giúp ngăn ngừa bức cung, nhục hình và ép cung trong điều tra..

Thứ tư, nhóm quyền bào chữa của bị can. Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên xác định quyền bào chữa là một trong những quyền cơ bản của con người, theo đó, mọi cá nhân bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố hoặc xét xử đều có quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư, người khác bào chữa cho mình. Trên cơ sở đó, BLTTHS đã cụ thể hóa nguyên tắc hiến định này tại Điều 16, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 tại Khoản 3 Điều 22. Đây là quyền được thực hiện riêng biệt, không phụ thuộc vào quá trình hỏi cung hay lấy lời khai do cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện. Trong trường hợp bị can phạm tội xâm phạm ANQG mà cần giữ bí mật điều tra thì thời điểm tham gia tố tụng của người bào chữa muộn hơn so với các trường hợp khác, được tính từ khi kết thúc điều tra (khoản 3 Điều 74). Đặc biệt, cũng như pháp luật các quốc gia khác trên thế giới, pháp luật TTHS Việt Nam đã quy định về quyền bào chữa của bị can bao gồm quyền tự bào chữa và quyền nhờ người khác bào chữa. Đối với quyền nhờ người khác bào chữa cho mình, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định cụ thể để triển khai quyền này như quy định về diện người bào chữa, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, bào chữa chỉ định.

Thứ năm, nhóm quyền khiếu nại, tố cáo và đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật được quy định tại Điều 30 Hiến pháp năm 2013 và Điều 32 BLTTHS, theo đó cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động TTHS của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó. Cùng với quyền của các người khiếu nại, tố cáo là nghĩa vụ của cơ quan, người có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các

khiếu nại, tố cáo, gửi văn bản kết quả giải quyết cho người tố cáo, khiếu nại, cơ quan tổ chức khiếu nại và có biện pháp khắc phục. Đặc biệt, trên cơ sở định hướng của nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo, BLTTHS năm 2015 xây dựng các điều luật quy định cụ thể về quyền khiếu nại của những người tham gia tố tụng (Điều 48-67, Điều 70). Đồng thời, cũng dành Chương XXXIII với 15 điều quy định về khiếu nại, tố cáo trong TTHS. Những điều luật này quy định cụ thể về chủ thể có quyền khiếu nại, tố cáo; đối tượng của khiếu nại, tố cáo; thời hiệu khiếu nại; quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo và quyền, nghĩa vụ của người bị khiếu nại, tố cáo; thẩm quyền, thời hạn giải quyết khiếu nại tố cáo và trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Quyền khiếu nại, tố cáo không chỉ góp phần bảo đảm quyền con người của bị can trong xử lý các vụ án xâm phạm ANQG mà còn giúp những vụ án này được giải quyết một cách khách quan, không làm oan người vô tội, khắc phục những hạn chế của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Quyền đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật (điểm g khoản 2 Điều 60) được quy định với mục đích bảo đảm sự vô tư, khách quan của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Đặc biệt đối với đề nghị thay đổi những người tiến hành tố tụng thì quyền này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi đây là những người trực tiếp tiến hành điều tra, khám phá vụ án, chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Thứ sáu, nhóm quyền được bồi thường thiệt hại và phục hồi danh dự. Trong hoạt động TTHS nói chung và hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng không thể tránh khỏi có trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố xét xử oan sai. Do đó, quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự của người bị buộc tội nói chung, của bị can nói riêng là quyền chính đáng, được ghi nhận trong pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia. Hiến pháp, BLTTHS, Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà

nước năm 2017... đã có những quy định cụ thể về quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị can trong trường hợp họ bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật trong quá trình tố tụng.

Theo quy định của BLTTHS và khoản 3, 5, 9 Điều 18 Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017, bị can được bồi thường do oan sai khi có quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan điều tra trong trường hợp: 1) không có sự việc phạm tội; 2) hành vi không cấu thành tội phạm; 3) đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm. Cùng với đó, bị can được bồi thường do hành vi trái pháp luật (thực hiện hành vi mà pháp luật cấm, thực hiện những hành động vượt quá giới hạn cho phép, thực hiện không đúng hoặc không thực hiện những hành vi mang tính nghĩa vụ mà pháp luật bắt buộc). Tuy nhiên, Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 không đề cập đến trường hợp bồi thường do hành vi trái pháp luật của cơ quan, người có trách nhiệm bồi thường.

Trên cơ sở định hướng của Điều 31 BLTTHS, Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017 quy định đối với những thiệt hại của bị can trong giai đoạn điều tra, cơ quan có trách nhiệm giải quyết việc bồi thường là Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát [65]. Điều này xuất phát từ việc cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là những thiết chế đại diện cho quyền lực nhà nước khi hoạt động tố tụng trái pháp luật gây thiệt hại cho cá nhân, pháp nhân thì Nhà nước phải chịu trách nhiệm khắc phục những tổn thất gây ra.

3.1.3. Thực trạng quy định pháp luật về nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Chủ thể bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS nói chung là những cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tùy theo mô hình và hình thức tố tụng cũng như sự phân định chức năng tư pháp của mỗi quốc gia. Ở nước ta, cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là cơ quan ANĐT các cấp là cơ quan có thẩm quyền điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG gắn liền mật thiết với nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo quy định của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Thông tư số 11/2025/TT-BCA ngày 27/2/2025 quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân... đã quy định về thẩm quyền và nghĩa vụ của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra nhằm đảm bảo quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG. Nhiệm vụ của các chủ thể này bao gồm các hành vi pháp lý buộc phải thực hiện nhằm tạo điều kiện cho bị can thực thi các quyền tố tụng và quyền con người của mình.

Thứ nhất, về trách nhiệm trong bảo đảm các quyền tố tụng của bị can

Có thể kể đến như trách nhiệm thông báo lý do bị khởi tố của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tới bị can. Dù BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không quy định rõ thời điểm thực hiện việc thông báo lý do khởi tố cho bị can, là khi nhận quyết định khởi tố hay khi hỏi cung lần đầu, tuy nhiên việc thực hiện quyền này đã được quy định gắn liền với nghĩa vụ của Cơ quan điều tra nói chung, Cơ quan ANĐT nói riêng. Điều 71 đã xác định: “*Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật TTHS này*”. Khoản 5 Điều 179 quy định khi Cơ quan điều tra nhận được quyết định phê chuẩn quyết định khởi tố bị can hoặc quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát thì phải giao ngay quyết định và đồng thời giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị can. Trước khi hỏi cung lần đầu, Điều tra viên cũng có trách nhiệm giải thích cho bị can biết rõ quyền và nghĩa vụ (khoản 2 Điều 183). Để bảo đảm quyền được nhận các quyết định tố tụng, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định Cơ quan điều tra phải giao ngay các quyết định

liên quan cho bị can. Cụ thể, khoản 5 Điều 179, khoản 4 Điều 180, khoản 3 Điều 229 và khoản 4 Điều 232 đều nêu rõ thời hạn, trách nhiệm giao các quyết định tố tụng như quyết định khởi tố vụ án, quyết định phê chuẩn khởi tố bị can, quyết định tạm đình chỉ điều tra, kết luận điều tra. Việc giao nhận các quyết định phải được lập biên bản theo Điều 133.

Đối với quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và trình bày ý kiến, khoản 4 Điều 88 và Điều 175 quy định nghĩa vụ của Cơ quan ANĐT và Viện kiểm sát phải lập biên bản giao nhận chứng cứ, đánh giá và phản hồi yêu cầu của bị can. Trường hợp không chấp nhận, cơ quan này phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định thời hạn giải quyết yêu cầu, dẫn đến bị can gặp khó khăn khi muốn thực hiện quyền khiếu nại. Cùng với đó, Điều 113 khoản 2 và Điều 117 khoản 3 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định rõ nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng trong thông báo, giải thích lý do, quyền và nghĩa vụ cho bị can bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Quyền khiếu nại, tố cáo và yêu cầu áp dụng biện pháp bảo vệ được bảo đảm thông qua Điều 482 và các Điều 485 đến Điều 490 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết, thông báo kết quả và áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo khi có yêu cầu.

Trách nhiệm đối với quyền được giám định, định giá tài sản của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được quy định tại khoản 3 và 4 Điều 214, khoản 3 và 4 Điều 222, theo đó nếu bị can đề nghị giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại thì Cơ quan ANĐT phải lập biên bản. Nếu không chấp nhận, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Ngoài ra, khoản 4 Điều 60 quy định bị can được đọc, ghi chép, sao chép tài liệu liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội từ khi kết thúc điều tra nếu có yêu cầu. Quy định này được hướng dẫn chi tiết tại Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP [65].

Bên cạnh đó, để bảo đảm quyền bào chữa của bị can, BLTTHS năm 2015 đặt ra trách nhiệm của Cơ quan ANĐT trong các hoạt động: thông báo, giải thích quyền nhờ người bào chữa (Điều 75); chỉ định người bào chữa trong trường hợp bắt buộc (Điều 76); tiếp nhận đăng ký bào chữa (Điều 78); thông báo thời gian, địa điểm tiến hành các hoạt động điều tra để người bào chữa tham gia (Điều 79); và tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ (khoản 1 Điều 82).

Thứ hai, trách nhiệm đối với các hành vi vi phạm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS.

Đối với các người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) đã quy định về những hành vi có ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền của bị can và bị nghiêm cấm trong các hoạt động điều tra như: 1) Làm sai lệch hồ sơ vụ án; ra quyết định trái pháp luật; làm lộ bí mật Điều tra vụ án; can thiệp trái pháp luật vào việc Điều tra vụ án hình sự; 2) Bức cung, dùng nhục hình và các hình thức tra tấn hoặc đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục con người hay bất kỳ hình thức nào khác xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; 3) Cản trở người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can thực hiện quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự; 4) Cản trở người bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện việc bào chữa, trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật. Nói cách khác, pháp luật TTHS đã bước đầu thiết lập khuôn khổ pháp lý đầy đủ và chi tiết hơn nhằm bảo đảm quyền con người của bị can.

3.1.4. Thực trạng quy định về hoạt động tố tụng cụ thể trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Khi các cơ quan có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại quyền con người của bị can, pháp luật TTHS Việt Nam đã đưa ra các cơ chế

để hủy bỏ quyết định hoặc hành vi tố tụng vi phạm pháp luật, và khắc phục hậu quả do các hành vi này gây ra. Cụ thể, vụ án có thể được đình chỉ khi có căn cứ theo Điều 157, khoản 2 Điều 155 BLTTHS và các điều 19, 25, khoản 2 Điều 69 BLHS năm 2015. Ngoài ra, khi cơ quan tố tụng đã áp dụng đầy đủ các biện pháp mà pháp luật quy định mà không chứng minh được hành vi phạm tội của bị can trong thời gian điều tra, vụ án cũng phải được đình chỉ. Quyết định đình chỉ điều tra trong các trường hợp này không chỉ là căn cứ để xác định bị can vô tội mà còn là cơ sở để bị can được hưởng quyền bồi thường thiệt hại do hoạt động tố tụng gây ra.

Sau khi kết thúc giai đoạn điều tra và chuyển sang các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nếu phát hiện ra những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong giai đoạn điều tra, BLTTHS cũng có những cơ chế để khắc phục những vi phạm này như: Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Tòa án cấp phúc thẩm trả hồ sơ để điều tra lại, Tòa án cấp giám đốc thẩm trả hồ sơ để điều tra lại. Các vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng này được cụ thể hóa trong Điều 6 Thông tư 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện một số quy định của BLTTHS về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

3.1.5. Thực trạng quy định về cơ chế kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Giám sát trong TTHS ở nước ta được quy định cụ thể tại Điều 33 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), theo đó quy định về trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo thẩm quyền của mình phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các hoạt động tố tụng. Theo đó, thẩm quyền kiểm tra, giám sát không chỉ thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng (nòng cốt là Viện kiểm sát) mà còn là của các cơ quan khác: Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại

biểu dân cử. Đây là những chủ thể có thẩm quyền giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Trong cơ chế bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, Viện kiểm sát giữ vai trò trung tâm. Theo quy định tại các điều 41-43 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động điều tra, Viện kiểm sát vừa thực hiện nhiệm vụ buộc tội, vừa giám sát tính hợp pháp trong toàn bộ quá trình điều tra. Việc mở rộng thẩm quyền, nhiệm vụ của Viện kiểm sát đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát hoạt động điều tra, đặc biệt trong các vụ án liên quan đến ANQG - nơi yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị can được đặt lên hàng đầu.

Với vị trí độc lập và vai trò trung tâm trong TTHS, Viện kiểm sát là chủ thể then chốt trong việc bảo vệ pháp chế XHCN, bảo đảm quá trình điều tra khách quan, đúng pháp luật, hạn chế nguy cơ oan, sai và lạm quyền. Thông qua hoạt động kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong TTHS, Viện kiểm sát có nhiệm vụ phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền con người của bị can; bảo đảm khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm hại; đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện dẫn đến vi phạm. Quyền hạn này được cụ thể hóa tại Điều 166 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Khi phát hiện vi phạm, Viện kiểm sát có quyền yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan điều tra cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời khắc phục để bảo đảm tính hợp pháp, công bằng trong quá trình điều tra.

Điều 69 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”*. Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội thực hiện giám sát hoạt

động của các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương về các vấn đề quan tâm. Quốc hội đã thực hiện nhiều hình thức giám sát đối với hoạt động điều tra VAHS nói chung và điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng, trong đó đặc biệt quan tâm đến bảo đảm quyền con người trong các VAHS. Quốc hội có thẩm quyền trong yêu cầu báo cáo về tình hình công tác điều tra, xử lý các VAHS, các vụ án xâm phạm ANQG, đặc biệt là các vụ án nghiêm trọng, thu hút sự quan tâm của dư luận. Trên cơ sở đó, Cơ quan ANĐT đã tham mưu lãnh đạo Bộ Công an báo cáo đầy đủ kết quả điều tra các VAHS xâm phạm ANQG và việc bảo đảm quyền con người của bị can phục vụ việc giám sát chuyên đề của Quốc hội.

3.2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

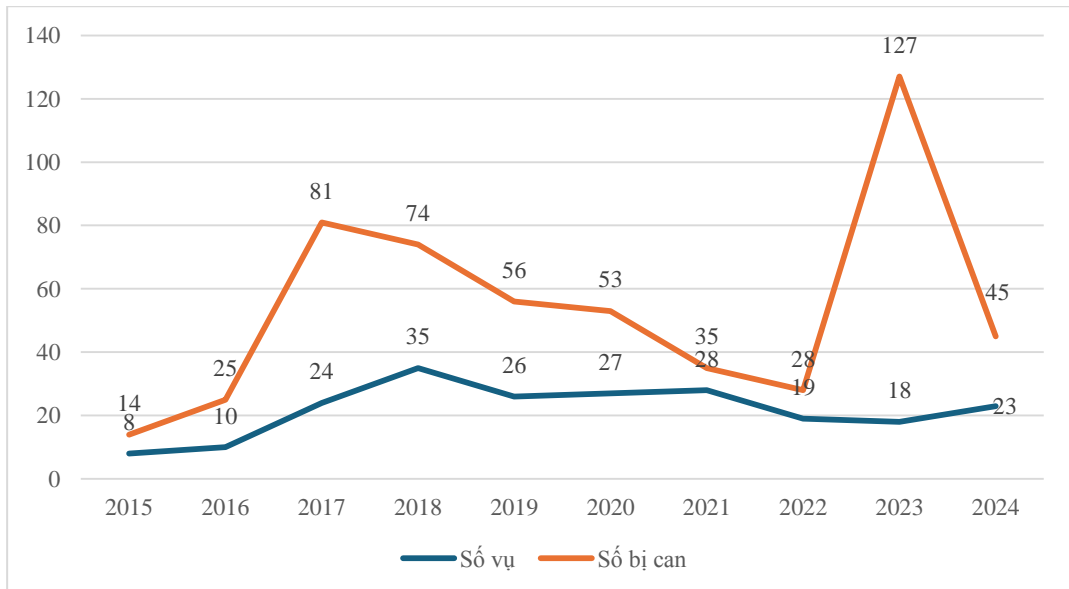
3.2.1. Khái quát tình hình và đặc điểm nhân thân bị can trong các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay

3.2.1.1. Tình hình chung về tội phạm xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, từ năm 2015 đến 2024 có 218 vụ với 538 bị can phạm tội xâm phạm ANQG bị điều tra, truy tố. Tội phạm xâm phạm ANQG chiếm tỷ trọng nhỏ so với các nhóm tội phạm khác như tội phạm về ma túy, tội phạm về kinh tế, tội phạm xâm phạm thân thể, xâm phạm sở hữu. Theo các kết quả nghiên cứu, tỷ trọng tội phạm xâm phạm ANQG xảy ra trên tổng số vụ phạm tội tương đối thấp, chiếm chỉ khoảng 0,035% [92].

Trong những năm qua, tình hình tội phạm xâm phạm ANQG diễn biến không ổn định, xu hướng tăng, giảm không đều. Số vụ phạm tội xâm phạm ANQG bị khởi tố trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018 có xu hướng tăng đều qua từng năm (số vụ phạm tội xâm phạm ANQG khởi tố mới năm 2018 tăng 437,5% so với năm 2015). Giai đoạn từ năm 2018 đến nay, số vụ phạm tội xâm phạm ANQG có chiều hướng giảm dần. Xu hướng biến động số bị can phạm tội

xâm phạm ANQG về cơ bản tương tự với xu hướng biến động số vụ phạm tội xâm phạm ANQG. Tuy nhiên, trong giai đoạn nghiên cứu, nổi lên điểm chú ý vào năm 2023, khi chúng kiến sự tăng mạnh về số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Cụ thể, số người phạm tội đã tăng từ 28 bị can vào năm 2022 lên thành 127 bị can vào năm 2023. Điều này được lý giải bởi kết quả điều tra, xử lý vụ án khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy tại Đắk Lắk vào tháng 6/2023. Kết quả điều tra đã có 100 đối tượng bị khởi tố, trong đó có 53 đối tượng bị xử lý về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân quy định tại Điều 113 BLHS.



Biểu đồ 3.1. Diễn biến tội phạm xâm phạm ANQG về số vụ và số bị can trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024

Trong số 14 tội danh quy định tại Chương XIII BLHS có một số tội phạm xảy ra như: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, tội gián điệp, tội phá hoại chính sách đoàn kết, tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2024, một số tội danh không xử lý, bao gồm: tội phản bội Tổ quốc, tội xâm phạm an ninh lãnh thổ, tội bạo loạn, tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Cơ cấu cụ thể các tội phạm xâm phạm ANQG trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2024 cụ thể như sau:

- Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 79 BLHS 1999 - Điều 109 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 29,36% và 33,09%.

- Tội gián điệp (Điều 80 BLHS 1999 - Điều 110 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 3,67% về số vụ và 2,97% số bị can.

- Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 84 BLHS 1999 - Điều 113 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 4,13% về số vụ và 24,35% số bị can.

- Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 86 BLHS 1999 - Điều 115 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 1,38% và 0,37%.

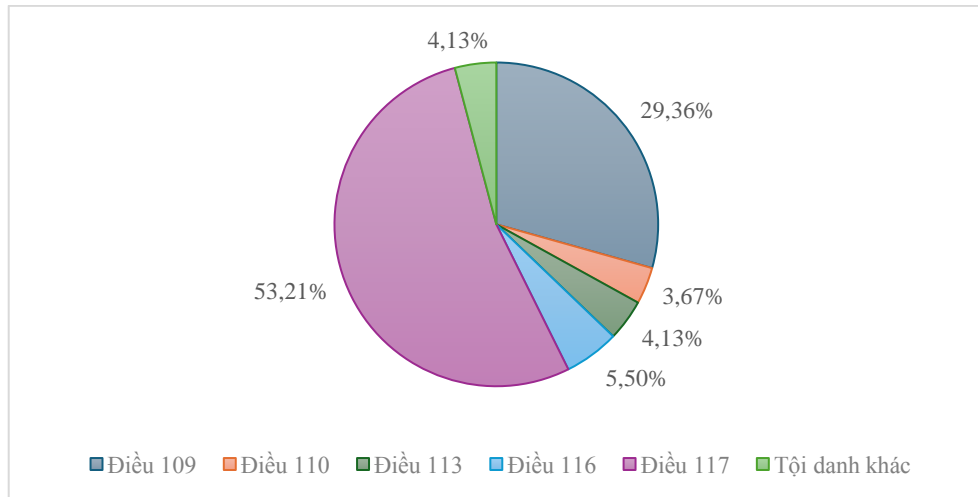
- Tội phá hoại chính sách đoàn kết (Điều 87 BLHS 1999 - Điều 116 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 5,5% và 4,83%.

- Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 88 BLHS 1999 - Điều 117, BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 53,21% về số vụ và chiếm 28,25% số bị can phạm tội xâm phạm ANQG.

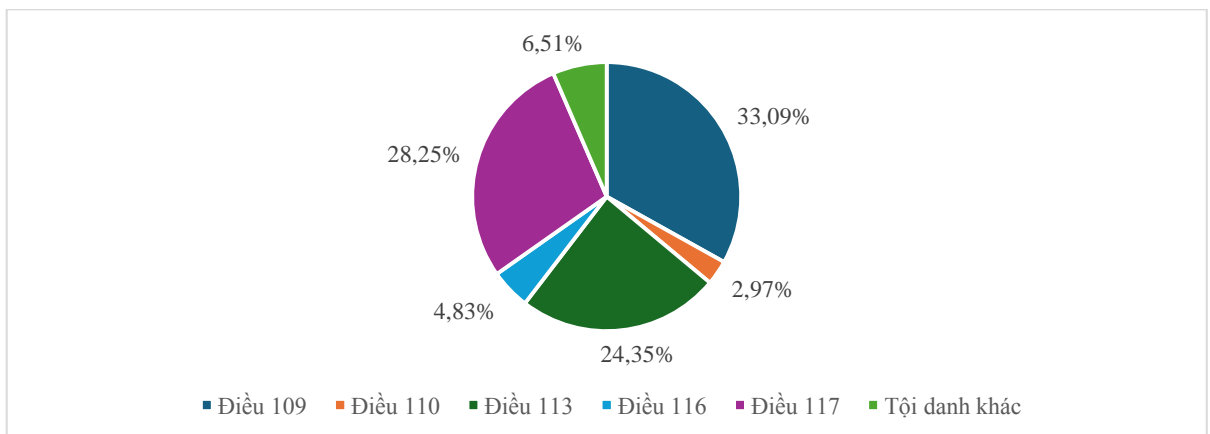
- Tội phá rối an ninh (Điều 89 BLHS 1999 - Điều 118 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 1,38% và 2,42%.

- Tội chống phá cơ sở giam giữ (Điều 90 BLHS 1999 - Điều 119 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 0,46% và 0,19%.

- Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 91 BLHS 1999 - Điều 120 và 121, BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025): số vụ và số bị can đã thụ lý, điều tra chiếm tỷ lệ lần lượt là 0,92% và 3,53% [92].



Biểu đồ 3.2. Cơ cấu tội phạm xâm phạm ANQG theo số vụ trong giai đoạn 2015 - 2024



Biểu đồ 3.3. Cơ cấu tội phạm xâm phạm ANQG theo số bị can trong giai đoạn 2015 - 2024

Về hình thức phạm tội: nhìn chung, tội phạm xâm phạm ANQG ở Việt Nam được thực hiện dưới cả hai hình thức phạm tội là đồng phạm và phạm tội đơn lẻ, nhưng chủ yếu diễn ra dưới hình thức đồng phạm. Nghiên cứu thực tiễn cho thấy số vụ án xâm phạm ANQG có đồng phạm chiếm tỷ lệ 78,1%, trong đó, chủ yếu là đồng phạm có tổ chức. Nhiều vụ xâm phạm ANQG có số lượng người tham gia đông, liên kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, có sự phân công vai trò, vị trí rõ ràng. Điển hình như vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Đắk Lắk vào tháng 6/2023. Trong vụ án

đặc biệt nghiêm trọng này, các đối tượng đã có sự liên kết với các đối tượng xấu ở nước ngoài.

3.2.1.2. Đặc điểm nhân thân của bị can trong các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Thứ nhất, về thành phần tôn giáo, dân tộc của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Nghiên cứu số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024 cho thấy số đối tượng theo tôn giáo chiếm 39,14%. Những đối tượng thường lợi dụng tôn giáo để tập hợp lực lượng, lôi kéo, kích động người dân tham gia thực hiện hành vi phạm tội.

Về thành phần dân tộc, trong số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG, người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khá cao với 69,9% tổng số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG là người dân tộc Kinh thường thực hiện các hành vi phạm tội như hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Trong khi đó, số đối tượng chống đối người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thường thực hiện các hành vi phạm tội như phá hoại chính sách đoàn kết, phá rối an ninh, khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Điển hình như trong vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Cư Kuin, Đắk Lắk năm 2023, trong số 94 đối tượng bị đưa ra truy tố, xét xử, 93 đối tượng là người dân tộc thiểu số và theo tôn giáo.

Thứ hai, về trình độ và thành phần xã hội của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Đánh giá chung, nghề nghiệp của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG khá đa dạng, thuộc tất cả các thành phần xã hội. Tuy nhiên số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG thuộc thành phần nông dân hoặc nghề nghiệp tự do chiếm tỷ lệ lớn với 75,05% tổng số đối tượng; số các bị can là cán bộ, công chức

chiếm tỷ lệ nhỏ. Thậm chí, có nhiều bị can là bác sĩ, văn nghệ sĩ, luật sư nhưng có nhận thức sai lệch, tư tưởng bất mãn bị các tổ chức phản động, khủng bố người Việt ở nước ngoài lôi kéo, mua chuộc, kích động thực hiện các hành vi chống phá Đảng, Nhà nước ta. Điển hình như các đối tượng: Lê Thị Công Nhân và Nguyễn Văn Đài - đều là thành viên của Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Đỗ Thị T. - Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoa Phong - Lào Cai; Hồ Văn Hải là bác sỹ - Phó Giám đốc phòng khám Đa khoa Phước Sơn - thành phố Hồ Chí Minh.

Trình độ học vấn của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG ở Việt Nam tương đối thấp và không đồng đều, trong đó: số bị can, bị cáo có trình độ đại học trở lên chiếm 7,6%, số bị cáo có trình độ trung học phổ thông chiếm 54,9%, số bị can, bị cáo mù chữ, cấp 1, cấp 2 chiếm 37,5%. Số đối tượng có trình độ từ trung học cơ sở trở xuống chiếm tỷ lệ 70,86%. Những đối tượng này do nhận thức hạn chế, thiếu hiểu biết; dễ bị lôi kéo, tác động bởi các luận điệu tuyên truyền và phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, bị hấp dẫn bởi những lời hứa hẹn về lợi ích có được sau khi thực hiện hành vi phạm tội. Số bị can phạm tội xâm phạm ANQG có trình độ học vấn thấp chủ yếu phạm các tội như: tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, phá hoại chính sách đoàn kết.

Bên cạnh đó, cũng có một số đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG có trình độ học vấn cao, được đào tạo bài bản. Số này chiếm tỷ lệ rất nhỏ, song hầu hết số này có nhân thân đặc biệt hoặc có quan hệ xã hội phức tạp ở trong và ngoài nước; chẳng hạn như trường hợp Cù Huy Hà Vũ, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định - thạc sỹ, được đào tạo tại các Mỹ, Pháp.

Thứ ba, về giới tính, độ tuổi của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024 đều là người trên 18 tuổi. Trong đó, số người ở độ tuổi từ đủ 18 - 30 chiếm 24%; từ 31- 45 tuổi chiếm 46,1% và trên 45 tuổi chiếm 29,9% [92]. Nghiên cứu giới tính của các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG thời gian qua cho thấy:

bị can là nam giới chiếm tỉ lệ đa số. Do, nam giới thường có tham vọng chính trị hơn, có mong muốn lớn hơn nữ giới trong việc đạt được vị trí nhất định trong xã hội. Phạm vi và mức độ tham gia vào các hoạt động xã hội của nam cũng nhiều hơn so với nữ nên họ dễ bị cuốn vào các hoạt động trái pháp luật, trong đó có hoạt động xâm phạm ANQG.

Đa số những đối tượng cầm đầu trong các vụ án xâm phạm ANQG thường là những người có uy tín và ảnh hưởng nhất định ở trong và ngoài nước. Phạm vi ảnh hưởng của đối tượng không chỉ dừng lại ở một bộ phận dân cư, ở một địa bàn nhất định mà có thể lan rộng ra nhiều địa bàn, vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Một số đối tượng đã nhiều lần phạm tội và bị bắt giam, điều tra, xử lý nhưng vẫn tiếp tục chống đối một cách có hệ thống, với mức độ ngày càng quyết liệt hơn, cực đoan hơn, chẳng hạn như Nguyễn Văn Lý, Trần Anh Kim, Nguyễn Văn Đài, Lê Trung Khoa...

3.2.2. Thực trạng bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam

3.2.2.1. Thực trạng thực hiện các hoạt động tố tụng cụ thể trong bảo vệ quyền con người của bị can ở giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Về số lượng bị can bị khởi tố có liên quan, trong giai đoạn 2015 - 2024, tỷ lệ bị can được Cơ quan điều tra kết thúc điều tra và đề nghị truy tố trên tổng số bị can thụ lý luôn đạt trung bình trên 97%, cho thấy mức độ chính xác, đầy đủ của hồ sơ điều tra và chứng cứ. Các số liệu này phản ánh xu hướng ổn định và tích cực trong việc xử lý các vụ án xâm phạm ANQG, cho thấy hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra. Đặc biệt, nhiều năm trong giai đoạn này như năm 2015 - 2017, 2023 - 2024 ghi nhận tỷ lệ đạt 100%. Những kết quả nêu trên không chỉ thể hiện sự tiến bộ về hiệu quả hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, mà còn khẳng định rằng các cơ quan tiến hành tố tụng đang ngày càng chú trọng đến yêu cầu bảo đảm quyền

con người của bị can trong giai đoạn điều tra. Việc tuân thủ pháp luật, thu thập chứng cứ hợp pháp, và xử lý đúng người, đúng tội góp phần bảo vệ quyền được suy đoán vô tội, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, cũng như các quyền tố tụng khác của bị can - đặc biệt trong các vụ án nghiêm trọng như xâm phạm ANQG.

Về số vụ án, số bị can Cơ quan điều tra đình chỉ trong giai đoạn từ năm 2015 đến hết năm 2024 lần lượt chiếm 5,5% số vụ và 4,46% số bị can đã bị khởi tố mới và tạm đình chỉ chiếm 11% số vụ và 6,69% số bị can đã bị khởi tố mới[92]. Mặc dù số liệu đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án và bị can vẫn còn tồn tại, tuy nhiên, không có trường hợp nào khởi tố sau đó phải đình chỉ vì không phạm tội, 100% số bị can được đình chỉ đều thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự do yêu cầu chính trị, ngoại giao hoặc do đối tượng mắc bệnh tâm thần. Do đặc thù loại tội phạm xâm phạm ANQG, để bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ chính trị, đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trong quá trình điều tra, các cơ quan tiến hành tố tụng đã phân hoá đối tượng, tập trung xử lý nghiêm khắc, kịp thời với những đối tượng chủ mưu, cầm đầu, ngoan cố, còn lại những đối tượng phạm tội do nhẹ dạ, cả tin, do bị mua chuộc, kích động hoặc thiếu hiểu biết về pháp luật thì áp dụng biện pháp khoan hồng, miễn trách nhiệm hình sự, chỉ xử lý hành chính bằng các biện pháp như: giáo dục, thuyết phục hoặc xử lý nghiệp vụ. Qua đó không chỉ góp phần đấu tranh, xử lý tội phạm, mà còn nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm xâm phạm ANQG và bảo đảm tốt hơn quyền con người của bị can trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

Về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG luôn được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét thận trọng, bảo đảm phù hợp với mục đích ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tuân thủ nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người của bị can. Thực tiễn áp dụng biện pháp này đã phản ánh phần nào thông qua số liệu thống kê về số lượng bị can, bị cáo sau khi bị tạm giam được chuyển đến trại giam để chấp

hành án phạt tù. Xuất phát từ tính chất nguy hiểm của các hành vi phạm tội xâm phạm ANQG, trong giai đoạn 2015 - 2024, phần lớn các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG đều bị áp dụng biện pháp tạm giam. Tất cả các trường hợp tạm giam đối với các bị can trong những vụ án xâm phạm ANQG đều có cơ sở pháp lý rõ ràng, gắn liền với mục tiêu ngăn ngừa nguy cơ bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc cản trở quá trình điều tra.

Việc bảo đảm quyền con người của bị can khi thực hiện chế độ tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được chú trọng bảo đảm ngay từ khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Các quyền cơ bản của bị can trong giai đoạn điều tra đã được pháp luật quan tâm và bảo đảm thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ. Cụ thể, bị can được bảo đảm an toàn về tính mạng, thân thể, tài sản; được tôn trọng danh dự, nhân phẩm; được thông báo, giải thích đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình cũng như nội quy cơ sở giam giữ. Trong thời gian bị tạm giữ, tạm giam, bị can vẫn được bảo đảm các quyền công dân không bị pháp luật hạn chế, như quyền bầu cử, quyền được hưởng chế độ ăn, ở, mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, chăm sóc y tế, sinh hoạt tinh thần, gửi và nhận thư, quà, sách, báo, tài liệu. Đồng thời, bị can có quyền gặp thân nhân, người bào chữa, được tiếp xúc lãnh sự; quyền tự bào chữa, nhờ người bào chữa, trợ giúp pháp lý; quyền gặp người đại diện hợp pháp để thực hiện các giao dịch dân sự.

Ngoài ra, bị can còn có quyền yêu cầu trả tự do khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam; quyền khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật; quyền được bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 nếu bị giam, giữ trái pháp luật. Các quyền khác của công dân cũng được bảo đảm trong phạm vi pháp luật cho phép, trừ những trường hợp không thể thực hiện do đặc thù của biện pháp tạm giữ, tạm giam.

Thực tiễn công tác đấu tranh chống tội phạm xâm phạm ANQG cũng cho thấy, xuyên tạc, đưa tin sai sự thật về chế độ giam giữ đối với bị can phạm tội

xâm phạm ANQG là thủ đoạn thường xuyên được các đối tượng phản động trong và ngoài nước thực hiện. Luận điệu thường được các đối tượng đưa ra là các bị can trong quá trình bị giam giữ đã bị dùng nhục hình bằng các hình thức như bỏ đói, không cho khám, chữa bệnh, không cho thăm gặp,... Tuy nhiên, trên thực tế, với hoạt động kiểm sát của Viện Kiểm sát các cấp, hoạt động thăm gặp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và đặc biệt là hình ảnh của các bị can, bị cáo khi đưa ra xét xử đã chứng minh việc Cơ quan ANĐT các cấp đã nghiêm túc thực hiện các quy định, bảo đảm đầy đủ các quyền của họ trong quá trình giam giữ.

3.2.2.2. Thực trạng thực hiện các quyền con người của bị can ở giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Về thực hiện các quyền cụ thể của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ nhất, về bảo đảm nhóm quyền về thông tin của bị can. Trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của bị can luôn được cơ quan ANĐT chú trọng thực hiện. Ngay từ khi ban hành quyết định khởi tố, bị can được nhận văn bản hợp lệ, trong đó nêu rõ căn cứ pháp lý, điều và khoản cụ thể của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), giúp họ hiểu rõ lý do bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chủ động thực hiện quyền của mình. Đồng thời, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho bị can về quyền, nghĩa vụ cũng như lý do khởi tố. Nhờ đó, bị can có thể thực hiện các quyền như: trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, vật chứng; đề nghị kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp và xác thực của những chứng cứ đó; cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc buộc tội hoặc gỡ tội. Đặc biệt, tại thời điểm kết thúc điều tra, bị can còn có quyền đọc, ghi chép hoặc nhận bản sao tài liệu liên quan đến việc bào chữa khi có yêu cầu, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền tự bào chữa và quyền được trợ giúp pháp lý.

Quyền được thông tin và các quyền khác có liên quan của bị can trong giai đoạn này đều được các điều tra viên giải thích rõ. Đây là cơ sở quan trọng để

các bị can hiểu và thực thi các quyền của mình. Chẳng hạn như trong vụ án N.L.T phạm tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, khi làm việc với Cơ quan ANĐT, bị can N.L.T đã giữ quyền im lặng khi được hỏi về việc đăng tải 80 bài viết trên Facebook “Nguyen Lan Thang”, về 02 tài liệu dạng sách thu giữ tại nhà T,...

Việc lập hồ sơ vụ án có ý nghĩa then chốt trong quá trình giải quyết VAHS, bởi đây không chỉ là công cụ phục vụ cho giai đoạn truy tố, xét xử được thuận lợi mà còn là căn cứ quan trọng để xem xét mức độ bảo đảm quyền con người của bị can trong hoạt động điều tra. Kết quả nghiên cứu hồ sơ cho thấy, nội dung hồ sơ phản ánh đầy đủ diễn biến hành vi phạm tội và tiến trình điều tra; các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng quy định về trình tự, thủ tục. Đối với những vụ án xâm phạm ANQG, do tính chất phức tạp, cơ quan tiến hành tố tụng thường phải áp dụng biện pháp khám xét chỗ ở, nơi làm việc, thậm chí trong một số trường hợp tiến hành khám người để thu thập chứng cứ. Đặc biệt, hoạt động khám người chỉ được tiến hành khi người bị khám xét không tự nguyện giao nộp tài liệu, đồ vật, nhằm bảo đảm nguyên tắc bất khả xâm phạm về thân thể. Đồng thời, mọi hoạt động tố tụng này đều được thực hiện dưới sự chứng kiến của người có liên quan, qua đó bảo đảm tính hợp pháp, khách quan và hạn chế tối đa nguy cơ xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ hai, về bảo đảm nhóm quyền bào chữa của bị can. Theo quy định tại Điều 74 BLTTHS hiện hành, trong các vụ án về tội xâm phạm ANQG, do tính chất nghiêm trọng, phức tạp của loại tội phạm này, yếu tố bí mật trong điều tra vụ án luôn được coi trọng. Do đó, thông thường, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quyết định để người bào chữa tham gia từ khi kết thúc điều tra vụ án.

Theo thống kê, số vụ án xâm phạm ANQG mà bị can được tạo điều kiện đầy đủ để thực hiện quyền tự bào chữa chiếm đa số trong tổng số các vụ án xâm phạm ANQG nói chung (96,32%). Trong các vụ án về tội phạm xâm phạm

ANQG, trước những chứng cứ, tài liệu chứng minh của cơ quan ANĐT, các bị can thường có thái độ thành khẩn thừa nhận và khai báo hành vi phạm tội, xin được hưởng khoan hồng. *Điển hình như*, các bị can trong vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Cư Kuin, Đắk Lắk năm 2023, trong quá trình điều tra, các bị can đều đã ăn năn, hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận do lạc hậu, thiếu hiểu biết hoặc do bị đe dọa nên đã tham gia hoạt động phạm tội. Hay như trường hợp đối tượng Trương D. trong vụ Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Chi Cục thuế tỉnh Bình Dương năm 2019 đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin được sự khoan hồng giảm nhẹ hình phạt của pháp luật. Trong những trường hợp này, Cơ quan ANĐT còn tạo điều kiện cho bị can được tiếp cận hồ sơ, tài liệu để thực hiện tự bào chữa cho bản thân; đồng thời những tình tiết khai báo thành khẩn, thái độ chấp hành pháp luật của các bị can đều được Cơ quan ANĐT tôn trọng, thể hiện đầy đủ, khách quan vào Bản kết luận điều tra.

Đối với những trường hợp bị can nhờ người khác bào chữa cho mình, thực tiễn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG thời gian qua cho thấy, một số trường hợp người bào chữa bị các thế lực thù địch tìm cách liên hệ, lôi kéo để thực hiện các hoạt động làm ảnh hưởng đến kết quả điều tra vụ án. Do đó, đối với các vụ án xâm phạm ANQG, để bảo đảm hiệu quả công tác điều tra, xử lý vụ án; việc người bào chữa tham gia bào chữa cho bị can sau khi kết thúc giai đoạn điều tra là phù hợp. Những trường hợp nêu trên, khi kết thúc giai đoạn điều tra VAHS, các luật sư bào chữa đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ nghiên cứu, bào chữa cho bị can. Đề nghị của các luật sư luôn được cơ quan tố tụng có thẩm quyền giải quyết theo quy định của BLTTHS.

Bên cạnh đó, có những trường hợp luật sư nhận được đề nghị bào chữa từ người thân của bị can, tuy nhiên, bản thân bị can lại kiên quyết từ chối quyền được nhờ người khác bào chữa này. *Điển hình như* trường hợp của bị can Nguyễn Văn H. trong vụ án Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà XHCN

Việt Nam do cơ quan ANĐT Công tỉnh Hà Tĩnh thụ lý: Sau khi Công ty Luật TNHH HS có công văn đề nghị Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận bào chữa đối với bị can Nguyễn Văn H., bản thân bị can Nguyễn Văn H. đã từ chối việc “*mời bất cứ luật sư nào tham gia bào chữa, kể cả việc gia đình, người thân yêu cầu luật sư bào chữa*” [23]. Điều này cho thấy bản thân bị can đã được giải thích, hiểu rõ các quyền của mình, trong đó có quyền bào chữa.

Cùng với đó, quyền được chỉ định bào chữa của các bị can phạm tội xâm phạm ANQG mà khung hình phạt từ 20 năm tù, chung thân và tử hình đều được bảo đảm. Theo thống kê của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về bảo đảm quyền được chỉ định bào chữa của bị can phạm tội xâm phạm ANQG trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024, cho thấy có tất cả các trường hợp bị can trong vụ án xâm phạm ANQG đủ điều kiện đều được chỉ định người bào chữa. Một số trường hợp đủ điều kiện đã được trợ giúp pháp lý đầy đủ, tuy nhiên, phần lớn các bị can này đều không phải là các đối tượng chủ mưu, cầm đầu. *Điển hình*, trong vụ “*Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; Khủng bố; Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; Che giấu tội phạm*” xảy ra tại Đắk Lắk đã có 19 luật sư và trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho 65 bị cáo, đảm bảo quyền bào chữa cho các bị cáo theo quy định của pháp luật. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều vụ án xâm phạm ANQG, hoạt động chỉ định luật sư bào chữa cho các bị can phạm tội xâm phạm ANQG cũng đã có những kết quả tích cực, các bị can đã bảo đảm thực hiện được quyền được bào chữa của mình. *Điển hình* như năm 2018, vụ án Lê Hồng V. phạm tội làm, phát tán tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam theo điểm b khoản 1 Điều 117 BLHS: với sự tham gia đầy đủ, người bào chữa được chỉ định đã sử dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để giúp làm sáng tỏ các tình tiết nhằm bảo vệ cho Lê Hồng V. Kết quả tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Lê Hồng V. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị tuyên án 5 năm tù (mức thấp nhất theo khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 117) [15].

Ngoài ra, quy định tại Điều 177 BLTTHS đã thiết lập chế tài xử lý rõ trong trường hợp vi phạm, với các hình thức từ xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đến truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, trách nhiệm bảo vệ bí mật điều tra, bí mật ANQG không chỉ đặt ra đối với người bào chữa mà còn áp dụng cho toàn bộ những người tham gia tố tụng, bao gồm cả điều tra viên, kiểm sát viên, cán bộ điều tra và các chủ thể tố tụng khác.

3.2.2.3. Thực trạng kiểm tra, giám sát đối với việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Thứ nhất, hoạt động kiểm sát của Viện Kiểm sát nhân dân trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Từ năm 2015 đến 2024, Cơ quan ANĐT và Viện kiểm sát nhân dân đã tích cực phối hợp trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Có thể thấy, quá trình phối hợp giữa hai cơ quan trong điều tra xử lý các vụ án xâm phạm ANQG đã quán triệt và thực hiện tuân thủ đầy đủ quy định của BLTTHS và phù hợp với pháp luật quốc tế về quyền con người, giúp việc điều tra đi đúng hướng, đồng thời bảo đảm tối đa quyền con người của các bị can trong quá trình này. Viện Kiểm sát đã thực hiện tốt công tác phân loại xử lý và kiểm sát chặt chẽ ngay từ đầu nên đã bảo đảm việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn thận trọng, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Đặc biệt trong các vụ án có nhiều đối tượng tham gia, Cơ quan ANĐT và Viện Kiểm sát đã phối hợp phân loại đối tượng để có chính sách xử lý phù hợp, bảo đảm quyền cơ bản cho người phạm tội. *Điển hình như* trong vụ Ksor R. phạm tội phá hoại chính sách đoàn kết xảy ra năm 2019 tại tỉnh Gia Lai: Quá trình diễn ra hành vi phạm tội của Ksor R. có liên quan đến nhiều các đối tượng khác. Tuy nhiên, dựa trên vai trò thực tế, thái độ thành khẩn khai báo và căn cứ kết quả điều tra; Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Gia Lai và Viện kiểm sát cùng cấp đã phối hợp đánh giá tài liệu chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, thường xuyên cung cấp cũng như trao đổi tài liệu của vụ án một cách kịp thời.

Kết quả, 17 đối tượng gồm Nay Ty, Nay Bông, Ksor Wim, Nay Hôn, Ksor Phô, Ksor Drunh, Ksor Puch, Ksor Chung, Hiao Krum, Ksor Tý, Nay Phik, Rơ Ô Thuy, Nay Kueo, Ksor Nhung, Rơ Ô Bai, Siu Nhíp, Rơ Lan Blom không bị xử lý hình sự và được giao cho chính quyền địa phương để theo dõi, quản lý, giáo dục [16].

Thứ hai, hoạt động kiểm tra, giám sát của các đoàn Đại biểu Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội đã góp phần bảo đảm các quy định của Hiến pháp, pháp luật được thi hành triệt để. Trong những năm qua, Quốc hội đã thực hiện nhiều hình thức giám sát đối với hoạt động điều tra VAHS nói chung và điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng, trong đó đặc biệt quan tâm đến bảo đảm quyền con người của bị can trong các VAHS. Quốc hội yêu cầu báo cáo về tình hình công tác điều tra, xử lý các VAHS, các vụ án xâm phạm ANQG, đặc biệt là các vụ án nghiêm trọng, thu hút sự quan tâm của dư luận. Trên cơ sở đó, Cơ quan ANĐT đã tham mưu lãnh đạo Bộ Công an báo cáo đầy đủ kết quả điều tra các VAHS xâm phạm ANQG và việc bảo đảm quyền con người của bị can phục vụ việc giám sát chuyên đề của Quốc hội. Bên cạnh đó, các Ủy ban chuyên trách của Quốc hội cũng thực hiện vai trò giám sát của mình khi đưa ra các yêu cầu Bộ Công an báo cáo về các vấn đề cử tri quan tâm liên quan đến vấn đề điều tra, xử lý các đối tượng liên quan đến yếu tố dân tộc, tôn giáo, ... Điển hình như sau khi xảy ra vụ án đặc biệt nghiêm trọng tại Cư Kuin, Đắk Lắk: Ủy ban Tư pháp và nhiều Đại biểu Quốc hội đã đưa ra nhiều ý kiến đánh giá, kiến nghị đến Bộ Công an các giải pháp để phòng ngừa các hành vi tương tự.

Thứ ba, quan hệ phối hợp giữa Cơ quan ANĐT với các cơ quan, tổ chức khác trong hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật. Trong phối hợp với Ban Nội chính Trung ương, Cơ quan ANĐT đã phối hợp chặt chẽ với Vụ theo dõi án, kịp thời nắm bắt và phối hợp xử lý những vấn đề phức tạp về ANQG, liên quan đến “*dân chủ, nhân quyền*”; Cơ quan ANĐT đã phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan ngoại

giao để thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền cho bị can là người nước ngoài. Điển hình bị can Châu Văn Khảm (70 tuổi, quê gốc ở Thừa Thiên - Huế, Quốc tịch Úc) - là thành viên tổ chức khủng bố Việt Tân, bị Cơ quan ANĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Cơ quan ANĐT đã phối hợp với Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh tiến hành các thủ tục cần thiết, kịp thời theo quy định để trao đổi thông tin với Đại sứ quán, Lãnh sự quán Úc nhằm thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền cho bị can như thăm gặp lãnh sự, bảo hộ công dân...

3.3. ĐÁNH GIÁ VỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.3.1. Những kết quả đạt được

3.3.1.1. Hoạt động xây dựng pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Thứ nhất, những quy định trong pháp luật Việt Nam về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã có tính tương thích với những chuẩn mực của pháp luật quốc tế.

Những nội dung có liên quan đến quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG được quy định tương đối đầy đủ trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Hiến pháp năm 2013, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)... Theo đó những quy định này đã đảm bảo bao quát các nội dung liên quan đến quyền con người của bị can trong TTHS nói chung, trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng. Cùng với đó, những quy định về quyền con người trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG đã phù hợp với những chuẩn mực quốc tế về quyền con người của bị can trong các văn kiện pháp lý quốc tế mà Việt Nam là thành viên như Tuyên ngôn

thế giới về nhân quyền (Universal Declaration of Human Rights), Công ước Châu Âu về quyền con người (European Convention on Human Rights - ECHR), Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em, Quy chế Rome về thành lập Tòa án hình sự thường trực quốc tế...

Một là, về những nguyên tắc cơ bản trong TTHS có liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can, pháp luật quốc tế cũng đã quy định rải rác trong các văn bản. Nhằm tôn trọng, thực hiện những cam kết quốc tế trên tinh thần nguyên tắc nền tảng Pacta sunt servanda (tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế), pháp luật nước ta đã quy định hệ thống các nguyên tắc cơ bản như: Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân (Điều 8); Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật (Điều 9); Nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (Điều 10 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Điều 10 Hiến pháp năm 2013); Nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân (Điều 11); Nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân (Điều 12); Nguyên tắc suy đoán vô tội (Điều 13); Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 16); Nguyên tắc bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại trong TTHS (Điều 31); Nguyên tắc bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo trong TTHS (Điều 32, Điều 30 Hiến pháp năm 2013); Nguyên tắc trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 17); Nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong TTHS... Đây là những căn cứ pháp lý, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động TTHS nói chung và hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS xâm phạm ANQG nói riêng.

Hai là, sự tương thích về hệ thống quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG. Pháp luật TTHS Việt Nam đã ghi nhận tương đối đầy

đủ quyền của bị can trong giai đoạn điều tra, không chỉ đối với các VAHS nói chung mà cả đối với các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam đã từng bước tiệm cận và tương thích với các chuẩn mực pháp lý quốc tế về bảo đảm các quyền con người cụ thể của bị can, như:

(1) Nhóm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm tại Điều 20 Hiến pháp năm 2013 và (Điều 10, Điều 11) BLTTHS đã có tính phù hợp với Điều 1 và Điều 3 của UDHR - “*mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền*” và “*mọi người đều có quyền sống, quyền tự do và an toàn cá nhân*” - cũng như Điều 9 UDHR, theo đó “*không ai bị bắt, giam giữ hay lưu đày một cách tùy tiện*”.

Bên cạnh đó, quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục được ghi nhận tại Điều 20 Hiến pháp 2013, phù hợp với Điều 5 UDHR và được cụ thể hóa trong Điều 7 ICCPR: “*Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm...*”. Đây được xem là chuẩn mực pháp lý phổ quát, mang tính quy phạm tập quán quốc tế bắt buộc (jus cogens) mà mọi quốc gia đều có nghĩa vụ tôn trọng, dù có hay chưa là thành viên của ICCPR hay CAT, 1984. Công ước CAT cũng đưa ra định nghĩa cụ thể về hành vi tra tấn, nhấn mạnh các yếu tố cấu thành như: mức độ nghiêm trọng của đau đớn thể chất hoặc tinh thần, sự liên quan của cơ quan công quyền hoặc người được ủy quyền, mục đích chủ quan của hành vi và việc hành vi không bắt nguồn từ các chế tài hợp pháp. Những tiêu chí này đã được Việt Nam nội luật hóa trong hệ thống pháp luật hình sự và TTHS, thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc phòng, chống tra tấn và bảo đảm quyền con người trong quá trình điều tra VAHS.

(2) Quyền được suy đoán vô tội Điều 13 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nội dung này đặc biệt có ý nghĩa trong mô hình tố tụng pha trộn thiên về thẩm vấn ở Việt Nam hiện nay, góp phần hạn chế những hoạt động mang tính lạm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng trong thực hiện các hoạt

động TTTHS. Quyền được suy đoán vô tội phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế, được ghi nhận tại Điều 11 UDHR và Điều 14 Công ước ICCPR. Theo đó, các văn bản pháp lý quốc tế này cũng khẳng định rằng người bị cáo buộc chỉ bị coi là có tội khi được chứng minh tại phiên tòa công khai, theo trình tự pháp luật; Bình luận chung số 32 của Ủy ban Nhân quyền LHQ quy định: nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên buộc tội, mọi nghi ngờ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội.

Cùng với đó, quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận là có tội tại Điều 15 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cũng hoàn toàn phù hợp với nội dung quy định tại điểm g khoản 3 Điều 14 ICCPR và khoản 2 Điều 40 CRC, được áp dụng ở mọi giai đoạn tố tụng.

(3) Quyền bào chữa trong pháp luật TTTHS nước ta đã thể hiện sự tương thích rõ rệt với các chuẩn mực quốc tế tại Khoản 3 Điều 14 ICCPR. Theo đó, trong quá trình xét xử hình sự, mọi người đều có quyền được hưởng đầy đủ và bình đẳng các bảo đảm tối thiểu liên quan đến quyền bào chữa: được thông báo kịp thời, rõ ràng và bằng ngôn ngữ mà họ hiểu về nội dung buộc tội; có đủ thời gian và điều kiện chuẩn bị bào chữa; được tiếp xúc với người bào chữa do mình lựa chọn; được trợ giúp pháp lý miễn phí trong trường hợp cần thiết; và được phiên dịch khi cần. Cùng với đó, những quy định liên quan trong pháp luật nước ta cũng phù hợp với Bình luận chung số 32 của Ủy ban Nhân quyền khi đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu bảo đảm thời gian và điều kiện hợp lý để chuẩn bị bào chữa, cũng như nghĩa vụ tích cực của Nhà nước trong việc cung cấp và tạo điều kiện cho người bị buộc tội tiếp cận trợ giúp pháp lý kịp thời.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam đã quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng về nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Theo đó, những quy định có liên quan không chỉ được ghi nhận trong BLTTHS mà còn các văn bản pháp luật khác như: Luật Tổ chức Cơ quan điều

tra hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Thông tư số 11/2025/TT-BCA ngày 27/2/2025 quy định về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra; phân công Thủ trưởng, phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân... So với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có những sửa đổi, bổ sung đáng kể nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong việc bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG, thể hiện ở việc quy định rõ ràng, cụ thể, chi tiết hơn các công việc, hành vi mà các chủ thể này phải thực hiện để bảo đảm quyền tố tụng của bị can.

Thứ ba, những quy định về việc các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế đối với bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG đã được quan tâm, chú trọng nhằm bảo đảm quyền con người của bị can khi áp dụng.

BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không chỉ quy định căn cứ chung tại khoản 1 Điều 109 mà còn thiết lập các điều kiện riêng áp dụng đối với từng biện pháp cụ thể. So với pháp luật nhiều quốc gia trên thế giới, quy định này đã thể hiện tính minh bạch, hạn chế sự lạm quyền, từ đó góp phần bảo vệ quyền con người nói chung và quyền con người của các bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng trong TTHS Việt Nam.

Đặc biệt, đối với biện pháp tạm giam - biện pháp hạn chế nghiêm khắc nhất đối với quyền tự do thân thể - chỉ được áp dụng trong trường hợp thật sự cần thiết, khi các biện pháp ngăn chặn khác không thể đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm. Riêng với các tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng như tội phạm xâm phạm ANQG, việc áp dụng biện pháp tạm giam được đặt trong mối quan hệ trực tiếp với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không bắt buộc phải chứng minh thêm nguy cơ trốn tránh hay cản trở các hoạt động tố tụng khác. Về thời hạn áp dụng, việc quy định thời hạn cụ thể cho từng biện pháp là cơ chế pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm sự cân đối giữa yêu cầu xử lý vụ án và quyền tự do cá nhân. Theo đó, tạm giữ chỉ được thực hiện tối đa

03 ngày, trong trường hợp đặc biệt có thể gia hạn nhưng không quá 09 ngày. Trong quá trình điều tra, thời hạn của các biện pháp khác như bảo lãnh, đặt tiền bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú hoặc tạm hoãn xuất cảnh không vượt quá thời hạn điều tra được luật định. Riêng đối với tạm giam - biện pháp có thể được áp dụng ở nhiều giai đoạn - thời hạn và số lần gia hạn được quy định dựa theo loại tội phạm, trong đó đối với tội phạm xâm phạm ANQG.

Về thẩm quyền áp dụng, BLTTHS quy định rõ thẩm quyền thuộc về Thủ trưởng hoặc người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm sự thận trọng trong quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn. Đồng thời, pháp luật TTHS nước ta cũng quy định nghiêm ngặt về trình tự, thủ tục nhằm tránh lạm quyền trong thực thi các biện pháp ngăn chặn. Trừ các trường hợp bắt quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã, việc bắt, giữ, tạm giam, tạm giữ đều phải có lệnh, quyết định của người có thẩm quyền. Các lệnh, quyết định phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, lý do, thời hạn và các nội dung cần thiết khác theo quy định tại Điều 132 BLTTHS. Điều này góp phần kiểm soát quyền lực tố tụng, đồng thời bảo đảm quyền con người không bị xâm phạm một cách tùy tiện. Thực tiễn pháp luật một số nước như Nhật Bản, Trung Quốc cho thấy xu hướng giới hạn tạm giam, hạn chế tối đa số lần gia hạn để bảo đảm quyền con người. Nói cách khác, quy định về biện pháp ngăn chặn hiện nay đã hướng đến việc vừa bảo đảm yêu cầu điều tra, truy tố trong các vụ án đặc biệt nghiêm trọng như xâm phạm ANQG, vừa đặt ra giới hạn pháp lý nhằm bảo vệ quyền con người của bị can, nhất là quyền tự do cá nhân trong giai đoạn điều tra. Việc thiết lập trình tự, điều kiện, thẩm quyền, thời hạn áp dụng rõ ràng chính là cơ chế kiểm soát quyền lực, giảm thiểu nguy cơ oan sai và bảo đảm tính nhân đạo trong TTHS.

Thứ tư, quy định về các hoạt động điều tra có khả năng ảnh hưởng đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã có tính chặt chẽ, hợp lý.

Những biện pháp này có thể kể đến như khám xét, xem xét dấu vết trên thân thể, hỏi cung bị can, thực hiện biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, BLTTHS

năm 2015 đã quy định tương đối đầy đủ và rõ ràng về căn cứ và thủ tục áp dụng nhằm bảo đảm tính hợp pháp và hạn chế xâm phạm quyền con người.

Cụ thể, việc khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ xác định trong người có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật do phạm tội mà có hoặc dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án 9 [66, Điều 192]. Khoản 1 Điều 203 BLTTHS quy định rằng việc xem xét dấu vết trên thân thể chỉ được tiến hành khi thực sự cần thiết. Bên cạnh đó, Điều 193 xác định cụ thể những người có thẩm quyền ra lệnh khám xét nhằm bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ trong quá trình áp dụng biện pháp này. Về trình tự, mọi hoạt động khám xét hoặc xem xét dấu vết trên thân thể đều phải tuân theo quy định pháp luật. Trừ trường hợp khẩn cấp, việc khám xét phải có lệnh bằng văn bản do người có thẩm quyền ban hành; người thi hành lệnh có trách nhiệm công bố, giao cho người bị khám xét đọc và giải thích lý do cũng như quyền, nghĩa vụ liên quan. Pháp luật TTHS cũng đặt ra nguyên tắc chỉ khi người bị khám xét không tự nguyện giao nộp tài liệu, đồ vật thì mới được phép tiến hành khám xét. Đồng thời, quá trình này phải có người chứng kiến để bảo đảm tính khách quan và tránh vi phạm quyền của bị can; người tiến hành và người chứng kiến phải cùng giới tính với người bị khám xét hoặc bị xem xét dấu vết. Tất cả các trường hợp đều phải được ghi nhận bằng biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều 194 và khoản 2 Điều 203.

Theo Điều 192 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), việc khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ xác định trên người có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật do phạm tội mà có hoặc dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án.

Đối với việc xem xét dấu vết trên thân thể, khoản 1 Điều 203 quy định chỉ áp dụng khi thật sự cần thiết. Về thẩm quyền, Điều 193 nêu rõ những chủ thể có quyền ra lệnh khám xét nhằm bảo đảm sự kiểm soát trong quá trình thực hiện. Về trình tự, cả hoạt động khám xét lẫn xem xét dấu vết trên thân thể đều phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của pháp luật. Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp,

việc khám xét buộc phải có lệnh bằng văn bản của người có thẩm quyền; khi tiến hành, cán bộ thi hành phải đọc lệnh, giao cho người bị khám xét đọc và giải thích rõ lý do, quyền và nghĩa vụ của họ cũng như những người có mặt. Để bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể, pháp luật quy định chỉ trong trường hợp người bị khám xét không tự nguyện giao nộp đồ vật, tài liệu thì mới được thực hiện khám xét. Đồng thời, quá trình này phải có người chứng kiến để bảo đảm tính khách quan, hợp pháp và tránh xâm phạm quyền của bị can; cả người thực hiện và người chứng kiến phải cùng giới tính với người bị khám xét hoặc bị xem xét dấu vết. Mọi trường hợp đều phải được lập biên bản theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 194 và khoản 2 Điều 203.

So với BLTTHS năm 2003, quy định tại BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về hoạt động hỏi cung bị can đã có nhiều điểm tiến bộ cả về thẩm quyền, trình tự và thủ tục. Ngoài Điều tra viên, trong một số trường hợp như bị can kêu oan, có khiếu nại về hoạt động điều tra hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Kiểm sát viên cũng được trực tiếp hỏi cung. Hoạt động này chỉ được tiến hành tại địa điểm theo quy định, sau khi có quyết định khởi tố bị can, không được thực hiện vào ban đêm và bắt buộc phải lập biên bản. Đặc biệt, BLTTHS năm 2015 lần đầu tiên đưa ra yêu cầu ghi âm, ghi hình có âm thanh trong toàn bộ quá trình hỏi cung, nhằm ngăn chặn tình trạng bức cung, nhục hình và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Một điểm đổi mới quan trọng khác là việc bổ sung các biện pháp điều tra đặc biệt, được coi là công cụ pháp lý để vừa bảo đảm hiệu quả điều tra, vừa bảo vệ quyền con người. Bộ luật quy định ba biện pháp: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; và thu thập dữ liệu điện tử bí mật. Những biện pháp này chỉ được áp dụng trong các vụ án về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có tổ chức, với phạm vi đối tượng, thời hạn áp dụng và thẩm quyền quyết định được kiểm soát chặt chẽ (thời hạn ban đầu là 2 tháng, có thể gia hạn nhưng không vượt quá thời hạn điều tra). Việc bổ sung quy định này không chỉ nâng cao hiệu quả đấu

tranh phòng, chống tội phạm, nhất là đối với các vụ án xâm phạm ANQG, mà còn đặt ra những giới hạn pháp lý cần thiết để ngăn ngừa lạm quyền, qua đó bảo đảm quyền con người trong TTHS được thực thi công bằng và đúng pháp luật.

3.3.1.2. Thực thi quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia trong thực tiễn

Quán triệt thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước ta về phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, những năm qua, cơ quan ANĐT các cấp đã nỗ lực, chủ động cùng với các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý nhiều đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Trong đó có nhiều vụ án phức tạp, tính chất nghiêm trọng như các vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Đăk Lăk, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương; các vụ phạm tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được thực hiện bởi các đối tượng có hoạt động phức tạp như Nguyễn Lân Thắng, Phạm Đoàn Trang, Lê Trung Khoa... Tuy các vụ phạm tội xâm phạm ANQG được thực hiện bởi các đối tượng có âm mưu, phương thức, thủ đoạn tinh vi, có sự can thiệp, ủng hộ từ phía nước ngoài, nhưng về cơ bản hoạt động của các chủ thể, cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt trong giai đoạn điều tra VAHS được thực hiện đã bảo đảm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Theo đó, công tác bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG ở nước ta đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, việc điều tra về cơ bản đúng người, đúng tội, góp phần bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Trong những năm gần đây, hoạt động điều tra của các cơ quan có thẩm quyền đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết các VAHS. Các hoạt động tố tụng trong giai đoạn điều tra được tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, thể hiện sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của luật TTHS. Các quyết định tố tụng được ban hành đều có căn cứ pháp lý rõ

ràng, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời tôn trọng và bảo vệ quyền con người của bị can trong suốt quá trình điều tra. Chất lượng và hiệu quả của hoạt động điều tra không chỉ được phản ánh qua số lượng vụ án được giải quyết mà còn thể hiện qua tính chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của các kết luận điều tra. Đây là minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc cân bằng giữa yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ bảo đảm quyền con người - đặc biệt trong bối cảnh xử lý các vụ án có tính chất nghiêm trọng như xâm phạm ANQG.

Thứ hai, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn về cơ bản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Theo đó, căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn đã được đảm bảo và cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia với việc bảo đảm quyền con người của bị can.

Về áp dụng biện pháp tạm giam, Cơ quan ANĐT các cấp và Viện kiểm sát đã tuân thủ chặt chẽ các điều kiện áp dụng, thời hạn tạm giam, đồng thời tạo điều kiện cho bị can thực hiện quyền bào chữa, quyền được suy đoán vô tội và các quyền tố tụng khác theo quy định pháp luật. Các biện pháp ngăn chặn trong các vụ án xâm phạm ANQG đã được áp dụng một cách thận trọng và chặt chẽ, bảo đảm tiến độ, thời hạn tố tụng, áp dụng đúng đối tượng, vừa tránh lạm dụng các biện pháp ngăn chặn xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân.

Cùng với đó, việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam được phối hợp đánh giá, phân loại xử lý ngay từ đầu nên đã bảo đảm tính kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt, trong các vụ phạm tội mang tính chất bạo lực như tội bạo loạn, phá rối an ninh... thường có đông đối tượng tham gia (như vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Đắk Lắk, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương), thì việc áp dụng biện pháp tạm giữ được áp dụng đối với những đối tượng chủ mưu, cầm đầu; số đối tượng còn lại được áp dụng các biện pháp khác như răn đe, giáo dục, thuyết phục, nhằm đảm bảo tính nghiêm

minh, công bằng của pháp luật. Bên cạnh đó, đối với các đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG khác như tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân,... thường bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Đồng thời, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đã bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Ví dụ: Diễn hình như vụ án N.T.H. phạm tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 117 BLHS năm 2015. Hành vi của N.T.H. đã bị Cơ quan ANĐT Công an Thành phố Hà Nội khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét đối với N.T.H. Bị can đã bị bắt, tạm giam từ ngày 07/4/2021 đến ngày 27/4/2022. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, do nghi ngờ bị can không có năng lực trách nhiệm hình sự nên ngày 23/11/2021, Cơ quan ANĐT - Công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y tâm thần Trung ương giám định pháp y tâm thần đối với bị can N.T.H. Ngày 27/4/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can N.T.H., đến ngày 21/3/2024 thì ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với bị can N.T.H.. Sau khi ra Quyết định phục hồi điều tra bị can ngày 21/3/2024, N.T.H. tiếp tục bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 22/3/2024 cho đến lúc được đưa ra xét xử.

Thứ ba, các quyền tố tụng của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được tôn trọng và bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng quy trình như: về bảo đảm nhóm quyền về thông tin của bị can, quyền bào chữa của bị can... Quyền bào chữa của bị can có thể được thực hiện thông qua các hoạt động tự bào chữa, nhờ người bào chữa hoặc chỉ định bào chữa. Nhìn chung, trong giai đoạn điều tra VAHS, cơ quan ANĐT các cấp đã thực hiện đầy đủ các quy định, thực hiện đầy đủ trách nhiệm bảo đảm quyền bào chữa của bị can phạm tội xâm phạm ANQG.

Đặc biệt, quyền của bị can trong các hoạt động điều tra có khả năng ảnh hưởng đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy trình. Trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, các chủ thể, cơ quan tiến hành tố tụng tập trung vào việc củng cố tài liệu, chứng cứ, làm rõ về các tình tiết cần phải chứng minh trong VAHS. Nhìn chung hoạt động thu thập chứng cứ qua hỏi cung, lấy lời khai do các Điều tra viên tiến hành bảo đảm đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Hoạt động hỏi cung đã được tiến hành tại địa điểm theo quy định, đúng thời điểm sau khi có quyết định khởi tố bị can và được lập biên bản đầy đủ. Đặc biệt, các buổi hỏi cung bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được ghi âm, ghi hình có âm thanh đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo luật định. Hoạt động này đã góp phần phòng ngừa nguy cơ xảy ra tình trạng bức cung, nhục hình, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động hỏi cung đối với các bị can.

Thứ tư, thực trạng kiểm tra, giám sát đối với việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được bảo đảm. Cơ quan ANĐT và Viện kiểm sát nhân dân đã tích cực phối hợp trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG. Cùng với đó, Quốc hội đã thực hiện nhiều hình thức giám sát đối với hoạt động điều tra VAHS nói chung và điều tra vụ án xâm phạm ANQG nói riêng, trong đó đặc biệt quan tâm đến bảo đảm quyền con người của bị can trong các VAHS; quan hệ phối hợp giữa Cơ quan ANĐT với các cơ quan, tổ chức khác trong hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

3.3.2.1. Hạn chế

Trong thời gian qua, quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS xâm phạm ANQG đã được Cơ quan ANĐT các cấp quan tâm thực hiện. Quá trình thực hiện về cơ bản đã bảo đảm tốt cho các quyền của bị can, tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, cụ thể như:

Thứ nhất, hạn chế về quy định của pháp luật

Như đã phân tích tại mục 3.2.1., mặc dù pháp luật Việt Nam trong thời gian vừa qua đã và đang ngày càng hoàn thiện, những quy định về quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung, một số quy định của pháp luật Việt Nam còn chưa đầy đủ (như về quyền của bị can, về trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế) dẫn đến những khó khăn trong thực hiện quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Công tác giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy định TTHS trong thực tiễn vẫn chưa được quan tâm tương xứng với yêu cầu đặt ra. Trên thực tế, đối với một số quy định có tính nguyên tắc hoặc quy định mới liên quan trực tiếp đến quyền của bị can, đặc biệt trong giai đoạn điều tra, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, kịp thời của các cơ quan tư pháp Trung ương. Điều này dẫn đến việc các cơ quan tiến hành tố tụng ở các địa phương khác nhau có cách hiểu và cách áp dụng không đồng nhất, nhất là trong việc xác định phạm vi, điều kiện và phương thức thực hiện các quyền tố tụng của bị can. Bên cạnh đó, tiến độ ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật của các cơ quan có thẩm quyền còn chậm so với yêu cầu thực tiễn, trong khi hoạt động điều tra vẫn phải được tiến hành liên tục. Hệ quả là các cơ quan tư pháp cấp dưới và cán bộ trực tiếp tiến hành tố tụng buộc phải tự vận dụng, suy đoán hoặc tham chiếu kinh nghiệm xử lý các vụ việc tương tự, làm gia tăng nguy cơ áp dụng pháp luật không thống nhất, thậm chí sai sót về trình tự, thủ tục tố tụng.

Những hạn chế này thể hiện rõ nét hơn trong hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG - lĩnh vực có tính chất đặc thù, phức tạp và nhạy cảm, đòi hỏi mức độ chính xác, thận trọng và tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc TTHS. Việc thiếu hướng dẫn cụ thể, thống nhất không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, mà còn tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm quyền con người của bị can, đồng thời gây khó khăn cho công tác kiểm sát, giám sát hoạt động tố tụng trong thực tiễn.

Thứ hai, hạn chế trong thực thi quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG

Một là, những hạn chế, vướng mắc trong hoạt động chứng minh trong giai đoạn điều tra.

Tiến độ điều tra trong một số vụ án còn chậm, phần lớn thời hạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG thường tiến hành gia hạn. Theo thống kê cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2015 - 2024, phần lớn các vụ án xâm phạm ANQG đều phải tiến hành gia hạn điều tra, cá biệt có nhiều trường hợp các vụ án với tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp với nhiều đối tượng phạm tội, thủ đoạn tinh vi, thì thời hạn điều tra đã phải kéo dài đến 20 tháng. Mặc dù điều này xuất phát từ tính chất phức tạp của các vụ án xâm phạm ANQG, tuy nhiên, thời gian điều tra kéo dài cũng có những ảnh hưởng nhất định đến vấn đề bảo đảm quyền con người của bị can trong quá trình điều tra vụ án xâm phạm ANQG.

Nhiều đối tượng lợi dụng những chính sách nhân đạo trong pháp luật Việt Nam để thực hiện những hành vi nhằm làm giảm thiểu hiệu quả điều tra, khám phá các vụ án xâm phạm ANQG. Có thể kể đến như bị can N.B.T. lợi dụng những quy định về “quyền im lặng” nhằm kéo dài thời gian, gây khó khăn cho công tác điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng. Theo đó, sau khi bị bắt, tạm giam đến ngày thứ 90, N.B.T. vẫn kiên quyết giữ quyền im lặng, không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của Cơ quan ANĐT. Trong khi đó, đồng phạm của N.B.T. là P.V.T. chỉ khai báo nhỏ giọt, thiếu hợp tác. Tuy nhiên, trước các chứng cứ xác thực do cơ quan điều tra thu thập, P.V.T. sau đó đã thừa nhận hành vi phạm tội, trong khi N.B.T. vẫn kiên quyết phủ nhận, cho rằng mình vô tội và tiếp tục viện dẫn “quyền im lặng”. Điều cho thấy việc thực hiện quyền im lặng trong thực tiễn TTTHS nước ta, đặc biệt trong các vụ án xâm phạm ANQG, không chỉ đặt ra yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị can mà còn đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải nâng cao năng lực chứng minh bằng chứng cứ khách quan và lập luận thuyết phục.

Vẫn còn tỷ lệ nhỏ các vụ án bị đình chỉ điều tra qua các năm (chỉ khoảng 1-2 vụ, tương ứng 1-2 bị can, chiếm 5,5% tổng số vụ và 4,46% tổng số bị can mới bị khởi tố). Việc đình chỉ điều tra có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau như: bị can được miễn trách nhiệm hình sự, bị can chết, hoặc do yêu cầu về chính trị - đối ngoại. Trong một số vụ án có nhiều đối tượng bị khởi tố, cơ quan điều tra chỉ tập trung xử lý các đối tượng chính, còn lại đình chỉ điều tra đối với những người có vai trò thứ yếu nhằm thực hiện chủ trương phân hóa trách nhiệm hình sự; khi đó, các biện pháp xử lý hành chính như quản chế, trục xuất... được áp dụng thay thế. Đáng chú ý, tỷ lệ vụ án bị đình chỉ tuy nhỏ nhưng cũng phản ánh mặt tích cực trong hoạt động kiểm sát tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, góp phần phát hiện, khắc phục kịp thời các sai sót, hạn chế việc làm oan hoặc gây thiệt hại trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở nước ta hiện nay.

Hai là, những hạn chế trong thực hiện quyền tố tụng khác của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Thực tế cho thấy, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, nhất là biện pháp tạm giam đối với bị can phạm tội xâm phạm ANQG luôn thực hiện đúng quy định, tuy nhiên thời gian tạm giam đôi lúc còn kéo dài, phần lớn các bị can đều bị gia hạn biện pháp này, ít được thay thế bởi biện pháp ngăn chặn khác. Đây là vấn đề thường bị các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền.

Điển hình như vụ án Châu Văn Khảm bị khởi tố về hành vi Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với Châu Văn Khảm, các đối tượng đã dựa lợi dụng việc Châu Văn Khảm có quốc tịch Úc để yêu cầu sự tham gia của các chính quyền Úc vào vụ án, nhằm tạo sức ép ngoại giao để bảo vệ quyền lợi của Châu Văn Khảm. Tuy nhiên, cơ quan ANĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kịp thời, tích cực phối hợp với Sở Ngoại vụ để thực hiện các thủ tục để Tổng Lãnh sự quán Úc thực hiện các

hoạt động bảo hộ công dân đối với bị can Khảm. Những trường hợp như trên đặt ra yêu cầu đối với Cơ quan ANĐT các cấp trong việc xử lý nhanh chóng, đúng quy định, đáp ứng được nhu cầu trên thực tế.

Ngoài ra, theo quy định của BLTTHS, người bào chữa trong các vụ án xâm phạm ANQG chỉ tham gia bào chữa sau khi có kết luận điều tra vụ án, điều này dẫn đến quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn điều tra thường bị hạn chế hơn.

Ba là, những hạn chế trong giám sát và xử lý hành vi xâm phạm quyền của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG

Trong bối cảnh thực thi pháp luật về ANQG, hoạt động giám sát việc đảm bảo quyền con người đối với bị can trong giai đoạn điều tra tội phạm xâm phạm ANQG có lúc, có nơi vẫn còn hạn chế khi việc giám sát chưa được thực hiện một cách chủ động, liên tục và hiệu quả. Một số kiến nghị sau giám sát còn chung chung, chưa chỉ rõ trách nhiệm cụ thể, làm giảm tính ràng buộc và khả năng thực thi. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện các kết luận, nghị quyết sau giám sát cũng chưa được tiến hành thực sự nghiêm túc, khiến hiệu quả giám sát chưa đạt kỳ vọng. Công tác kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực này cũng gặp nhiều khó khăn; một số Viện kiểm sát địa phương còn thiếu chủ động, bị động trong phương pháp tiếp cận và giám sát trực tiếp tại các cơ quan tư pháp. Do đó, việc hoàn thiện thể chế, tăng cường năng lực giám sát, đa dạng hóa phương thức giám sát và bảo đảm tính độc lập, minh bạch trong quy trình tố tụng là những bước đi quan trọng nhằm bảo đảm quyền con người trong mọi giai đoạn tố tụng, kể cả trong những vụ án liên quan đến ANQG.

3.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, nguyên nhân từ bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế và xã hội

Bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và những yếu tố làm phức tạp tình hình tội phạm xâm phạm ANQG. Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm xâm phạm ANQG tại Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ diễn biến chính

trị, kinh tế và xã hội cả trong nước và quốc tế. Trên phạm vi toàn cầu, các thách thức về an ninh truyền thống và phi truyền thống, trong đó nổi bật là xung đột vũ trang, gián điệp mạng và các hình thức chiến tranh phi đối xứng như chiến tranh mạng, chiến tranh thương mại, chiến tranh thông tin... dẫn đến nguy cơ bất ổn về mặt chính trị, kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Việt Nam phải đối mặt với nhiều nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với khu vực và thế giới; nguy cơ “diễn biến hòa bình” do các thế lực thù địch thực hiện; tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ và tình trạng tham nhũng, lãng phí; phân hóa xã hội, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng...

Đặc biệt, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ cũng như những tiện ích trên không gian mạng đã được các đối tượng xấu triệt để sử dụng, làm phương tiện tuyên truyền, phát tán tài liệu phản động, thành lập các hội nhóm chống phá, kêu gọi tụ tập, biểu tình gây rối trật tự công cộng, xuyên tạc về chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt đối với các bị can đang bị điều tra về các tội danh liên quan đến xâm phạm ANQG (chẳng hạn như Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, Phạm Đoan Trang,...). Đồng thời, với tính chất đặc biệt của tội phạm xâm phạm ANQG, quá trình điều tra vụ án thường xuyên chịu sự quan tâm từ các cơ quan, tổ chức nước ngoài.

Thứ hai, nguyên nhân từ sự chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật Tố tụng hình sự

Một là, đối với quy định về những nguyên tắc cơ bản của TTHS. Hệ thống các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS hiện hành còn tồn tại sự trùng lặp và phân tán về nội dung, làm giảm tính khoa học và hiệu lực bảo đảm quyền của bị can. Cụ thể, nội dung về trách nhiệm chứng minh tội phạm và quyền không buộc phải chứng minh mình vô tội vốn là bộ phận cấu thành của nguyên tắc suy đoán vô tội, nhưng lại được quy định tách riêng tại Điều 15 BLTTHS năm 2015. Cách tiếp cận này không chỉ thiếu thống nhất với thông lệ lập pháp quốc tế mà còn làm mờ nhạt ý nghĩa bảo vệ quyền con người của nguyên tắc suy đoán vô tội,

đặc biệt trong giai đoạn điều tra. Cùng với đó, với đặc trưng mô hình TTTHS Việt Nam mang tính pha trộn, thiên về thẩm vấn, trách nhiệm xác định sự thật vụ án chủ yếu đặt lên các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, các nguyên tắc hiện hành chưa nhấn mạnh đầy đủ nghĩa vụ của các cơ quan này trong việc chứng minh cả yếu tố buộc tội và gỡ tội. Điều này dễ dẫn đến tư duy thiên lệch trong hoạt động điều tra, có thể ảnh hưởng đến quyền của bị can.

Nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong TTTHS hiện nay còn chưa quy định về cơ chế giám sát xã hội trực tiếp, đặc biệt là giám sát của cá nhân trong giai đoạn điều tra. Điều 33 BLTTTHS năm 2015 mới chỉ ghi nhận giám sát của các cơ quan nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, trong khi quyền giám sát của cá nhân chưa được ghi nhận rõ ràng. Trong bối cảnh giai đoạn điều tra còn hạn chế về tính công khai và tranh tụng, việc thiếu cơ chế giám sát này làm suy giảm khả năng phát hiện và ngăn ngừa các hành vi xâm phạm quyền con người của bị can.

Hai là, đối với quy định về các quyền tố tụng của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

- *Quy định về quyền bào chữa*. Mặc dù những quy định về quyền bào chữa đã được thể hiện cụ thể trong các văn bản quy định của pháp luật hiện hành, tuy nhiên vẫn còn một số quy định còn chưa thống nhất, ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG. Theo quy định tại Điều 74 BLTTTHS về “*trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với các tội phạm xâm phạm ANQG thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra*”.

Như đã đề cập ở phần trên, Nghiên cứu sinh cho rằng quy định này là cần thiết, phù hợp với tính chất của nhóm tội phạm xâm phạm ANQG trong tình hình hiện nay. Tuy nhiên, so sánh trong tương quan với các bị can thuộc các VAHS khác, quy định này phần nào chưa đồng nhất.

Cùng với đó, quy định về hoạt động thăm gặp của người bào chữa tại

Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, TAND tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Thông tư 46/2019/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 10/10/2019 đối với bị can đang bị tạm giữ, tạm giam cũng có những khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện. Theo đó, việc tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam gặp người bào chữa phải tuân thủ quy định tại Điều 80 của BLTTHS và các Điều 22, 34 của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam. Sau khi tiếp nhận văn bản thông báo về việc bào chữa, cơ sở giam giữ có trách nhiệm tổ chức cuộc gặp theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, việc gặp gỡ có thể được giám sát bởi người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án, phối hợp với cơ sở giam giữ. Tuy nhiên, hiện chưa có quy định cụ thể về “*trường hợp cần thiết*” để người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng giám sát cuộc gặp giữa luật sư bào chữa với bị can.

- *Quy định về quyền được thông tin của bị can.* Mặc dù BLTTHS đã ghi nhận quyền được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, trong đó có bị can, nhưng việc triển khai thực tế vẫn còn thiếu cụ thể và đồng bộ; pháp luật hiện hành chưa quy định rõ thời điểm mà Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát phải thông báo lý do khởi tố bị can.

Theo quy định tại Điều 71 BLTTHS, các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm “*thông báo, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng*”. Quy định này xác lập nghĩa vụ pháp lý đối với các chủ thể tiến hành tố tụng trong việc đảm bảo quyền được thông tin cho bị can; khoản 5 Điều 179 BLTTHS quy định, ngay khi nhận được quyết định phê chuẩn khởi tố bị can hoặc quyết định khởi tố của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra phải giao ngay quyết định này cho bị can và đồng thời giải thích rõ quyền, nghĩa vụ của họ. Tương tự, tại khoản 2 Điều 183 cũng yêu cầu Điều tra viên trước khi tiến hành hỏi cung lần đầu phải giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị can. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn những khoảng trống

pháp lý trong việc xác định thời điểm cụ thể và nội dung đầy đủ của việc thông báo lý do khởi tố. Do đó, việc hoàn thiện các quy định pháp luật, quy định rõ thời điểm thông báo là điều cần thiết nhằm bảo đảm quyền cho bị can theo đúng pháp luật TTHS.

- Quy định về quyền con người của bị can trong việc áp dụng và thay đổi các biện pháp ngăn chặn. Trên thực tế, BLTTHS chưa quy định cụ thể trách nhiệm giao gửi các quyết định liên quan đến việc thay đổi, hủy bỏ hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bị can. Sự thiếu vắng này dẫn đến nguy cơ các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thông báo hoặc chậm trễ trong gửi các quyết định nói trên, gây ảnh hưởng đến quyền được biết và quyền được bảo vệ của bị can. Bên cạnh đó, liên quan đến quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và trình bày yêu cầu, ý kiến về các chứng cứ đó, khoản 4 Điều 88 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định rằng khi bị can cung cấp các chứng cứ, tài liệu, đồ vật hoặc dữ liệu điện tử liên quan đến vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng phải lập biên bản giao nhận và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Điều 175 cũng yêu cầu các cơ quan này có trách nhiệm xem xét, giải quyết các yêu cầu, đề nghị của bị can và thông báo kết quả giải quyết. Trường hợp không chấp nhận, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời và nêu rõ lý do để bị can có cơ sở thực hiện quyền khiếu nại. Tuy nhiên, quy định hiện tại về nghĩa vụ giải quyết yêu cầu, đề nghị của bị can vẫn mang tính khái quát, thiếu tính cụ thể trong việc xác định thời hạn xử lý, có thể dẫn đến tình trạng trì hoãn, kéo dài thời gian, khiến người bị buộc tội và các chủ thể tham gia tố tụng khó khăn khi xác định thời điểm có thể thực hiện quyền khiếu nại.

Chính vì vậy, cần thiết bổ sung vào BLTTHS quy định về nghĩa vụ giao, gửi các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cho bị can trong thời gian sớm nhất có thể, đồng thời quy định rõ thời hạn cụ thể để các cơ quan tố tụng xử lý các yêu cầu, đề nghị của bị can. Việc hoàn thiện các quy định

này không chỉ bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động tố tụng mà còn là yếu tố then chốt để bảo vệ quyền con người trong quá trình điều tra, truy tố.

Ba là, đối với quy định của pháp luật TTHS về trình tự, thủ tục điều tra nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Về các biện pháp ngăn chặn. BLTTHS quy định cả căn cứ chung áp dụng biện pháp ngăn chặn tại khoản 1 Điều 109, đồng thời có thêm các căn cứ riêng đối với từng biện pháp. Trong đó, áp dụng biện pháp tạm giam được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa phân loại tội phạm và các yếu tố khác (nguy cơ bỏ trốn, tiếp tục phạm tội hoặc gây cản trở điều tra, truy tố, xét xử). Tuy nhiên, đối với tội xâm phạm ANQG, pháp luật cho phép áp dụng tạm giam nếu “thấy cần thiết” mà không yêu cầu phải chứng minh các yếu tố nguy cơ cụ thể nêu trên. Thực tế, không ít bị can phạm tội rất nghiêm trọng nhưng có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả để được hưởng sự khoan hồng, do đó tác giả cho rằng khi xem xét những bị can trong các vụ án này cần xem xét thêm yếu tố nhân thân và thái độ ăn năn hối cải, hợp tác của bị can.

Về biện pháp cưỡng chế áp giải. BLTTHS quy định khá đầy đủ về thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục thực hiện nhằm đảm bảo hiệu quả tố tụng và bảo vệ quyền con người. Thẩm quyền ra quyết định áp giải gồm: Điều tra viên, cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Kiểm sát viên, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, luật chưa xác lập căn cứ áp dụng cụ thể cho biện pháp này. Trên thực tế, căn cứ áp giải được hiểu dựa trên quy định chung tại Điều 126 về biện pháp cưỡng chế, với mục đích phục vụ hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Việc thiếu quy định rõ ràng dẫn đến khoảng trống pháp lý, gia tăng nguy cơ áp dụng tùy tiện, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do thân thể và tự do đi lại của bị can.

Về nguyên nhân đến từ yếu tố con người

Mặc dù hiện nay đội ngũ cán bộ của các cơ quan tiến hành tố tụng về cơ bản đã được bố trí tương đối đầy đủ về số lượng, song trên thực tế vẫn còn tồn tại sự chưa đồng đều về chất lượng chuyên môn, trình độ nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn. Một bộ phận cán bộ điều tra, Điều tra viên và Kiểm sát viên vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định về năng lực chuyên môn, kỹ năng áp dụng pháp luật cũng như khả năng xử lý các tình huống nghiệp vụ phức tạp. Bên cạnh đó, việc chưa thường xuyên, kịp thời cập nhật các quy định pháp luật mới và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả giải quyết vụ án, đặc biệt là trong việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

Đối với các vụ án xâm phạm ANQG, đây là loại án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, nhạy cảm về chính trị, do đó đòi hỏi người bào chữa không chỉ có trình độ chuyên môn pháp lý vững vàng mà còn phải có nhận thức chính trị đúng đắn, ý thức trách nhiệm cao và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong thực tiễn vẫn xuất hiện một số trường hợp người bào chữa vì động cơ cá nhân, thiếu bản lĩnh chính trị hoặc bị các đối tượng mua chuộc, xúi giục, đã thực hiện những hành vi vượt quá phạm vi, giới hạn cho phép của hoạt động bào chữa. Những hành vi này không những vi phạm pháp luật mà còn gây cản trở, làm phức tạp thêm quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và xử lý vụ án.

Ngoài ra, nguyên nhân còn xuất phát từ nhân thân và thái độ của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG. Trên thực tế, nhiều bị can có tư tưởng chống đối chính trị sâu sắc, thái độ ngoan cố, không ăn năn hối cải, thậm chí chống đối quyết liệt các cơ quan tiến hành tố tụng. Chính thái độ bất hợp tác này khiến cho quá trình làm việc của Cơ quan ANĐT gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong việc triển khai và thực hiện các cơ chế bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho chính bị can theo quy định của pháp luật.

Kết luận chương 3

Quán triệt thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước ta về phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, những năm qua, Cơ quan ANĐT các cấp đã nỗ lực, chủ động cùng với các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý nhiều đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Trong đó có nhiều vụ án phức tạp, tính chất nghiêm trọng. Tuy các vụ phạm tội xâm phạm ANQG được thực hiện bởi các đối tượng có âm mưu, phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, có sự can thiệp, ủng hộ từ phía nước ngoài, nhưng về cơ bản hoạt động của các chủ thể, cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt trong giai đoạn điều tra VAHS được thực hiện đã bảo đảm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo được các nhóm quyền của bị can quy định trong BLTTHS như: nhóm quyền về thông tin của bị can, nhóm quyền tự do thân thể, quyền bào chữa và những quyền khác.

Tuy nhiên việc thực hiện quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG vẫn gặp một số hạn chế như tiến độ điều tra còn chậm, thời hạn điều tra vụ án phải gia hạn; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trong một số trường hợp, nhất là biện pháp tạm giam luôn là vấn đề mà các đối tượng xấu lợi dụng để xuyên tạc, vu cáo nhằm gây ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, xử lý vụ án. Điều này xuất phát từ một số nguyên nhân chủ quan và khách quan đến từ những điểm chưa hoàn thiện trong BLTTHS, đội ngũ cán bộ của cơ quan tiến hành tố tụng chưa thật sự đảm bảo về chất lượng, thái độ chống đối, không hợp tác của bị can.

Chương 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. ĐỊNH HƯỚNG LIÊN QUAN ĐẾN BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải gắn liền với chính sách của Đảng về chiến lược phát triển con người

Việc bảo vệ quyền con người của bị can phải được thực hiện đồng bộ với đường lối, chủ trương của Đảng và phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn phát triển đất nước. Bảo đảm quyền con người nói chung, và quyền của bị can trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng, là một trong những mục tiêu quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đặt ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một thành phần thiết yếu trong các chính sách chiến lược; việc đảm bảo quyền con người của bị can cần được thực hiện song song với các mục tiêu chính trị khác, nhằm góp phần hiện thực hóa các nhiệm vụ cách mạng của đất nước.

Hiến pháp năm 2013 cùng các văn kiện của Đảng ta đã xác định quyền con người được bảo vệ trong khuôn khổ Nhà nước pháp quyền XHCN. Đảng khẳng định quyền con người bao gồm quyền sống, quyền được bảo vệ tính mạng, quyền tự do, quyền được bảo vệ danh dự và quyền được xét xử công bằng. Đặc biệt, trong các nghị quyết của Đảng, quyền con người luôn được cân bằng với yêu cầu bảo đảm ANQG. Nhiều văn kiện chính thức và Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh phát triển con người là mục tiêu trung tâm của mọi Chiến lược phát triển quốc gia.

Nghị quyết Đại hội XIII năm 2021 xác định các yêu cầu như: phát triển con người toàn diện gắn với quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo vệ công bằng xã hội, xây dựng con người có đạo đức, nhân cách và năng lực sáng tạo, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp trong mọi quá trình. Đảng coi quyền con người là bất khả xâm phạm và cam kết bảo vệ trong mọi tình huống, bao gồm cả trong quá trình điều tra tội phạm, nhằm ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm quyền này. Trong Văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta cũng xác định rõ ràng rằng phát triển con người là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển quốc gia. Đảng coi con người là trung tâm của chiến lược phát triển bền vững, vì vậy phải chăm lo đến mọi mặt đời sống của con người, từ giáo dục, y tế, văn hóa, đến việc làm và an sinh xã hội, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Điều này bao gồm cả việc nâng cao tri thức, đạo đức, và năng lực sáng tạo của con người, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế số và cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một phần quan trọng trong chiến lược này là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào giáo dục và đào tạo, nhất là ở các ngành mũi nhọn như khoa học công nghệ, y tế, và quản lý [19]. Nói cách khác, chính sách của Đảng và Nhà nước về chiến lược phát triển con người luôn đề cập đến con người nói chung, không phân biệt về địa vị pháp lý của họ, đặc biệt đối với các bị can đang tham gia các hoạt động tố tụng. Chính sách này của Đảng và Nhà nước ta hoàn toàn phù hợp với những chuẩn mực quốc tế về quyền con người và bảo đảm quyền con người nói chung.

Cùng với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Đảng một lần nữa khẳng định con người là trung tâm của sự phát triển bền vững và lâu dài. Sự phát triển kinh tế phải đi đôi với nâng cao chất lượng đời sống con người, trong đó bao gồm việc bảo đảm các quyền cơ bản của công dân. Đặc biệt, trong các vụ án xâm phạm ANQG, việc bảo vệ quyền con người của bị can cần được thực hiện một cách nghiêm túc, song hành với các mục tiêu chính trị và pháp luật, nhằm đảm bảo công bằng và minh bạch trong quá trình điều tra và xử

lý. Vì vậy, mọi chính sách và chiến lược phát triển đều hướng đến cải thiện đời sống nhân dân thông qua nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường và tạo cơ hội việc làm. Đảng yêu cầu thực hiện cải cách mạnh mẽ hệ thống giáo dục, đồng thời đẩy mạnh các chính sách hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho lực lượng lao động, đặc biệt ở những khu vực có trình độ lao động chưa cao.

Chiến lược cũng đề cao việc phát triển văn hóa con người, không chỉ tập trung vào xây dựng nền tảng đạo đức mà còn gắn với phát triển toàn diện trí tuệ, thể chất và năng lực sáng tạo. Mục tiêu là hình thành những con người có bản lĩnh, khát vọng vươn lên, đồng thời đủ năng lực thích nghi với môi trường xã hội thay đổi nhanh chóng, trong đó quyền con người, kể cả quyền của bị can trong các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia, luôn được bảo đảm và tôn trọng.

4.1.2. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bảo đảm quyền con người

Bảo đảm quyền con người của bị can phải gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mà trong đó phải đáp ứng nội dung hết sức cơ bản đảm bảo pháp chế, tăng cường trách nhiệm của Nhà nước với công dân.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đã đưa ra quy định như sau: *“Tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật là nguyên tắc có tính nền tảng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam”*; *“Đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong hoạt động tư pháp”*; *“Đẩy mạnh cải cách hành chính và xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, vì nhân dân”* [2].

Nhà nước pháp quyền XHCN là mô hình đặc trưng, dựa trên nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất, đồng thời có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong mô hình này, con người được đặt ở trung tâm; mọi chủ trương, chính sách đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, đồng thời thực hiện dân chủ một cách thực chất, mở rộng quyền tham gia của người dân vào các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội.

Nhà nước pháp quyền giữ vai trò then chốt trong việc bảo đảm, bảo vệ và phát triển quyền con người. Vai trò này được xác định bởi tính độc lập tương đối và khả năng tự chủ cao của Nhà nước trong mối quan hệ với con người và xã hội. Chỉ trong một nhà nước pháp quyền, con người mới được đặt đúng vị trí của mình, với đầy đủ quyền và nghĩa vụ pháp lý, sống trong môi trường công lý và lẽ phải. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vừa tuân thủ các nguyên tắc và giá trị phổ quát được thừa nhận trong các nhà nước pháp quyền, đồng thời vận dụng sáng tạo các nguyên lý này vào điều kiện cụ thể của Việt Nam nhằm giữ vững định hướng phát triển XHCN. Do đó, để xây dựng nền tư pháp công bằng, dân chủ, nơi công lý được thực thi một cách nghiêm minh, việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra, đặc biệt đối với các tội phạm xâm phạm ANQG, không thể tách rời quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Trong các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XII và XIII, đều có các mục tiêu rõ ràng về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Nghị quyết đề cập đến các vấn đề như cải cách hành chính, cải cách tư pháp, tăng cường pháp quyền và bảo vệ quyền con người trong một nhà nước hiện đại. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: *“Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền XHCN”* [19]. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng đề cập đến việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân và nâng cao hiệu

quả quản lý nhà nước. Đồng thời, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới cũng đã khẳng định cần bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật, đồng thời tăng cường kiểm soát quyền lực; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia rộng rãi, thực chất của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết 66 đã đặt ra yêu cầu mang tính nguyên tắc và xuyên suốt: tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người trong mọi hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên tinh thần đó, Nghị quyết đặc biệt nhấn mạnh trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền con người một cách thực chất, không hình thức, nhất là trong hoạt động TTTHS. Đối với bị can trong giai đoạn điều tra, bao gồm cả các vụ án xâm phạm an ninh quốc gia, yêu cầu đặt ra là phải tuyệt đối thượng tôn pháp luật, nghiêm cấm mọi biểu hiện tùy tiện, lạm quyền; bảo đảm đầy đủ các quyền cơ bản như quyền được suy đoán vô tội, quyền bào chữa, quyền được đối xử nhân đạo, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm, quyền không bị bức cung, nhục hình. Việc bảo vệ ANQG là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, song càng trong lĩnh vực nhạy cảm thì càng phải giữ vững nguyên tắc “không đánh đổi quyền con người lấy yêu cầu điều tra”, không để mục tiêu đấu tranh phòng, chống tội phạm trở thành cái cớ cho việc vi phạm pháp luật và xâm hại quyền công dân.

4.1.3. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải được đặt trong bối cảnh đánh giá đầy đủ những yếu tố tác động từ tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế

Đây là cơ sở quan trọng để định hướng xây dựng các giải pháp vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ ANQG, vừa bảo đảm thực hiện đúng đắn, hiệu quả các quyền con người theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Trên bình diện quốc tế và khu vực, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, biến đổi nhanh chóng và khó lường, với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, nguy cơ xung đột cục bộ và hình thành các “điểm nóng” về an ninh, chính trị. Những diễn biến này không chỉ làm gia tăng căng thẳng trong quan hệ quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các loại tội phạm xâm phạm ANQG phát sinh và hoạt động ngày càng tinh vi, như khủng bố quốc tế, gián điệp, tội phạm mạng và các nhóm vũ trang trái phép. Xu hướng chạy đua vũ trang, bao gồm cả vũ khí công nghệ cao và vũ khí hủy diệt lớn, tiếp tục tiềm ẩn nguy cơ bị các tổ chức tội phạm hoặc các nhóm cực đoan lợi dụng, đe dọa nghiêm trọng đến an ninh nội bộ của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Bên cạnh đó, toàn cầu hóa và sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng sâu sắc giữa các quốc gia làm nổi bật các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh nguồn nước và khủng bố quốc tế. Những thách thức này vừa tạo áp lực đối với công tác quản lý nhà nước, vừa làm gia tăng tính xuyên quốc gia của tội phạm xâm phạm ANQG. Cùng với đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, vừa mở ra cơ hội nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, vừa làm gia tăng các mối đe dọa từ tội phạm mạng và các hành vi phá hoại an ninh thông tin, cơ sở hạ tầng quốc gia. Việc áp dụng các biện pháp điều tra dựa trên công nghệ cao trong các vụ án xâm phạm ANQG có thể tác động sâu sắc đến quyền riêng tư, quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân của bị can, đòi hỏi phải có định hướng rõ ràng nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ ANQG và bảo vệ quyền con người nói chung, quyền con người của bị can nói riêng.

Việt Nam, với vị trí địa chính trị, địa kinh tế quan trọng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tiếp tục là đối tượng bị các thế lực thù địch gia tăng hoạt động chống phá thông qua các chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ và nhân quyền nhằm gây mất ổn định chính trị

- xã hội. Sự thiếu ổn định trong chính sách, pháp luật và những hạn chế trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực có thể làm suy giảm lòng tin của nhân dân, trở thành nguyên nhân nội sinh dẫn đến các hành vi xâm phạm ANQG. Trong điều kiện đó, yêu cầu bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra càng đòi hỏi phải được thực hiện một cách thận trọng, chặt chẽ và đúng pháp luật. Ngoài ra, các vấn đề xã hội như thất nghiệp, thu nhập không ổn định, khoảng cách giàu nghèo gia tăng, quá trình đô thị hóa nhanh, khiếu kiện đông người vượt cấp, cùng với các thách thức an ninh phi truyền thống như biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, tiếp tục tạo áp lực lớn đối với công tác bảo đảm an sinh xã hội và ổn định xã hội. Những yếu tố này không chỉ làm tăng nguy cơ phát sinh các “điểm nóng” về an ninh, trật tự mà còn tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng, kích động, lôi kéo người dân tham gia các hoạt động chống phá Nhà nước.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG trong thời gian tới cần được định hướng trên cơ sở nhận diện đầy đủ các yếu tố tác động từ bên ngoài và bên trong đất nước. Trên cơ sở đó, các cơ quan tiến hành tố tụng phải chủ động xây dựng và thực hiện các giải pháp phù hợp, bảo đảm sự hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ ANQG và việc tôn trọng, bảo vệ quyền con người theo đúng tinh thần Hiến pháp và pháp luật.

4.1.4. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải phù hợp với các tiêu chí quốc tế về quyền con người và hướng đến hội nhập quốc tế

Bảo đảm quyền con người của bị can phải phù hợp với các tiêu chí về nhân quyền được ghi nhận trong pháp luật quốc tế, bởi đây là thành tựu chung của nhân loại, là kết quả đấu tranh hàng nghìn năm của tư tưởng tiến bộ với các thế lực độc tài. Chuyển tải những tiêu chí quốc tế về quyền con người nói chung, quyền con người trong TTHS nói riêng vào pháp luật quốc gia thể hiện sự nhận

thực tiễn bộ, hợp quy luật của thời đại. Mỗi quốc gia căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, chính trị, pháp lý của mình mà quyết định lộ trình và cách thức nội luật hoá các quy định của pháp luật quốc tế vào trong pháp luật quốc gia mình. Do đó, các quy định của pháp luật TTHS về bảo đảm của quyền con người của bị can phải được xây dựng trên cơ sở các tiêu chí quốc tế về quyền con người.

Bảo đảm quyền con người của bị can trên cơ sở kế thừa truyền thống pháp luật Việt Nam, tiếp thu có chọn lọc những quy định nước ngoài phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Việc hoàn thiện quy định về cần gắn với đặc thù của mô hình TTHS Việt Nam, đảm bảo tính ổn định, tránh gây những xáo trộn cho hoạt động TTHS. Theo đó, cập tiếp tục duy trì, phát huy những ưu điểm của mô hình tố tụng thẩm vấn, tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tiên bộ của mô hình TTHS tranh tụng trên thế giới phù hợp với truyền thống văn hóa, trình độ dân trí, ý thức pháp luật và các điều kiện thực tiễn khác của Việt Nam. Đặc biệt, những thay đổi về mặt tổ chức của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cần được cân nhắc hết sức thận trọng trên cơ sở đánh giá toàn diện cả về lý luận và thực tiễn, tránh việc “sao chép” máy móc mô hình của nước ngoài mà không tính tới điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Hội nhập quốc tế về quyền con người là một yếu tố quan trọng để bảo đảm tính hợp pháp và tính công bằng trong hệ thống pháp luật của một quốc gia. Việc bảo vệ quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm An ninh quốc gia cần tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc cam kết, như Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Công ước chống tra tấn và các hình thức đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT); Tuyên ngôn về quyền con người của LHQ (UDHR)... Theo đó, để bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, cần phải đảm bảo xây dựng quy trình điều tra minh bạch và công bằng, bảo đảm bị can không bị đối xử tồi tệ, có quyền tiếp cận công lý, có sự tham gia của luật sư trong quá trình điều tra và có thể yêu cầu xét xử công

bằng. Các quốc gia cần bảo đảm rằng không có sự phân biệt trong quyền tiếp cận công lý giữa các loại tội phạm.

Đồng thời, khi thực hiện quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG cũng cần tăng cường đối thoại quốc tế thông qua đó có thể học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong việc thực hiện công tác bảo vệ quyền con người trong quá trình điều tra, từ đó cải thiện các quy trình trong nước và đảm bảo sự hội nhập quốc tế.

Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế giúp bảo vệ quyền lợi của bị can, đồng thời tăng cường tính hợp pháp trong mắt cộng đồng quốc tế; Nâng cao uy tín quốc gia trong bảo đảm quyền con người trong quá trình điều tra không chỉ giúp bảo vệ các quyền cơ bản mà còn nâng cao uy tín quốc gia trong cộng đồng quốc tế về việc tôn trọng các cam kết về quyền con người. Hướng đến hội nhập quốc tế giúp quốc gia thực hiện các cam kết bảo vệ quyền con người, qua đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của bị can, đảm bảo sự công bằng và công lý trong quá trình tố tụng. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG không chỉ là trách nhiệm trong nước mà còn là nghĩa vụ quốc tế. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của bị can mà còn nâng cao uy tín và tính hợp pháp quốc gia trong cộng đồng quốc tế. Do đó, việc hướng đến hội nhập quốc tế trong công tác bảo vệ quyền con người là một yêu cầu cần thiết để xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch, công bằng và nhân đạo.

4.1.5. Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia phải khắc phục được các hạn chế trong thực tiễn điều tra

Việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự không chỉ nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, mà còn góp phần duy trì trật tự, kỷ cương xã hội, bảo vệ quyền dân chủ cũng như lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Điều này đồng nghĩa với

việc bị can phải được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định. Trách nhiệm ấy gắn liền với hoạt động của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành điều tra, đòi hỏi họ phải tuân thủ đúng pháp luật TTHS với tinh thần trách nhiệm cao. Nhờ vậy, tình trạng lạm quyền, tùy tiện hay vi phạm trong quá trình điều tra sẽ được hạn chế, đồng thời góp phần khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật, bảo vệ lợi ích Nhà nước và trật tự pháp luật XHCN.

Trong tiến trình TTHS, giai đoạn điều tra có vai trò đặc biệt quan trọng, quyền con người của bị can cần được tôn trọng nghiêm ngặt. Pháp luật quy định bị can vẫn được bảo vệ một số quyền cơ bản như: quyền im lặng, quyền không bị ép cung, quyền có luật sư bảo vệ, quyền thông báo cho gia đình về việc bị bắt giữ, quyền không bị tra tấn hay đối xử vô nhân đạo. Tuy nhiên, đối với các vụ án xâm phạm ANQG, có thể đặt ra những yêu cầu đặc thù về bảo đảm an ninh và trật tự, dẫn đến sự giám sát chặt chẽ hơn. Dù vậy, việc này không được làm phương hại đến các quyền thiết yếu như quyền tiếp cận thông tin hay quyền được xét xử công bằng. Thực tế điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia thường phát sinh những hạn chế như áp lực về thời gian, cơ chế giám sát chưa đầy đủ, khiếu nại hoặc tố cáo chưa được giải quyết thỏa đáng. Vì vậy, việc bảo đảm quyền con người của bị can cần có những giải pháp đồng bộ cả về pháp lý lẫn thực tiễn. Do đó, bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG cần phải hướng đến việc khắc phục được các hạn chế trong thực tiễn điều tra. Hoạt động này có thể được thực hiện thông qua hoạt động hoàn thiện quy định của pháp luật TTHS về địa vị pháp lý, quyền của bị can trong TTHS nói chung và trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng; đồng thời còn là sự hoàn thiện những quy định trong thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng và trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn cũng như các hoạt động điều tra. Sự hoàn thiện này được thực hiện dựa trên những đánh giá về hạn chế trong công tác bảo đảm quyền con người của bị can trong các VAHS nói chung và các vụ án xâm phạm ANQG nói

riêng trong thực tiễn. Điều này sẽ là cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Cùng với đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao nhận thức về quyền con người của những người tiến hành tố tụng; Tăng cường sự minh bạch trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung và các vụ án xâm phạm ANQG nói riêng.

4.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CỦA BỊ CAN TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân là trách nhiệm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN. Nhà nước thực hiện các biện pháp về thể chế lập pháp, hành pháp, tư pháp và quản lý chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa để hiện thực hóa các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người, quyền công dân trong hoạt động của Nhà nước và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy quyền con người trong thực tế.

Trong những năm qua, cơ quan ANĐT các cấp đã nỗ lực, chủ động cùng với các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý nhiều đối tượng phạm tội xâm phạm ANQG. Trong đó có nhiều vụ án phức tạp, tính chất nghiêm trọng, như các vụ khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân xảy ra tại Đắk Lắk, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương; các vụ phạm tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam được thực hiện bởi các đối tượng cộm cán như Nguyễn Lâm Thắng, Phạm Đoàn Trang,... Tuy các vụ phạm tội xâm phạm ANQG được thực hiện bởi các đối

tượng có âm mưu, phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, có sự can thiệp, ủng hộ từ phía nước ngoài, nhưng về cơ bản hoạt động của các chủ thể, cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt trong giai đoạn điều tra VAHS được thực hiện đã bảo đảm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều này xuất phát từ việc Cơ quan ANĐT các cấp đã quán triệt thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước ta về phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, đồng thời bảo đảm quyền con người của các chủ thể tham gia tố tụng nói chung, đặc biệt là bị can trong các vụ án này.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã nêu những định hướng lớn: *“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu chiến lược phát triển. Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật”* [18]. Đảng ta đã chỉ ra bảy chuẩn mực cơ bản của con người Việt Nam hiện nay, là yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Trên cơ sở những hệ giá trị chuẩn mực chung này, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị xây dựng thành những tiêu chí phẩm chất, năng lực của con người phù hợp. Đến Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã tiếp tục nhấn mạnh: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực”, “Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội... đề cao ý thức trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật”* và *“Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam”* [19]. Như vậy, qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn đặt nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện gồm hệ giá trị chuẩn mực, trọng tâm là tạo môi trường và điều kiện để con người Việt Nam phát triển toàn diện.

Bị can, đặc biệt là các bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG ngày càng đa dạng, phức tạp, thuộc nhiều giai tầng xã hội khác nhau, có xu hướng trẻ hóa về độ tuổi; đặc biệt trong các đối tượng này, nhiều đối tượng có trình độ học vấn cao, am hiểu tình hình chính trị xã hội, có nhân thân đặc biệt; dù kinh nghiệm chống đối không nhiều nhưng đặc biệt nguy hiểm, luôn được các tổ chức nước ngoài tìm kiếm, tạo dựng để trở thành “ngọn cò” trong các hoạt động xâm phạm ANQG. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc bảo đảm quyền của các bị can, sao cho phù hợp với những quan điểm, chính sách và chiến lược phát triển con người của Đảng và Nhà nước ta; tạo nên sự bình đẳng, toàn diện đối với những người tham gia tố tụng khác. Cùng với đó, tội phạm xâm phạm ANQG là loại tội phạm có tính chất đặc thù cả về tính chất nguy hiểm, chủ thể tiến hành, khách thể bị xâm hại, phương thức, thủ đoạn thực hiện, hậu quả tác hại gây ra cho xã hội. Nguyên nhân của tội phạm xâm phạm ANQG cũng không giống với nguyên nhân của các loại tội phạm khác, do đó mọi hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với vấn đề này càng cần phải quan tâm hơn nữa.

Hiện nay, Đảng ta đã ban hành một số văn bản mang tính chất chỉ đạo đối với việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ ANQG phù hợp với từng giai đoạn, thời kỳ phát triển của đất nước. Trong Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013, Đảng ta xác định: *“Ở trong nước, sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém”*, *“Tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường và mở cửa hội nhập quốc tế ngày càng bộc lộ rõ và gay gắt. Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cùng với sự xuống cấp về các giá trị văn hóa, đạo đức, tình trạng phân cực giàu nghèo, khiếu kiện đông người có xu hướng ngày càng tăng. Những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa có xu hướng công khai và ngày càng nghiêm trọng hơn”*, *“Các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá ta về chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, về dân chủ, nhân*

quyền, dân tộc, tôn giáo; tuyên truyền, kích động, thực hiện diễn biến hoàn bình nhằm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta” [1]. Đến Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ ANQG chủ trương: “*Chủ động phòng ngừa, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động*”, “*Kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ ANQG với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chủ trương, chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển và trong từng đề án, dự án cụ thể*” [11]. Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 22/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới [11], Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới [9], Kết luận số 05-KL/TW ngày 15/7/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị số 48, Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm [13] đều xác định mục tiêu, quan điểm, giải pháp liên quan đến vấn đề khắc phục nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự. Trong quá trình điều tra đối với các vụ án xâm phạm ANQG, các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, Cơ quan An ninh điều tra các cấp luôn xác định bảo đảm quyền con người của bị can phải gắn liền với chính sách của Đảng về chiến lược phát triển con người, coi đây là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình.

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

4.2.2.1. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về các nguyên tắc cơ bản trong Tố tụng hình sự

Thứ nhất, kiến nghị sửa đổi nguyên tắc suy đoán vô tội

Theo đó, tác giả cho rằng, để phù hợp hơn cần sửa đổi nguyên tắc này theo hướng: “*Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS này quy định và có bản án*

kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”.

Căn cứ để đưa ra kiến nghị trên bởi trong nội hàm của nguyên tắc suy đoán vô tội đã bao gồm cả nội dung về trách nhiệm chứng minh tội phạm trong vụ án hình sự. Theo đó, chỉ vấn đề coi một người là có tội hoặc không có tội, cũng như trình tự, thủ tục chứng minh xác định đúng các tình tiết có thật của vụ án và đánh giá chúng dưới góc độ pháp lý thông qua việc thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ. Điều này có thể gặp trong pháp luật TTHS của một số quốc gia trên thế giới (Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Anh...) và pháp luật quốc tế khi nhóm nội dung về quyền được suy đoán vô tội và quyền không buộc phải chứng minh mình vô tội. Có thể kể đến như nội dung của Điều 14 BLTTHS của Liên bang Nga

“1. Bị can được coi là không có tội, chừng nào tội của họ không được chứng minh theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS này quy định và không bị Tòa án tuyên phạt bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật.

2. Người bị tình nghi hoặc bị can không có nghĩa vụ chứng minh sự vô tội của mình. Vấn đề chứng minh tội phạm và bác bỏ những chứng cứ nhằm bảo vệ cho người bị tình nghi hoặc bị can thuộc trách nhiệm của bên buộc tội.

3. Mọi nghi ngờ về tội phạm của bị can, nếu không được loại trừ theo trình tự, thủ tục do pháp luật TTHS này quy định thì phải được giải thích có lợi cho bị can.

4. Bản án kết tội không được dựa trên những giả định”.

Mặc dù vậy, nội dung tại Điều 15 BLTTHS năm 2015 lại quy định riêng về trách nhiệm chứng minh “*Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ*

quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”. Đây là sự trùng lặp về mặt nội dung trong quy định về những nguyên tắc cơ bản trong TTHS.

Tác giả cho rằng, với đặc trưng mô hình TTHS pha trộn thiên về thẩm vấn mà Việt Nam đang áp dụng đã đưa ra quy định về việc xác định sự thật của vụ án là trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước. Trách nhiệm này không chỉ bao gồm việc chứng minh tính có lỗi, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết bất lợi khác của người bị buộc tội mà còn bao hàm cả việc chứng minh người bị buộc tội không có tội, không có lỗi, chứng minh các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt của người bị buộc tội trong TTHS. Từ kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia trên thế giới, cũng như bản chất của nguyên tắc suy đoán vô tội và bản chất của mô hình TTHS Việt Nam, do đó việc quy định trách nhiệm chứng minh người bị buộc tội có tội hoặc không có tội là một phần không thể tách rời trong nguyên tắc suy đoán vô tội.

Vì vậy, tác giả kiến nghị tách nội dung *“trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội”* khỏi nguyên tắc xác định sự thật của vụ án và bổ sung vào nguyên tắc suy đoán vô tội. Sự bổ sung này một mặt bảo đảm tính khoa học, đầy đủ về mặt nội dung của nguyên tắc suy đoán vô tội, mặt khác đảm bảo tốt hơn nữa quyền con người của người bị buộc tội trong TTHS.

Thứ hai, bổ sung, sửa đổi nguyên tắc kiểm tra, giám sát trong TTHS.

Việc giám sát thực hiện quyền con người trong TTHS nói chung, trong giai đoạn điều tra VAHS nói riêng là yêu cầu khách quan nhằm hướng đến một hệ thống tố tụng công khai, minh bạch và vì con người, đảm bảo quyền con người khi tham gia tố tụng. Điều này được phản ánh qua quy định tại Điều 33 BLTTHS năm 2015, trong đó chỉ đề cập đến giám sát của các cơ quan Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, nhưng chưa bao gồm giám sát của cá nhân đối với các hoạt động tố tụng.

Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới đề ra quan điểm: *“quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân”* [2]. Hiến pháp 2013 cũng khẳng định *“tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân”* [59]. Để thực thi nguyên tắc này, hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nói chung và cơ quan tư pháp nói riêng phải *“tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”*. Tuy nhiên, giám sát của nhân dân được đề cập đến ở đây phần lớn được phân lớn được thực hiện trong giai đoạn xét xử VAHS, thông qua hoạt động của các cơ quan, tổ chức xã hội như Hội thẩm, luật sư, các bên tham gia tố tụng, báo chí hay các tổ chức xã hội...; hoặc các hoạt động phản biện xã hội, giám sát xã hội và giám định xã hội. Các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) là những cơ quan nhà nước, thực hiện công tác giám sát theo sự phân công của quyền lực Nhà nước, không thuộc vào cơ chế giám sát Nhân dân hay giám sát xã hội. Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết nhấn mạnh, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

Tác giả cho rằng giám sát của cá nhân là một hình thức giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền trong TTTHS. Cá nhân có thể thực hiện giám sát này thông qua các hoạt động khiếu nại, tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền, theo quy định tại Điều 469 và Điều 478 BLTTHS năm 2015. Ngoài ra, cá nhân cũng có thể giám sát gián tiếp thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, bởi các phương tiện này phản ánh dư luận xã hội, đồng

thời là công cụ độc lập để hình thành quan điểm, kết quả điều tra và giám sát riêng, từ đó tác động đến các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng như các cơ quan Nhà nước để xem xét, điều chỉnh và khắc phục những hạn chế, thiếu sót phát sinh trong quá trình thực hiện.

Đặc biệt, trong giai đoạn điều tra - giai đoạn mà tính công khai và tranh tụng còn hạn chế, giám sát của cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện các hành vi vi phạm quyền con người của bị can. Do vậy, cần thiết phải bổ sung hình thức này vào quy định tại Điều 33 BLTTHS năm 2015 như sau: “*Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đại biểu dân cử và cá nhân có quyền giám sát hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng...*”.

4.2.2.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về nội dung quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Thứ nhất, bổ sung quyền thu thập chứng cứ của bị can

Như đã phân tích, thu thập chứng cứ là nền tảng, điểm xuất phát của quá trình chứng minh trong TTHS. Tuy nhiên, với đặc trưng mô hình TTHS thiên về thẩm vấn ở nước ta, về phía bị can, chỉ người bào chữa mới có quyền thu thập chứng cứ. Người bào chữa có thể gặp người mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe trình bày các vấn đề liên quan; đồng thời đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử phục vụ bào chữa (khoản 2 Điều 88). Trong khi đó, các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có nhiều cách thức đa dạng để thu thập chứng cứ thông qua hoạt động điều tra, xem xét tại chỗ, xét hỏi tại phiên tòa, cũng như yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp chứng cứ, tài liệu, dữ liệu điện tử và trình bày tình tiết làm rõ vụ án. Sự chênh lệch này dẫn đến không bình đẳng trong việc đưa ra, đánh giá chứng cứ và đưa ra yêu cầu, làm hạn chế tính

tích cực của bị can trong việc chủ động tìm chứng cứ chứng minh vô tội và tình tiết giảm nhẹ để tự bào chữa.

Mặt khác, việc thu thập chứng cứ của người bào chữa nhằm bác bỏ, phủ nhận sự buộc tội hoặc giảm nhẹ tội lỗi cho bị can. Quyền của người bào chữa là quyền phái sinh từ quyền bào chữa của người bị buộc tội, nên sẽ không hợp lý nếu người bào chữa có quyền thu thập chứng cứ để bảo vệ bị can, còn chính bị can, chủ thể quyền bào chữa, lại không có quyền này. Vì vậy, cần bổ sung quyền thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, yêu cầu cho bị can vào điểm đ khoản 2 Điều 60 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Thứ hai, sửa đổi quy định về gặp giữa bị can và người bào chữa

Theo quy định tại Điều 73 và 80 của BLTTHS năm 2015, người bào chữa được gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Để gặp người bị tạm giam, Luật sư chỉ cần xuất trình văn bản thông báo người bào chữa và thẻ Luật sư. Cùng với đó, khoản 3 của Điều 22 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam 2015, việc gặp bị can đang bị tạm giam được quy định “*Người bào chữa được gặp người bị tạm giữ, người bị tạm giam để thực hiện bào chữa theo quy định của BLTTHS và Luật này tại buồng làm việc của cơ sở giam giữ hoặc nơi người bị tạm giữ, tạm giam đang khám bệnh, chữa bệnh; phải xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy tờ về việc bào chữa*” [60].

Điều 10 Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC quy định cơ chế phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan đang thụ lý vụ án và Viện kiểm sát trong việc tổ chức cho người bị tạm giữ, tạm giam gặp người bào chữa. Việc thăm gặp được thực hiện theo BLTTHS và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; khi cơ sở giam giữ nhận được văn bản thông báo người bào chữa của cơ quan thụ lý, phải bố trí cho người bào chữa gặp theo đúng quy định; Trường hợp cần giám sát cuộc gặp, cơ quan thụ lý phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức giám sát; nếu người bị tạm giữ, tạm giam hoặc người bào chữa vi phạm nội quy, cản trở giải quyết vụ án thì phải dừng ngay, lập biên bản, báo cáo thủ

trường cơ sở giam giữ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thụ lý để xử lý; Nếu người bào chữa đề nghị gặp tại nơi khám, chữa bệnh ngoài cơ sở giam giữ, cơ sở giam giữ trao đổi với bác sĩ điều trị; khi được đồng ý thì thông báo cho người bào chữa và cơ quan thụ lý để phối hợp. Đồng thời, cơ sở giam giữ phải quản lý, giám sát chặt chẽ, không để đưa/chuyên đồ vật cấm hoặc phát sinh vi phạm làm ảnh hưởng việc giải quyết vụ án.

Điều 12 Thông tư 46/2019/TT-BCA của Bộ Công an ban hành ngày 10/10/2019 cũng có quy định hướng dẫn về hoạt động giám sát đối với các cuộc gặp giữa người bào chữa và người bị buộc tội. Theo đó, trường hợp cần phải giám sát cuộc gặp thì Thủ trưởng, người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức giám sát; Nếu người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bào chữa có hành vi vi phạm nội quy cơ sở giam giữ hoặc cản trở việc giải quyết vụ án thì người có thẩm quyền giám sát phải dừng ngay cuộc gặp và lập biên bản, báo cáo với Thủ trưởng cơ sở giam giữ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết để xử lý. Đối với việc tham gia tố tụng của người bào chữa trong các vụ án xâm phạm ANQG, do đặc thù liên quan đến tính bảo mật những thông tin trong giai đoạn điều tra đối với các loại tội phạm này mà người bào chữa.

Trong khi đó, theo quy định của Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966, để tạo điều kiện chuẩn bị cho việc bào chữa, người bị buộc tội có quyền gặp riêng luật sư mà không có sự giám sát. Đoạn 34 của bình luận chung số 32 của HRC nêu rõ: *“Luật sư được phép gặp riêng khách hàng và trao đổi với người bị buộc tội trong bối cảnh đảm bảo tính bí mật của các trao đổi”* [53]. Tham khảo BLTTHS Đức, Nhật Bản cũng cho thấy người bị buộc tội trong TTHS của các quốc gia này được gặp và trao đổi riêng với khách hàng của mình (có thể bằng lời nói hoặc văn bản - BLTTHS Đức). Do đó để tạo điều kiện cho người bào chữa được gặp bị can bị tạm giam, tiếp cận ngay từ đầu với những chứng cứ buộc tội, gỡ tội có trong hồ sơ vụ án liên quan tới việc bào chữa, cần sửa đổi Điều 80 BLTTHS như sau:

Điều 80. Gặp và trao đổi giữa người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam.

“1. Người bào chữa có thể trao đổi với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam qua gặp trực tiếp và qua văn bản. Để gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam, người bào chữa phải xuất trình văn bản thông báo người bào chữa, thẻ luật sư hoặc thẻ trợ giúp pháp lý hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân....

...3. Trường hợp cần phải giám sát cuộc gặp, kiểm tra nội dung văn bản trao đổi giữa người bào chữa với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thì Thủ trưởng, người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phối hợp với cơ sở giam giữ tổ chức giám sát, kiểm tra. Nếu người bị tạm giữ, người bị tạm giam, người bào chữa có hành vi vi phạm nội quy cơ sở giam giữ hoặc cản trở việc giải quyết vụ án thì người có thẩm quyền giám sát phải dừng ngay cuộc gặp và lập biên bản, báo cáo với Thủ trưởng cơ sở giam giữ và thông báo bằng văn bản cho cơ quan đang thụ lý vụ án biết để xử lý.”

Tuy pháp luật hiện hành như BLTTHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 và Thông tư liên tịch đề nghị quyền gặp gỡ giữa người bào chữa và bị can, bị cáo bị tạm giam, nhưng thực tiễn cho thấy quy định này chưa được thực hiện đầy đủ. Phần lớn trường hợp, luật sư chỉ được tham dự các buổi hỏi cung theo điểm b khoản 1 Điều 73 BLTTHS, trong khi việc gặp gỡ riêng với thân chủ trước đó hiếm khi diễn ra.

Việc tiếp tục nghiên cứu, có thể tạo điều kiện cho phép luật sư tham gia sớm hơn trong các VAHS - bao gồm cả những vụ án có tính chất nhạy cảm như xâm phạm ANQG - không những góp phần bảo vệ hiệu quả quyền lợi của người bị buộc tội, mà còn tăng cường tính khách quan, toàn diện và hợp pháp trong hoạt động điều tra. Vì vậy, Nghiên cứu sinh cho rằng Điều 74 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cần được các cấp có thẩm quyền tiếp tục nghiên cứu các điều kiện, xem xét sửa đổi theo hướng mở rộng hơn về thời điểm cho phép người bào chữa được gặp bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quyền khiếu nại của bị can

Bảo đảm quyền khiếu nại, tố cáo của bị can ở giai đoạn điều tra là rất quan trọng bởi những hoạt động tố tụng do người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong giai đoạn này có ảnh hưởng rất lớn đến quyền con người của bị can, hạn chế, ngăn chặn kịp thời hậu quả do các hoạt động tố tụng vi phạm gây ra.

Mặc dù đã có những quy định tương đối đầy đủ về quyền của người khiếu nại (bao gồm cả bị can) tại khoản 1 Điều 472 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuy nhiên quy định trên là chưa đầy đủ. Đặc biệt, trong trường hợp khi người tham gia tố tụng nói chung và bị can nói riêng nộp đơn khiếu nại, có những trường hợp người khiếu nại gửi đơn đến cơ quan không có thẩm quyền giải quyết hoặc đơn có sai sót về hình thức, nội dung dẫn đến không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết. Trường hợp này, các cơ quan nhận đơn khiếu nại phải nhanh chóng thông báo cho người khiếu nại biết về việc thụ lý hay không thụ lý đơn để họ có thể gửi khiếu nại đến cơ quan khác có thẩm quyền giải quyết trong thời hiệu pháp luật quy định. Việc thông báo này bảo đảm đầy đủ quyền khiếu nại của người tham gia tố tụng. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) chỉ dừng lại ở việc quy định quyền được tác giả cứu sinh cho rằng cần phải bổ sung quy định người khiếu nại có quyền được nhận văn bản trả lời về việc thụ lý hay không thụ lý đơn để giải quyết khiếu nại, bổ sung vào điểm d khoản 1 Điều 472 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) được nhận thông báo về việc thụ lý đơn và được nhận quyết định giải quyết khiếu nại.

4.2.2.3. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Để tăng cường trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, tác giả cho rằng cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần quy định cụ thể nghĩa vụ phải thông báo, giải thích lý do bị bắt giữ cho bị can

Đối với một số biện pháp ngăn chặn như giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt quả tang, bắt người đang bị truy nã, tạm giam thì BLTTHS năm 2015 chưa có quy định về thông báo, giải thích lý do bị bắt, giữ. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Công ước về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 thì “*Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo, vào lúc bị bắt, vì những lý do người đó bị bắt và phải được thông báo không chậm trễ về bất kỳ sự buộc tội nào đối với người đó*” [35]. Như vậy, quyền được thông báo vì lý do bị bắt, giữ là quyền cơ bản của con người được ghi nhận trong các Văn bản pháp lý quốc tế về quyền con người, cũng như trong pháp luật TTHS của một số quốc gia. Việc bảo đảm quyền này đặt ra nghĩa vụ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo, giải thích về lý do và sự buộc tội đối với người bị bắt, giữ. Nghĩa vụ đó phải được ghi nhận trong pháp luật TTHS làm cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tuân thủ nghiêm chỉnh trong khi giải quyết VAHS. Do vậy, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cần có sự điều chỉnh theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể nghĩa vụ của các cơ quan có thẩm quyền điều tra để bảo đảm quyền được thông báo của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS.

Thứ hai, bổ sung nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng khi bị can rút khiếu nại.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 472 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), một trong những quyền của người bị khiếu nại là rút khiếu nại trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên như đã phân tích, BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) không có bất cứ quy định nào đề cập đến trường hợp khi người khiếu nại đã nộp đơn yêu cầu khiếu nại và cơ quan có thẩm quyền đang xem xét giải quyết mà họ rút thì thủ tục rút đơn ra sao, rút đơn tại đâu, cơ quan có thẩm quyền sẽ xử lý như thế nào. Do đó, cần bổ

sung một điều luật trong Chương Khiếu nại, tố cáo trong TTHS quy định về việc rút khiếu nại, các hậu quả pháp lý phát sinh khi người khiếu nại rút khiếu nại.

“Điều 474b. Rút khiếu nại

Trong trường hợp người khiếu nại có văn bản rút khiếu nại trong giai đoạn nào thì cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong giai đoạn đó phải ra quyết định chấm dứt việc giải quyết khiếu nại. Cơ quan, người có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt việc giải quyết khiếu nại có trách nhiệm gửi quyết định chấm dứt giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại”.

Thứ ba, quy định cụ thể thời hạn các cơ quan tiến hành tố tụng phải giải quyết yêu cầu của người tham gia tố tụng

Mặc dù BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã có nhiều tiến bộ trong việc ghi nhận và bảo vệ quyền tố tụng, song vẫn còn thiếu quy định về thời hạn trả lời, giải quyết các yêu cầu, đề nghị của người tham gia tố tụng, nhất là ở giai đoạn điều tra. Pháp luật hiện hành chỉ dừng lại ở việc quy định trách nhiệm tiếp nhận, xem xét yêu cầu mà không ấn định mốc thời gian cụ thể, dẫn đến nguy cơ tùy nghi trong áp dụng và làm giảm hiệu quả thực thi các quyền đã được luật hóa. Thực tiễn cho thấy, như quyền của người bào chữa được đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu thập chứng cứ theo khoản 3 Điều 81 BLTTHS, nếu không có phản hồi kịp thời thì chứng cứ có thể bị thất tán, vật chứng bị thay đổi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền bào chữa và nguyên tắc suy đoán vô tội. Đồng thời, việc không xác định thời hạn giải quyết khiến người bào chữa không biết khi nào có thể nhận được kết quả để kịp thời khiếu nại hoặc áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền lợi khác khi yêu cầu không được chấp nhận.

Như vậy, việc chưa quy định rõ thời hạn tiếp nhận và giải quyết yêu cầu, đề nghị của người tham gia tố tụng không chỉ ảnh hưởng đến tính minh bạch và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn xâm hại trực tiếp đến quyền được tiếp cận công lý, quyền được xét xử công bằng - những nguyên tắc cốt lõi của pháp luật tố tụng hiện đại. Để khắc phục hạn chế trên, cần bổ sung quy định

pháp luật nhằm ấn định thời hạn cụ thể cho từng giai đoạn, như thời hạn trả lời về việc có tiếp nhận và chấp thuận hay không đối với yêu cầu của người tham gia tố tụng: tối đa 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu; thời hạn giải quyết yêu cầu (trong trường hợp được tiếp nhận): tối đa 10 ngày làm việc, trừ trường hợp có lý do đặc biệt cần gia hạn (phải được ghi nhận bằng văn bản và thông báo cho người yêu cầu). Quy định này nếu được pháp luật ghi nhận sẽ góp phần tăng cường trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, đồng thời đảm bảo nguyên tắc bình đẳng và cân bằng vị thế giữa các bên trong quá trình tố tụng. Theo đó, Nghiên cứu sinh cho rằng khoản 1 Điều 175 cần được sửa đổi như sau: *“Khi người tham gia tố tụng có yêu cầu, đề nghị về những vấn đề liên quan đến vụ án thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, viện kiểm sát tiếp nhận yêu cầu, đề nghị đó. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc viện kiểm sát phải trả lời về việc chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu và nêu rõ lý do. Trường hợp chấp nhận yêu cầu, cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc viện kiểm sát trong phạm vi trách nhiệm của mình phải trả lời đề nghị đó trong thời hạn 10 ngày và báo cho họ biết kết quả.”*

4.2.2.4. Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục điều tra

Thứ nhất, sửa đổi căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam

Biện pháp ngăn chặn với tư cách là biện pháp cưỡng chế mang tính quyền lực nhà nước chỉ được áp dụng với mục đích ngăn chặn hành vi phạm tội diễn ra, hoàn thành hoặc ngăn chặn người bị buộc tội cản trở hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là những biện pháp có ảnh hưởng hoặc hạn chế đến quyền tự do thân thể của bị can cần phải dựa trên những căn cứ chặt chẽ, đầy đủ. Tuy nhiên, xem xét những quy

định về căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam được quy định tại khoản 1 Điều 119 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cho thấy “*Tạm giam có thể áp dụng với bị can, bị cáo về tội đặc biệt nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng*”. Nói cách khác, với căn cứ này, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam dựa trên tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà không cần chứng minh các căn cứ khác.

Tuy nhiên, Nghiên cứu sinh cho rằng, căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam phải là căn cứ có thật dự báo khả năng thực tế có thể xảy ra việc bị can, bị cáo bỏ trốn hoặc cản trở hoạt động tố tụng hay tiếp tục gây án chứ không phải suy diễn từ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà họ bị cho là đã thực hiện. Bởi theo nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định tại Điều 31 Hiến pháp năm 2013 và Điều 13 BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì áp dụng căn cứ để tạm giam dựa trên phân loại hành vi phạm tội có thể chưa thật sự đảm bảo nội dung của nguyên tắc này. Cùng với đó, khi hành vi phạm tội của họ chưa thật sự được chứng minh và bị cho là có tội thì việc suy diễn này sẽ tạo ra các kẽ hở pháp lý cho các hành vi xâm phạm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân.

Điều này có thể thấy trong quy định về căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam của một số quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Liên bang Nga... đều hướng đến việc kết hợp nhiều căn cứ mang tính thực tế để áp dụng biện pháp tạm giam như: căn cứ thực tế để thấy bị can trốn, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử như bị can không có chỗ ở cố định, có đầy đủ lý do chính đáng nghi bị can giấu diếm chứng cứ, bị can bỏ trốn hoặc có đầy đủ lý do nghi bị can sẽ bỏ trốn là căn cứ áp dụng biện pháp tạm giam... Hoặc sự kết hợp giữa phân loại tội phạm (về lý luận) với những căn cứ thực tế để xác định bị can trốn, tiêu hủy chứng cứ như Liên bang Nga, Trung Quốc. Cùng với đó, các quốc gia đều hướng đến việc áp dụng những biện pháp ngăn chặn khác ít nghiêm khắc hơn,

khi phải lựa chọn biện pháp tạm giam thì quyết định của Tòa án cần chỉ rõ những tình tiết cụ thể được sử dụng làm căn cứ đưa ra quyết định tạm giam đối với bị can, bị cáo.

Nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra VAHS; hạn chế việc áp dụng tùy tiện đối với biện pháp tạm giam, đặc biệt đối với loại tội phạm xâm phạm ANQG - loại tội phạm có tỷ lệ áp dụng biện pháp tạm giam tương đối lớn, thì việc quy định chặt chẽ các căn cứ tạm giam sẽ giúp đảm bảo được chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các đối tượng này; đồng thời tránh việc các đối tượng cũng như các tổ chức phản động, các thành phần chống phá lợi dụng để xuyên tạc những chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề quyền con người.

Theo đó, Điều 119 cần được sửa đổi như sau: *1. Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội mà pháp luật TTHS hình sự quy định hình phạt tù quy định trên 2 năm khi có căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp: a. Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; b. Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; c. Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; d. Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; e. Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án, đe dọa, khống chế trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này”.*

Thứ hai, sửa đổi quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam

Đối với biện pháp ngăn chặn tạm giam, trong quy định của BLTTHS hiện hành, Thủ trưởng, phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được ra lệnh tạm giam, lệnh tạm giam của những người này phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành. So sánh với thông lệ quốc tế và pháp luật một số quốc gia khác, những

biện pháp hạn chế quyền tự do thân thể, đặc biệt là biện pháp nghiêm khắc nhất là tạm giam thường thuộc thẩm quyền của Tòa án và cơ quan công tố. Ở nhiều quốc gia, như Nga, Pháp, Đức, Nhật Bản... Tòa án là cơ quan duy nhất được trao quyền quyết định việc tạm giam trên cơ sở hồ sơ, tài liệu có liên quan của cảnh sát và đề nghị của Công tố viên. Quy định này nhằm mục đích đặt Cơ quan điều tra dưới sự kiểm soát của cơ quan xét xử bởi quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn có thể phần nào ảnh hưởng hoặc hạn chế quyền con người. Trong khi đó, chỉ một số quốc gia như Trung Quốc, Việt Nam... giao Cơ quan điều tra có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam.

Đối với thẩm quyền áp dụng biện pháp tạm giam, theo quan điểm của tác giả, đây là một trong những biện pháp ngăn chặn có tính chất nghiêm khắc nhất, áp dụng đối với người bị buộc tội. Mặc dù dựa trên những căn cứ được quy định trong pháp luật TTHS, và cũng đã hướng đến bảo đảm quyền con người nói chung, pháp luật Việt Nam đã tăng cường tiếp thu những yếu tố tích cực, tiến bộ trong mô hình tố tụng tranh tụng nhằm tăng cường quyền con người của người bị buộc tội, như nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo... Tuy nhiên, với đặc thù của mô hình TTHS thẩm vấn ở Việt Nam, để Tòa án là cơ quan ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn như các quốc gia theo mô hình TTHS tranh tụng là chưa thật sự phù hợp. Thay vào đó, cần tăng cường vai trò kiểm sát các hoạt động tố tụng của Viện kiểm sát trong hoạt động này, nhằm một mặt bảo đảm quyền con người của bị can mặt khác nâng cao trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền điều tra nói chung, Cơ quan ANĐT nói riêng trong việc giải quyết VAHS, hạn chế tình trạng các cơ quan nói trên chưa thực sự tích cực, khẩn trương trong quá trình điều tra vụ án mà tiếp tục gia hạn tạm giam làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị can.

Do đó, chúng tôi cho rằng với cơ chế kiểm soát việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hiện nay trong BLTTHS năm 2015 là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được ra lệnh tạm giam nhưng lệnh này phải được sự phê

chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành là chưa đủ mạnh. Cơ chế kiểm soát này phải được nâng cao theo hướng Cơ quan điều tra chỉ được quyền đề nghị còn Viện kiểm sát sẽ quyết định việc áp dụng biện pháp tạm giam. Do đó, nên bỏ thẩm quyền quyết định tạm giam của Thủ trưởng, phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có quyền đề nghị ra lệnh tạm giam còn thẩm quyền ra lệnh tạm giam thuộc về Viện trưởng, phó viện trưởng Viện kiểm sát. Như vậy, số lượng đối tượng có thẩm quyền quyết định việc tạm giam giảm từ 9 loại đối tượng xuống còn 7 đối tượng. Điều này không những phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 49- NQ/TW “thu hẹp đối tượng, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam”, mà còn hợp với xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới và bảo đảm tốt hơn nữa quyền bất khả xâm phạm về thân thể của bị can.

Thứ ba, sửa đổi quy định về thời hạn tạm giam trong trường hợp điều tra bổ sung

Điều này xuất phát từ việc quy định về thời hạn tạm giam bị can trong trường hợp vụ án được điều tra bổ sung trong BLTTHS năm 2015 chưa thật sự phù hợp. Có thể thấy, các căn cứ để trả hồ sơ để điều tra bổ sung được quy định tại khoản 1 Điều 245 là: chưa thu thập đầy đủ chứng cứ tài liệu, chưa phát hiện đầy đủ tội phạm và người phạm tội, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đây có thể được coi là những sai sót của Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra VAHS, đòi hỏi các cơ quan này phải tự khắc phục những thiếu sót đó. Tuy nhiên, đây không phải lỗi của bị can, do đó nếu tiếp tục tạm giam trong thời hạn điều tra bổ sung (khoản 4 điều 174) thì chưa thật sự bảo đảm quyền con người của bị can, đảm bảo tính công bằng đối với họ.

Do đó, để bảo đảm bị can không bị tạm giam quá dài, đồng thời nâng cao tinh thần, trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền điều tra trong việc xác định sự thật của vụ án, cần phải sửa đổi quy định về thời hạn tạm giam khi điều tra bổ sung theo hướng không cho phép tạm giam bị can nếu thời hạn tạm giam trong

điều tra vụ án trước đó đã hết thời hạn tạm giam tối đa theo luật định. Theo đó, khoản 4 Điều 174 được sửa đổi như sau: “4. Khi phục hồi điều tra, điều tra bổ sung, điều tra lại, Cơ quan điều tra có quyền thay đổi, áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật TTHS này. Trường hợp có căn cứ theo quy định của pháp luật TTHS này cần tạm giam trong khi điều tra bổ sung thì tổng thời hạn tạm giam không được vượt quá thời hạn tạm giam được quy định tại Điều 173 của pháp luật TTHS này. Thời hạn tạm giam và gia hạn tạm giam trong trường hợp vụ án được điều tra lại được thực hiện theo quy định tại Điều 173 của pháp luật TTHS này”.

Thứ tư, bổ sung sửa đổi quy định về khám xét

Về thẩm quyền khám xét, BLTTHS năm 2015 quy định chủ thể chủ yếu được giao quyền tiến hành khám xét là Điều tra viên. Tuy nhiên, thực tiễn đặt ra tình huống đặc biệt khi phải tiến hành khám xét khẩn cấp, chẳng hạn người ra lệnh là thủ trưởng đơn vị thuộc quân đội, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, hoặc là chỉ huy tàu bay, tàu biển sau khi đã rời cảng hàng không hay bến cảng. Trong các trường hợp này, BLTTHS 2015 lại chưa xác định rõ ai sẽ là người trực tiếp tiến hành việc khám xét. Theo quan điểm của tác giả, để khắc phục khoảng trống pháp lý, trong tình huống không thể trì hoãn, cần có quy định cụ thể về người được phép thực hiện. Chủ thể có thể bao gồm: Điều tra viên, cán bộ điều tra, cán bộ thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, hoặc nhân viên có trách nhiệm trên tàu bay, tàu biển. Việc quy định rõ ràng như vậy sẽ giúp hoạt động khám xét được triển khai kịp thời, đồng thời đảm bảo tính thống nhất và minh bạch trong việc áp dụng pháp luật.

Cùng với đó, về căn cứ khám xét, Khoản 1 Điều 192 BLTTHS năm 2015 quy định việc khám xét người chỉ tiến hành khi “có căn cứ để nhận định” trong người có công cụ phương tiện phạm tội, đồ vật, tài liệu tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Việc quy định về căn cứ một cách chung chung, mang nặng yếu tố chủ quan của các cơ

quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra), dẫn đến việc có khả năng dẫn tới việc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng.

Trong mô hình TTTHS Việt Nam hiện nay, rõ ràng Cơ quan điều tra có nhiều ưu thế trong việc tìm tòi chứng cứ, tài liệu để buộc tội hơn so với những người tham gia tố tụng khác. Nghiên cứu pháp luật TTTHS của quốc gia khác, có thể thấy Điều 102 BLTTTHS Nhật Bản, quy định về căn cứ tiến hành khám xét: *“1. Khi cần thiết thì Tòa án có thể tiến hành khám người, hay đồ vật, nhà ở hoặc nơi khác của Bị cáo. 2. Còn về khám người không phải là bị cáo hay đồ vật hoặc nơi ở khác, thì có thể khám xét chỉ giới hạn trong trường hợp nhận thấy có đủ hiện vật tồn tại phải thu giữ.”* Điều này cho thấy pháp luật các quốc gia quy định chặt chẽ và giới hạn các trường hợp áp dụng khám xét nhằm hạn chế đến mức thấp nhất nguy cơ xâm phạm quyền con người của bị can, bị cáo của người tiến hành tố tụng.

Nghiên cứu sinh cho rằng đây là cần có sự tiếp thu, cụ thể hóa những căn cứ đối với hoạt động khám xét người, đồng thời chuyển nội dung căn cứ khám người tại điều 192 và quy định trong Điều 194 về khám xét người: *1. Việc khám xét người chỉ tiến hành khi có căn cứ để khẳng định trong người có công cụ phương tiện phạm tội, đồ vật, tài liệu tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án. Có thể khám xét người mà không cần có lệnh trong trường hợp bắt người hoặc khi có căn cứ để khẳng định người có mặt tại nơi khám xét giấu trong người vũ khí, hung khí, chứng cứ, đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án.*

4.2.3. Tăng cường năng lực của các cán bộ trong công tác điều tra vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm ANQG, một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can - đó là số lượng, chất lượng và đạo đức của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Hiện nay, số lượng Điều tra viên, cán bộ điều tra trong các cơ quan ANĐT, Kiểm sát

viên tương đối đầy đủ nhưng lại phân bố không đồng đều. Đặc biệt đối với các tỉnh vùng sâu, vùng xa phải có chính sách ưu đãi phù hợp để có thể thu hút cán bộ có chuyên môn về làm việc. Đội ngũ cán bộ điều tra, kiểm sát viên phải được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt phải có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về quyền con người, về quy định pháp luật TTHS liên quan đến bảo đảm quyền con người của bị can trong các VAHS. Để thực hiện được những mục tiêu trên, trong thời gian tới cần tiến hành một số hoạt động:

Thứ nhất, tăng cường công tác tập huấn, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ, chiến sỹ Cơ quan ANĐT các cấp; tổ chức khóa học, tập huấn về quyền con người và bảo đảm quyền con người trong TTHS, tập huấn về các nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn như: 1) Thông tư liên tịch 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP về việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung; 2) Nghị định 37/2018/NĐ-CP về hướng dẫn biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự; 3) Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN& PTNT-VKSNDTC hướng dẫn thi hành quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; 4) Thông tư liên tịch 01/2018/TTLT-BCA-BQP-TANDTC- VKSNDTC về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện kiểm sát có thẩm quyền kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam; 5) Thông tư liên tịch 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến bào chữa; 6) Thông tư liên tịch 04/2018/TTLT-BCA-BQPTANDTC- VKSNDTC quy định phối hợp thực hiện quy định của BLTTHS 2015 về tha tù trước thời hạn có điều kiện; 7) Thông tư liên tịch 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện ghi âm

hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can; sử dụng, bảo quản, lưu trữ kết quả ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử... Hoạt động bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, chiến sỹ cơ quan ANĐT các cấp cần được tiến hành một cách thường xuyên với những phương pháp đa dạng, phong phú.

Thứ hai, tăng cường hoạt động tổng kết những vướng mắc trong hoạt động điều tra, truy tố, nghiên cứu, ban hành các thông báo rút kinh nghiệm đối với các vụ án bị hủy để điều tra lại, vụ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần. Bên cạnh đó, việc nhân rộng các tấm gương đạo đức, điển hình tiên tiến trong cơ quan, phát huy vai trò nêu gương của lãnh đạo là một giải pháp thiết thực để giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ này.

4.2.4. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho người dân cũng là giải pháp quan trọng giúp họ có phương tiện bảo vệ chính mình khi bước vào vòng xoáy tố tụng. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật cần hướng đến nhiều loại đối tượng khác nhau và tiến hành qua nhiều hình thức phong phú sinh động.

Thứ nhất, về nội dung tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật đối với người dân cần tập trung vào những nội dung liên quan đến đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân; tăng cường đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, củng cố khối đoàn kết, thống nhất và sự đồng thuận về tư tưởng trong xã hội. Đồng thời, phải đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo sự thống nhất và đồng thuận xã hội. Tập trung làm rõ âm mưu, phương thức, thủ đoạn, bản chất phản động, đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc; xâm phạm quyền, lợi ích chính đáng của người dân của các hoạt

động phạm tội xâm phạm ANQG. Khẳng định tính chính đáng, đúng đắn của hệ thống chính sách, pháp luật, đặc biệt là chính sách kinh tế - xã hội, dân tộc, tôn giáo, đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Hoạt động tuyên truyền phải được triển khai trên diện rộng, hướng tới toàn thể nhân dân, đồng thời tập trung vào các nhóm, địa bàn trọng điểm như vùng có “điểm nóng” về an ninh, trật tự; khu vực đồng bào dân tộc thiểu số; vùng sâu, vùng xa; khu vực biên giới, nơi dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng.

Thứ hai, về hình thức tuyên truyền, cần thường xuyên cải tiến hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của nhân dân về phòng, chống tội phạm; kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền vừa rộng rãi, vừa cá biệt; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, trường học, tổ dân phố, cụm dân cư. Đồng thời, đẩy mạnh công tác xây dựng mô hình, nhân rộng điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng các mô hình tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự ngay từ gia đình, cộng đồng dân cư, trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhà trường; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình có hiệu quả cao, nghiên cứu xây dựng những mô hình mới phù hợp với tình hình đặc điểm từng địa bàn. Cùng với đó, cần đẩy mạnh hơn nữa hình thức tuyên truyền miệng, tổ chức các buổi phổ biến các bộ luật, nói chuyện chuyên đề về pháp luật, quyền con người, chính sách và định hướng phát triển về quyền con người của Nhà nước cho quần chúng nhân dân, đặc biệt trọng tâm là các bộ luật lớn mới có hiệu lực và liên quan trực tiếp đến quyền con người như pháp BLDS, BLHS, BLTTHS.

Tăng cường nguồn lực cho công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có chế độ, chính sách thỏa đáng đối với các tập thể, cá nhân khi tham gia phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ

chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách, nhất là các lực lượng công an cơ sở, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Bảo vệ chuyên trách các cơ quan, doanh nghiệp; phát huy vai trò người đứng đầu các đoàn thể ở cơ sở, những người có uy tín trong dòng họ, dân tộc, tôn giáo, các vị chức sắc tiêu biểu, các điển hình... làm chỗ dựa cho nhân dân trong phòng, chống tội phạm ở cơ sở; đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất và điều kiện bảo đảm phục vụ công tác xây dựng phong trào.

4.2.5. Nâng cao vai trò kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia nhằm bảo đảm quyền con người của bị can

Kiểm sát điều tra các tội phạm xâm phạm ANQG nhằm đảm bảo cho hoạt động của tất cả các chủ thể tiến hành tố tụng cả chủ thể tham gia tố tụng trong quá trình điều tra tội phạm đều phải tuân theo quy định của pháp luật. Để thực hiện tốt hoạt động này cần phải nâng cao nhận thức về quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát và Cơ quan ANĐT các cấp trong hoạt động kiểm sát điều tra các tội xâm phạm ANQG; Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của lãnh đạo đối với hoạt động này và thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan ANĐT các cấp trong điều tra các tội xâm phạm ANQG; hoàn thiện một số văn bản điều chỉnh mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và Cơ quan ANĐT các cấp trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Cùng với đó, trong công tác giám sát đối với việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn của đại biểu Quốc hội, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động, chất lượng đại biểu; Có cơ chế, chính sách hợp lý để phát huy vai trò giám sát của cá nhân đại biểu Quốc hội đối với hoạt động của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác. Ngoài ra phải thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động kiểm sát điều tra các tội phạm xâm phạm ANQG; Phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với hoạt động

kiểm sát điều tra các tội phạm xâm phạm ANQG, để đạt được mục đích đó phải mở rộng hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nâng cao pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân; Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia phòng chống các loại tội phạm, lên án, tố giác tội phạm nhất là tội phạm xâm phạm ANQG ở các khu dân cư bằng cách lập các hòm tư tố giác tội phạm ở các khu vực tập thể, nơi công cộng.

4.2.6. Hiện đại hoá phương tiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác điều tra

Vấn đề củng cố và tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động bảo đảm quyền con người của bị can hiện nay không chỉ là yêu cầu quan trọng mà còn mang tính cấp bách, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn của quá trình cải cách tư pháp. Trong bối cảnh tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, việc trang bị đầy đủ, hiện đại các phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động điều tra VAHS nói chung, vụ án xâm phạm ANQG nói riêng không chỉ giúp cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng pháp luật mà còn góp phần hạn chế tối đa các sai phạm có thể xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can.

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ thực hiện các hoạt động điều tra VAHS. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật nhằm đảm bảo tính cơ động, nhanh chóng trong việc thực hiện các biện pháp điều tra như khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, thực nghiệm điều tra... Các phương tiện chuyên dụng cần được trang bị đầy đủ, bao gồm xe khám nghiệm, thiết bị chụp ảnh, quay phim hiện trường, thiết bị phân tích mẫu vật, cũng như các công cụ kỹ thuật số phục vụ thu thập, bảo quản và xử lý chứng cứ. Việc đầu tư này không chỉ bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội, mà còn nâng cao năng suất và chất lượng công tác điều tra, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, cần chú trọng việc chuẩn hóa trang thiết bị và quy trình sử dụng, bảo quản để đảm bảo các chứng cứ vật chất thu được trong quá trình điều tra có giá trị pháp lý cao, tránh tình trạng thất thoát, sai lệch hoặc hư hỏng dữ liệu. Đồng thời, các cơ sở điều tra cần được bố trí khoa học, có hệ thống giám sát, bảo mật và lưu trữ an toàn nhằm phục vụ công tác đối chiếu, kiểm chứng sau này.

Thứ hai, nâng cao chất lượng hoạt động hỏi cung bị can có ghi âm, ghi hình bởi đây là một bước tiến lớn trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung, vụ án xâm phạm ANQG nói riêng. Để triển khai hiệu quả quy định này, cần tiến hành đồng bộ từ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật đến yếu tố con người. Cụ thể, diện tích phòng hỏi cung cần được thiết kế hợp lý, đảm bảo không gian thoáng, kín âm, thuận tiện cho việc lắp đặt thiết bị ghi âm, ghi hình cố định. Hệ thống camera cần được lựa chọn theo tiêu chuẩn độ phân giải cao, góc quay rộng, có khả năng ghi hình liên tục trong thời gian dài mà không bị gián đoạn. Hệ thống cách âm và xử lý tiếng vang cần được đảm bảo nhằm nâng cao chất lượng thu âm, tránh tình trạng tạp âm gây ảnh hưởng đến quá trình xác minh, giám định sau này. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cần đầu tư các thiết bị ghi âm, ghi hình di động để sử dụng trong các trường hợp đặc biệt, như khi tiến hành hỏi cung tại địa điểm khác ngoài trụ sở chính.

Thứ ba, quản lý, bảo quản và giám sát thiết bị kỹ thuật. Song song với việc trang bị thiết bị, cần có cơ chế quản lý và bảo quản dữ liệu chặt chẽ. Việc cấp tủ bảo ôn, hút ẩm để lưu trữ, bảo quản đĩa DVD hoặc dữ liệu điện tử là cần thiết, giúp đảm bảo an toàn, tránh hư hỏng, mất mát thông tin. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cũng cần nghiên cứu lắp đặt hệ thống cảnh báo tự động khi xảy ra lỗi kỹ thuật, hoặc khi thiết bị không đáp ứng yêu cầu về chất lượng hình ảnh và âm thanh. Đặc biệt, cần xây dựng quy trình kiểm định định kỳ đối với toàn bộ thiết bị ghi âm, ghi hình, đồng thời đào tạo cán bộ kỹ thuật

chuyên trách để vận hành, bảo trì và xử lý sự cố kịp thời, bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật của dữ liệu ghi âm, ghi hình trong hoạt động tố tụng.

4.2.7. Bảo đảm quyền bào chữa của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia

Đây là yêu cầu nhằm hiện thực hóa nguyên tắc suy đoán vô tội, đồng thời thể hiện tính nhân văn và pháp quyền của tố tụng hình sự Việt Nam. Trong thực tiễn, mặc dù BLTTHS đã quy định quyền được nhờ người bào chữa, nhưng ở một số vụ án đặc biệt nghiêm trọng, đặc biệt là án liên quan đến ANQG, quyền này đôi khi chưa được bảo đảm đầy đủ do lo ngại về bảo mật thông tin hoặc do thiếu hướng dẫn cụ thể.

Do đó, cần cho phép luật sư tiếp cận các tài liệu thiết yếu của vụ án liên quan trực tiếp đến việc buộc tội, biện hộ và áp dụng biện pháp ngăn chặn. Thực tế, nhiều quốc gia có quy định “truy cập có điều kiện” đối với hồ sơ vụ án, kết hợp nghĩa vụ bảo mật nghề nghiệp của luật sư, qua đó vừa bảo đảm quyền biện hộ, vừa duy trì yêu cầu bảo mật An ninh quốc gia. Việc trao quyền tiếp cận hợp lý giúp luật sư chủ động trong chiến lược bào chữa, đồng thời thúc đẩy nguyên tắc tranh tụng bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Cùng với đó, có thể sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ điện tử của vụ án. Hệ thống quản lý số hóa cho phép phân quyền truy cập theo danh mục, ghi nhận đầy đủ lịch sử truy cập, từ đó tăng tính minh bạch và giảm nguy cơ rò rỉ thông tin.

Để các giải pháp trên đi vào thực tế, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Công an và Liên đoàn Luật sư Việt Nam trong việc xây dựng quy trình nghiệp vụ chuẩn, thống nhất toàn quốc. Đồng thời, cần tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng an ninh và quyền con người cho luật sư, giúp họ hiểu rõ đặc thù của án ANQG, tuân thủ quy định của pháp luật nhưng vẫn bảo đảm quyền biện hộ độc lập, khách quan. Chỉ khi quyền bào chữa được thực hiện một cách thực chất, bị can mới thực sự được bảo vệ theo tinh thần của Hiến pháp 2013 và chuẩn mực quốc tế về quyền con người trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký là thành viên.

Kết luận chương 4

Có thể nói, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân là trách nhiệm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN. Nhà nước thực hiện các biện pháp về thể chế lập pháp, hành pháp, tư pháp và quản lý chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa để hiện thực hóa các nguyên tắc, tiêu chuẩn về quyền con người, quyền công dân trong hoạt động của Nhà nước và hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đặc biệt trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy quyền con người trong thực tế. Trong thời gian tới để đảm bảo quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG cần tiến hành đồng bộ các biện pháp như sau: 1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trong bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia; 2) Hoàn thiện pháp luật về quyền của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia (hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các nguyên tắc cơ bản trong tố tụng hình sự; về quyền của bị can; về các trình tự, thủ tục trong giai đoạn điều tra...); 3) Giải pháp về nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG như tăng cường hoạt động giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật; Tăng cường năng lực của các cán bộ trong công tác điều tra vụ án xâm phạm ANQG; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật; Nâng cao vai trò kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động điều tra các vụ án xâm phạm ANQG nhằm bảo đảm quyền con người của bị can.

KẾT LUẬN

Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG là tổng thể các hoạt động của cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng các tiền đề và điều kiện cần thiết về pháp luật TTTHS, tổ chức thực thi và giám sát việc thực thi các quy định pháp luật đó trong suốt giai đoạn điều tra. Hoạt động này nhằm bảo đảm cho các quyền con người của người đã bị khởi tố về hình sự đối với hành vi xâm phạm ANQG không chỉ được ghi nhận về mặt pháp lý mà còn được thực hiện và bảo vệ trên thực tế, qua đó tạo điều kiện để bị can được hưởng, được thực hiện các quyền của mình, đồng thời xác lập nghĩa vụ tương ứng cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Trên cơ sở nhận thức như vậy, việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG không thể chỉ dừng lại ở việc ghi nhận quyền trong các văn bản pháp luật, mà phải được triển khai thông qua những phương thức bảo đảm cụ thể và hữu hiệu. Theo đó, các phương thức bảo đảm quyền con người của bị can bao gồm: bảo đảm thông qua việc ghi nhận quyền trong các quy định pháp luật; bảo đảm thông qua hoạt động thực thi pháp luật của các chủ thể có thẩm quyền; bảo đảm thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra; và bảo đảm thông qua cơ chế xử lý vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các quyền con người của bị can. Việc xác định rõ các phương thức này là cơ sở quan trọng để đánh giá mức độ và hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong thực tiễn TTTHS.

Từ cách tiếp cận đó, nghiên cứu tiến hành khảo sát, so sánh kinh nghiệm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự ở một số quốc gia tiêu biểu theo mô hình tố tụng thiên về tranh tụng và mô hình tố tụng thiên về thẩm vấn. Thông qua việc phân tích đặc trưng của từng mô hình, nghiên cứu làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong cách thức bảo đảm quyền con người của bị can, từ đó rút ra những vấn đề có giá trị tham

khảo nhằm phục vụ cho việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG ở Việt Nam.

Tuy nhiên, khi đặt vấn đề bảo đảm quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG, cần phải xem xét trong mối quan hệ với tính chất đặc thù của loại tội phạm này. Đây là nhóm tội phạm trực tiếp xâm hại đến các quan hệ xã hội nền tảng, bảo đảm cho sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân, do đó đòi hỏi cách tiếp cận thận trọng và chặt chẽ hơn trong hoạt động tố tụng. Chính vì vậy, bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG được xem là chủ thể đặc biệt trong tố tụng hình sự, dẫn đến các quyền con người của họ mang những đặc trưng riêng so với bị can trong các loại tội phạm khác.

Xuất phát từ đặc điểm đó, các quyền con người của bị can trong các vụ án xâm phạm ANQG có thể được phân chia thành các nhóm quyền cơ bản, bao gồm: nhóm quyền bất khả xâm phạm về thân thể; nhóm quyền được thông tin; nhóm quyền bào chữa; nhóm quyền được suy đoán vô tội; nhóm quyền khiếu nại, tố cáo và yêu cầu bồi thường thiệt hại; nhóm quyền được bảo đảm trong hoạt động hỏi cung bị can; và nhóm quyền liên quan đến việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp tạm giữ, tạm giam. Việc xác định rõ các nhóm quyền này có ý nghĩa quan trọng trong việc thiết kế các cơ chế pháp lý phù hợp nhằm bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra. Các nhóm quyền nêu trên không tồn tại một cách rời rạc mà được ghi nhận trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau của hệ thống pháp luật Việt Nam, từ Hiến pháp đến các đạo luật chuyên ngành về hình sự và TTHS. Sự ghi nhận này thể hiện rõ cam kết của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong quá trình điều tra các vụ án xâm phạm ANQG.

Trên nền tảng pháp lý đó, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phòng, chống tội phạm xâm phạm ANQG, trong những năm qua, các cơ quan An ninh điều tra thuộc Bộ Công an đã chủ động phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý nhiều vụ án xâm phạm ANQG. Thực tiễn cho thấy, mặc dù các đối tượng phạm tội thường có âm mưu, phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và có sự can thiệp, hỗ trợ từ bên ngoài, song nhìn chung hoạt động điều tra đã được tiến hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục pháp luật, bảo đảm việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đồng thời bảo đảm các nhóm quyền cơ bản của bị can theo quy định của BLTTHS.

Dẫu vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Một số vụ án được khởi tố để điều tra nhưng hiệu quả chưa cao; số vụ án và bị can bị đình chỉ điều tra còn tương đối nhiều; tiến độ điều tra ở một số vụ án còn chậm, thời hạn điều tra kéo dài và phải gia hạn. Ngoài ra, trong một số trường hợp, việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, đặc biệt là biện pháp bắt bị can để tạm giam, chưa được cân nhắc đầy đủ, toàn diện các yếu tố chính trị, xã hội có liên quan. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục rà soát, đánh giá một cách khách quan và toàn diện hoạt động điều tra trong các vụ án xâm phạm ANQG.

Từ việc phân tích các hạn chế nêu trên, có thể thấy rằng những bất cập trong bảo đảm quyền con người của bị can xuất phát từ cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Trong đó, có những nguyên nhân liên quan đến sự chưa hoàn thiện của một số quy định trong BLTTHS năm 2015; những hạn chế về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ tiến hành tố tụng; cũng như từ thái độ chống đối, không hợp tác của một số bị can trong quá trình điều tra. Việc nhận diện đầy đủ các nguyên nhân này là tiền đề quan trọng để đề xuất các giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

Trên phương diện lý luận và thực tiễn, bảo vệ công lý, quyền con người và quyền công dân là trách nhiệm cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN. Nhà nước sử dụng đồng bộ các công cụ lập pháp, hành pháp, tư pháp và quản lý chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa nhằm hiện thực hóa các nguyên tắc và tiêu chuẩn về quyền con người trong hoạt động của bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Chính từ yêu cầu đó, việc bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG không chỉ là nhiệm vụ của riêng các cơ quan tiến hành tố tụng, mà còn là yêu cầu mang tính hệ thống của Nhà nước pháp quyền.

Xuất phát từ những phân tích trên, trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm ANQG, cần triển khai đồng bộ các giải pháp trọng tâm, bao gồm: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý thống nhất của Nhà nước; tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quyền của bị can trong giai đoạn điều tra, đặc biệt là các quy định của BLTTHS về nguyên tắc tố tụng, quyền của bị can và trình tự, thủ tục điều tra; đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật thông qua việc tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ điều tra, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động điều tra nhằm bảo đảm quyền con người của bị can.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. Đỗ Bảo Liêm, Lê Thị Thu Mai (2025), “*Bảo đảm an ninh con người ở Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 2/2025.
2. Đỗ Bảo Liêm (2024), “*Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm An ninh quốc gia ở Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 10/2024.
3. Đỗ Bảo Liêm (2022), “*Việt Nam thúc đẩy bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong ứng phó với biến đổi khí hậu khi tham gia Hội đồng nhân quyền*”, Tạp chí lý luận chính trị, số 9/2022.
4. Đỗ Bảo Liêm (2022), “*Nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng*”, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 9/2022.
5. Đỗ Bảo Liêm (2022), Tập thể tác giả, “*Mở rộng các hình thức tham gia chính trị của người dân ở Việt Nam hiện nay*”, Nxb Lý luận Chính trị, 2022.
6. Đỗ Bảo Liêm (2022), “*Phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng hiện nay*”, Website: vietnamthinhvuong.
7. Đỗ Bảo Liêm (2022), “*Khánh Hoà phát triển kinh tế biển gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo*”, Website: vietnamthinhvuong.
8. Đỗ Bảo Liêm (2022), “*Phòng, chống hoạt động phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch*”, Website: vietnamthinhvuong.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành TW Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới, được ban hành ngày 09/11/2022*, Hà Nội.
3. Bộ Công an (2005), *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2017), *Báo cáo quốc gia thực thi công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người- Dự thảo 6, phụ lục 11*.
5. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, TAND tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2018), *Thông tư liên tịch số 01/2018/TTLT- BCA-BQP-TANDTC-VKSNDTC quy định về quan hệ phối hợp giữa cơ sở giam giữ với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và Viện Kiểm sát có thẩm quyền quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002 về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết 40/NQ-TW ngày 08/11/2004 về nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác Công an trong tình hình mới*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

9. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị 48/CT- TW ngày 22/10/2010, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
11. Bộ Chính trị (2015), *Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới*, Hà Nội.
12. Bộ Chính trị (2019), *Nghị quyết số 51-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia*, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị (2021), *Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.
14. Bộ Tư pháp (2019), *Báo cáo số 32/BC-BTP ngày 31/01/2019 Tổng kết thi hành luật giám định tư pháp năm 2012*, Hà Nội.
15. Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HS-ST ngày 29/11/2018 của TAND tỉnh An Giang.
16. Bản án sơ thẩm số 10/2019/HS-ST ngày 15/3/2019 của TAND tỉnh Gia Lai.
17. Công văn số 181/ANĐT ngày 21/6/2017 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh.
18. Đảng Cộng sản (2016), *Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XII*, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia, Quyết định số 106/QĐ-TTg ngày 25/01/2019*, Hà Nội.
21. Lê Văn Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

22. Lê Văn Cẩm (2010), *Những vấn đề chung về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
23. Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Công văn số 181/ANĐT ngày 21/6/2017*, Hà Tĩnh.
24. Lê Tiên Châu (2008), *Mô hình, hình thức tổ tụng hình sự và việc bảo vệ quyền con người*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 8/2008.
25. Nguyễn Hòa Bình (2016), *Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Chí (2015), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
27. Nguyễn Ngọc Chí (2018), *Giáo trình các nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
28. Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
29. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. Lê Huỳnh Tấn Duy (2015), *Trực tiếp ghi nhận quyền im lặng cho người bị buộc tội trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 3/2015.
31. Đại học Huế (2008), *Giáo trình Lý luận chung Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), *Quyền con người tập hợp những bình luận, khuyến nghị chung của Ủy ban Công ước Liên hợp quốc*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Đại học Quốc gia Hà Nội (2015), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

34. Đào Trí Úc (2006), *Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
35. Đào Trí Úc (2015), *Giáo trình nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
36. Đào Trí Úc (2015), *Hệ thống các nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam theo Bộ luật TTHS năm 2015*, Kỷ yếu Hội thảo Những nội dung mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Trần Văn Độ (2010), *Bảo vệ quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 6/2010.
39. Nguyễn Sơn Hà (2015), *Hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự về quyền của bị can, bị cáo*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường đại học Luật Hà Nội.
40. Phạm Hồng Hải (1999), *Bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
41. Nguyễn Hữu Hậu (2019), *Bảo đảm quyền con người của người bị buộc tội trong hoạt động chứng minh buộc tội của viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Nguyễn Huy Hoàn (2005), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
43. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình lý luận về quyền con người*, Hà Nội.

44. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2002), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội.
45. Hướng dẫn 1.05, “Các hướng dẫn cho Bồi thẩm đoàn hình sự” Tòa Phúc thẩm Hoa Kỳ của Khu vực thứ 10, tại trang <http://www.ca10.uscourts.gov/downloads/pji10-cir-crim.pdf>
46. Ngũ Quang Hồng (2011), *Nghiên cứu so sánh về điều tra trong Luật Tố tụng hình sự của Trung Quốc và Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
47. Phạm Mạnh Hùng (2015), *Bàn về quyền im lặng hay quyền từ chối khai báo của người bị bắt, bị tạm giữ, bị can*, Tạp chí Khoa học kiểm sát số 02/2015.
48. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (2016), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb Lao động, Hà Nội.
49. Nguyễn Trần Như Khuê (2022), *Quyền được xét xử công bằng của người bị buộc tội trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
50. Liên hợp quốc (1948), Tuyên ngôn thế giới về quyền con người.
51. Liên hợp quốc (1966), Công ước về các quyền dân sự, chính trị.
52. Liên hợp quốc (1984), Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.
53. Liên hợp quốc (1988), Tập hợp những nguyên tắc bảo vệ tất cả những người đang phải chịu bất cứ hình thức giam giữ nào.
54. Liên hợp quốc (1990), Các quy chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ.
55. Liên hợp quốc (2007), *Bình luận chung của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc số 32 về Điều 14: Quyền được xét xử công bằng và bình đẳng trước tòa án và cơ quan tài phán*, Đoạn 34.

56. Võ Thị Kim Oanh (2010), *Bảo đảm quyền con người trong tư pháp hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
57. Nguyễn Thái Phúc (2010), *Bảo đảm quyền con người trong TTHS trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế về quyền con người trong tố tụng hình sự do Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Ủy ban nhân quyền Australia tổ chức tháng 3/2010.
58. Quốc hội (1998), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
59. Quốc hội (2004), *Luật An ninh quốc gia*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Quốc hội (2004), *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
61. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
62. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
63. Quốc hội (2015), *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, số 94/2015/QH13, ngày 25/11/2015*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
65. Quốc hội (2017), *Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
66. Quốc hội (2021), *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
67. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Quốc hội (2025), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

69. Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP, ngày 01/02/2018, *quy định trình tự, thủ tục, thời hạn và địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bào chữa, có hiệu lực từ ngày 18/03/2018.*
70. Thủ tướng Chính phủ (2019), *Chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia, Quyết định số 106/QĐ-TTg ngày 25/01/2019.*
71. Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức.
72. Vương quốc Anh (1994), *Bộ luật về tư pháp và an ninh công cộng Vương quốc Anh năm 1994.*
73. Vương quốc Anh (1996), *Luật Điều tra và Tố tụng hình sự năm 1996.*
74. Vương quốc Anh (1981), *Luật về tội khinh thường tòa án năm 1981.*
75. Trần Quang Tiệp (2009), *Sách chuyên khảo Về đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS.*
76. Nguyễn Văn Tuấn (2016), *Bảo đảm quyền được bồi thường của người bị thiệt hại*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
77. Nguyễn Ngọc Chí (2015), *sách chuyên khảo Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
78. Lê Hữu Thế (2011), *Quyền con người trong tố tụng hình sự và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
79. Lại Văn Trình (2011), *Bảo đảm quyền con người của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong TTHS Việt Nam*, luận án tiến sĩ Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
80. Tô Văn Hòa (2012), *Những mô hình tố tụng hình sự điển hình trên thế giới*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
81. Trần Thị Thu Hiền (2020), *Bảo đảm quyền con người của bị can trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội.

82. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Hà Nội.
83. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Lí luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
84. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
85. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
86. Ủy ban Tư pháp (2012), *Báo cáo số 896/BC- UBTP13 ngày 11/10/2012 về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật tố tụng hình sự trong công tác điều tra, truy tố, xét xử*, Hà Nội.
87. Ủy ban Tư pháp (2014), *Báo cáo số 21445/BC- UBTP13 ngày 18/9/2014 về kết quả giám sát việc chấp hành pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2013*, Hà Nội.
88. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2015), *Báo cáo số 870/BC-UBTVQH13 về kết quả giám sát Tình hình oan, sai trong việc áp dụng pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật*, Hà Nội.
89. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (2019), *Báo cáo số 214/BCMTTW-BTT Sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (Khóa XI)*, Hà Nội.
90. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Quyền con người trong tố tụng hình sự và những đề xuất kiến nghị sửa đổi Bộ luật Tố tụng hình sự*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

91. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo số 11/BC-VKS ngày 19/01/2015 tổng kết 10 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*.
92. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam và thi hành án từ năm 2014 đến năm 2024*, Hà Nội.
93. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội (2023), *Cáo trạng truy tố N.L.T về tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam*, Hà Nội.
94. Viện khoa học kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân tối cao (1998), *Hệ thống tư pháp hình sự của một số nước châu Á*, Hà Nội.
95. Viện khoa học pháp lý (2014), *Pháp luật về hoạt động giám sát xã hội và phản biện xã hội tại Việt Nam, thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
96. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1999), *Tư pháp hình sự so sánh*, Hà Nội, tr. 125. 97.
97. Nguyễn Quốc Việt (2014), *Bàn về quyền im lặng trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*, Tạp chí Khoa học kiểm sát số 01/2014.
98. Trịnh Tiến Việt (2015), *Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
99. Võ Khánh Vinh (2010), *Sách chuyên khảo Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội.
100. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Giáo trình giảng dạy sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
101. Võ Khánh Vinh (2011), *Sách chuyên khảo Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội.
102. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa, thông tin.
103. Nguyễn Như Ý (2010), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

104. Amnesty International (2014), *Fair Trial Manual, Chapter 15: the presumption of innocence*.
105. B.J. George (1990), “Rights of the criminally accused”, *Law and contemporary problems*, Vol 53: No 2.
106. Clovis C. Morisson (1968), “The rights of the accused under the united states constitution and the european human rights convention”, *Wisconsin Law Review*, Vol 192.
107. Cộng hòa Liên bang Đức (2025), *Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Liên bang Đức năm 1987 được sửa đổi bổ sung năm 2025* (link truy cập: <https://dejure.org/gesetze/StPO>).
108. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (2012), *Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa* (link truy cập: https://www.gov.cn/flfg/2012-03/17/content_2094354.htm).
109. Cộng hòa Pháp (2025), *Bộ luật Tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp* (link truy cập: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/texte_lc/LEGITEXT000006071154/).
110. Chrisje Brants & Stijn Franken (2009), *The protection of fundamental human rights in criminal process*, *Utrecht Law Review*, Volume 5, Issue 2.
111. Chrisje Brants và Stijn Franken (2009), *The protection of fundamental human rights in criminal process - General reports*, *Utrecht Law Review*, Volume 5, Issue 2.
112. David Hamer, *The Presumption of Innocence and Reverse Burdens: A Balancing Act*, *Cambridge Law Journal*, 2007.
113. Frances Butler (2002), *Human rights protection: methods and effectiveness*, Kluwer Law International.
114. Jack Donnelly (2013), *Universal Human Rights in Theory and Practice*, Cornell University press.

115. Lawyers Committee for Human right (2000), *What is a fair trial?*, Washington DC.
116. Malgorzata Wasek- Wiaderek (2000), *The principle of “equality arms” in criminal procedure under Article 6 of the European convention on Human rights and its function in criminal justice of selected European Countries- A comparative view*, Leuven University Press.
117. Pinghua Sun (2014), *Human Rights Protection System in China*, Spinger.
118. Raija Hanski và Markku Suksi (2000), *An introduction to the international protection of human rights*, Institute for Human rights, Abo Akademi University.
119. Salvatore Zappalà (2005), *Human rights in criminal proceedings*, Oxford.
120. Trechsel (1978), *The protection of human rights in criminal procedure*, General report.
121. Российская Федерация (2025), *Уголовно-процессуальный кодекс Российской Федерации 2001 г., ред. 2025 г.*
122. United Nations, *Human rights: Questions and Answers*, New York and Geneva, 2006, tr.4.
123. <http://www.ca10.uscourts.gov/downloads/pji10-cir-crim.pdf>
124. Bộ luật Tố tụng hình sự Nhật Bản, <https://diendantailieu.com/threads/b%E1%BB%99-lu%E1%BA%ADt-t%E>